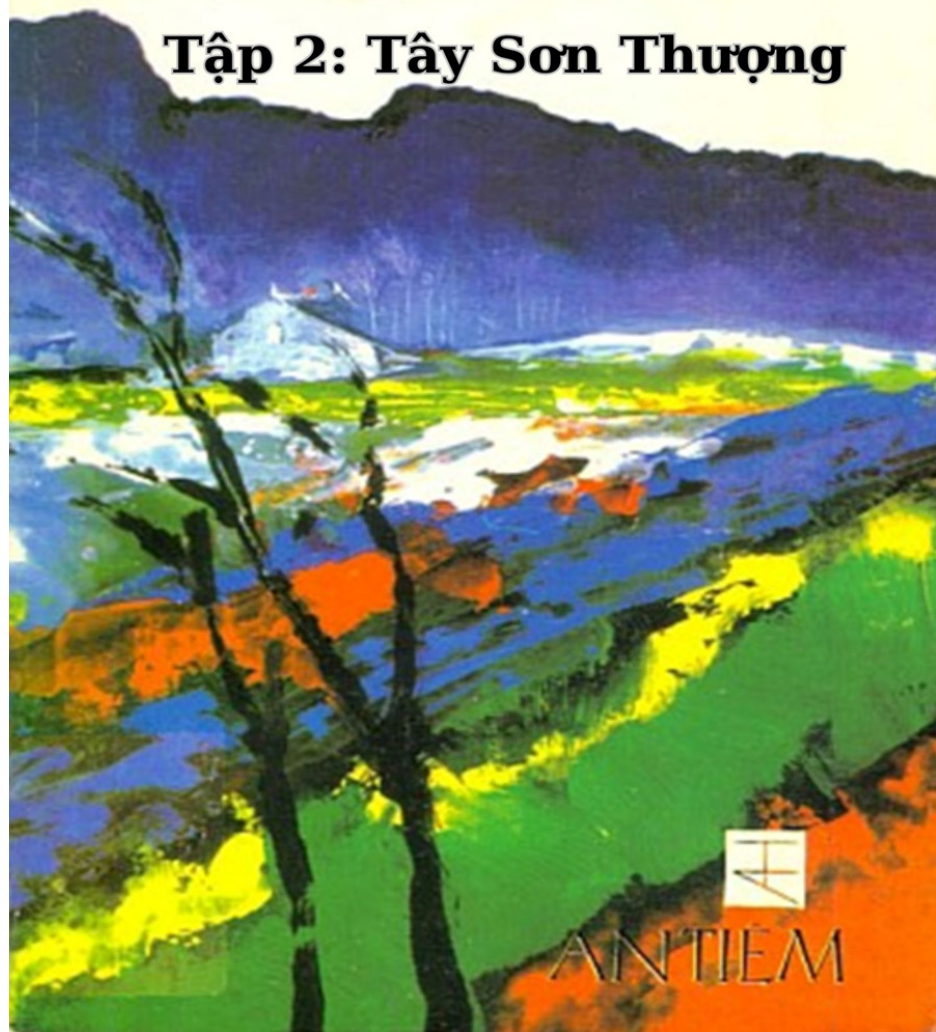


NGUYỄN MỘNG GIÁC

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Tập 2: Tây Sơn Thượng

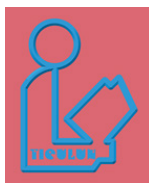


ANTIEM

sông Côn mùa lũ

tập 2: Tây Sơn Thượng

Nguyễn Mộng Giác



sông Côn mùa lũ

Nguyễn Mộng Giác

Bìa: *NXB An Tiêm*

Nguồn: *nguyenmonggiac.com*

sông Côn mùa lũ

NGUYỄN MỘNG GIÁC

AN TIÊM

xuất bản - USA 1990-1991

TẬP 2: TÂY SƠN THƯỢNG

Tóm lược

Chương 13: Tân Mão 1771.

Địa thế vùng Tây Sơn thượng. Các khó khăn buổi đầu ở căn cứ địa. Nạn khan hiếm muối do cắt đứt liên lạc với đồng bằng. Nỗi hoang mang bơ vơ của ông giáo giữa đám người nghèo khổ hung bạo. Vụ hành quyết một người vô kỷ luật để thị uy của biện Nhạc khiến ông giáo và An rung động bàng hoàng, trong khi Chinh bị cuốn hút vào bạo lực. Bất đồng giữa biện Nhạc và ông giáo.

Chương 14: Nhạc sai Phạm Ngạn lo việc xây thành phòng thủ, trong khi Huệ lo tập luyện cho các nhóm nghĩa quân chuẩn bị đột kích các đồn quân phủ. Chinh say mê bạo hành, bị ông giáo đập đòn. Dưới Tuy Viễn, gia đình Lợi bị quân phủ tàn sát. Tây Sơn thượng ráo riết chuẩn bị khởi nghĩa. Nhạc bác bỏ “giải pháp hoàng tôn” do giáo Hiến đề nghị.

Chương 15: Giáo Hiến và Huệ bàn nhau về ý nghĩa phải có của hành động khởi nghĩa. Tình yêu còn mơ hồ giữa Huệ và An. Nhạc nhờ giáo Hiến thảo cho một tờ hịch khởi nghĩa, và một lần nữa lại có bất đồng quan điểm trầm trọng. Việc tổ chức các đội nghĩa quân. Bắt đầu xuống núi tấn công các làng cận sơn. Sự khác biệt giữa các đội do Nhạc, Huệ và Tuyết chỉ huy.

Chương 16: Sự lạm dụng bạo hành là nguyên do các thất bại ban đầu. Lãng chán nản xin trở lên Tây Sơn thượng. Dân các làng cận sơn giấu sổ thuế, không dám nhận thóc do nghĩa quân tịch thu của nhà giàu chia cho. Nhạc mời ông giáo xuống hỏi ý kiến, và đồng ý tạm dùng chiêu bài “phò hoàng tôn Dương”.

Chương 17: Huệ về Tây Sơn thượng thúc đẩy việc rèn thêm vũ khí. Thận chế ra được vũ khí mới: hỏa hổ. Huệ ghé thăm An con gái thầy giáo. Hai người nhắc đến thời An Thái, rộn rã với ý tưởng sắp được về quê.

Chương 13

Năm Tân Mão (1771), gia đình Ông giáo vừa lên Tây Sơn thượng đã chịu thêm một cái tang nữa; thằng Út không chịu được khí hậu miền núi, cái bệnh suyễn kinh niên thêm trầm trọng. Nhưng thằng bé không qua đời vì bệnh suyễn, mà vì chứng phong đòn gánh. Út đập gai lúc nào, cả An lẫn Lãng đều không chú ý. Thằng bé sợ chị mắng, không dám hở môi. Đến lúc cái chân bị sưng to, và thằng bé sốt nằm li bì, thì không

còn chạy chữa cách nào được. Trước lúc mất, thằng bé oằn mình, hai tay chơi với đưa lên không như muốn bầu vịu lấy sự sống. Cả nhà ông giáo khóc nức lên, tuyệt vọng! Chỉ còn biết đưa xác đi chôn ở đám đất sỏi dưới gốc một cây ké rậm lá!

Tây Sơn thượng đối với An thành một vùng đất bất trắc. An thấy cảnh vật ở đây hoang vu buồn tẻ quá! Chung quanh An chỉ toàn núi và sương mù. Nhà cửa ọp ẹp tạm lợp cất bằng những loại cây nhỏ còn để nguyên vỏ, mái lợp bằng cỏ tranh ghép buộc xóc xếch. Những cái chòi đơn sơ ấy cất rải rác trên thung lũng, cây cỏ hoang dại phủ quá nửa tấm vách nứa. An lại nhớ phố phường, cung điện ở thần kinh, nhớ đến làng An Thái đông đúc trù phú nằm ở bến sông, da diết nỗi tiếc cảnh sống ổn định ở đồng bằng.

An không thể hiểu nỗi niềm kiêu hãnh của Chinh, khi Chinh dẫn em gái leo lên một đồi thấp mọc đầy cỏ tranh, trở về phía ngọn núi xa gần, vỡ lòng cho An bài địa lý:

– Mày thấy chưa? Cuộc đất này có “rồng ẩn, hổ ngồi” đấy nhé. Anh Lữ kể ông tổ bốn đời nhà anh quê tận Hưng Nguyên, Nghệ An, bị chúa Nguyễn bắt đày lên chỗ thâm sơn cùng cốc này. Trại mình ở hiện nay cất trên nền nhà tổ tiên của anh Lữ. Dĩ nhiên là rộng hơn nhiều chứ. Hồi đó, làm gì đông vui cho bằng bây giờ.

An không thể không cười mỉa mai, hỏi anh:

– Đông vui? Anh có nói đùa không?

Chinh ngạc nhiên trố mắt nhìn em, càng ngạc nhiên hơn khi thấy An bật cười to. An vuốt lại mái tóc bị gió thổi rối, lấy một mảng tóc cắn vào giữa hai hàm răng để cố không cười nữa, sợ phật lòng anh. Chinh chờ lâu không thấy em nói gì, vội nói tiếp ý mình:

– Cuộc đất tốt vì bằng phẳng, chung quanh lại có núi bao bọc, ấm áp như một cái nôi. Sữa cho em bé là nước sông Ba, và những dòng suối như Rộc Tùng, Hầm Bia, Rộc Môn, suối Cái. Dải núi cao kéo dài trùng điệp từ hướng nam vắt qua đông ngăn chia vùng này với đồng bằng tên là Trục Lĩnh. Kia là ngọn Hảnh Hót, ở đó có một buôn thượng đông lắm. Kia là ngọn Mò O. Phía mặt trời vừa mọc là hòn Lớn và hòn Gia dựa. Núi phía tây bắc kia là hòn Cong.

An nhả mảng tóc ra, lấy ngón tay út cời gỡ nhẹ mấy sợi tóc còn dính vào đầu lưỡi, hỏi anh:

– Núi vây kín cả, thì mình xuống biển bằng lối nào?

– Lối phía bắc. Chỗ kia kia. Không. Xa hơn chút nữa, chỗ có ngọn núi lớn kề bên một ngọn núi nhỏ nằm chệch phía tây nam. Đèo An Khê ở ngay chỗ hai cái núi đó. Cuộc đất này giống như Nhà Trời. Mái là bầu trời xanh. Vách tường là các dải núi cao bao bọc. Nền là thung lũng bằng phẳng. Cửa là đèo An Khê, mở ra, nhìn thấy ngay cái sân đồng bằng Tuy Viễn. Hàng rào là một dải biển xanh.

An ít khi thấy anh hứng chí ba hoa như hôm nay, tìm cách nói ngược lại:

– Nhà Trời! Nhà Trời! Em chẳng

thấy có cái gì vĩ đại cả. Ọp ẹp mấy mươi cái chòi vùi lấp trong cỏ dại, chịu đựng sương mù buốt da. Khiếp. Khi hôm em không tài nào ngủ được!

– Mấy mươi? Mà có biết đếm không? Chưa kể số người ở xóm Ké, hiện chung quanh đây có tất cả 97 cái nhà, 328 người kể cả trẻ con. So với lần cha với anh mới lên đây là quá đông rồi. Hồi đó chỉ lèo vèo vài mươi cái chòi rải rác ở ngoài vòng rào trường trâu. thế mà không biết ai đồn đãi trên này có đất lành, người ta ùn ùn kéo nhau lên. Mỗi ngày vài ba gia đình, có ngày lên đến sáu, bảy gia đình. Càng ngày đời sống ở đây càng tấp nập, đông vui thêm. Trong trại gặp nhiều khó khăn hơn, vì phải đứng ra tổ chức, giúp đỡ nơi ăn chốn ở cho những gia đình mới. Khó nhất là cái ăn. Nhưng đất ở đây tốt, chỉ cần lấy cây nhọn xoi lỗ bỏ hạt bắp xuống

là vài tháng sau bẻ được những trái bắp to tướng. Giống bắp mọi lớn và dẻo lắm. Tiếc một điều là chỉ làm được một mùa. Khó khăn do ở chỗ đó.

Chinh nói đúng được cái khó khăn chính của Tây Sơn thượng vào năm Tân Mão, nhưng chưa nói được hết sự phức tạp của nỗi khó khăn ấy.

Ban đầu, nó hiện ra thật nhỏ nhoi, tầm thường. Muối. Số muối dự trữ trong trại cạn dần. Người ta vay mượn nhau từ một bát, đến một nắm, đến một nhúm nhỏ. Người ta nói dối nhau, rồi người ta từ chối thẳng thừng. Lời qua tiếng lại giữa những người quen biết, thân thuộc vì chuyện vay mượn muối. Đi đâu cũng chỉ nghe muối, muối. Mẹ mắng con vì một xiu muối hoang phí. Anh em cầu xé nhau, vợ chồng kình cãi nhau vì muối. Cả Tây Sơn thượng dáo dác bàng hoàng

vì đột nhiên nhận ra rằng đời sống của mình bị đe dọa, do cắt đứt liên lạc với đồng bằng Tuy Viễn và biển cả. Từ đèo, nhìn xuống dải đồng bằng chấp vá loang lổ từng mầu xanh nõn và nâu nhạt, cùng mặt biển bạc lạng lẽ, những con người phiêu bạt ấy bắt đầu thấy lòng hãnh diện, ý chí chinh phục chùng lại. vào những giây phút yếu lòng đã âm thầm gợn lên nỗi luyến tiếc, lòng hối hận. đỉnh đèo cô đơn nhìn về biển cả với tất cả ao ước, chỉ vì cái vị mặn thiếu thốn nơi đầu lưỡi.

Theo chỉ dẫn của người Thượng, người ta thay muối bằng tro cỏ tranh. Thức ăn ngả màu đen, mỗi lần nuốt một miếng cơm phải rướn cổ cao, gắng trệu trạo để tìm vị mặn rồi cố nuốt cho trôi xuống họng. Bữa cơm trở thành một nỗi ám ảnh khổ tâm. Trẻ con vùng vằng ỉ ôi giữa bữa. Mẹ bực bội phát vào mông

đứa bé vài cái. Chồng cần nhằn vợ. Láng giềng gây gỗ, ẩu đả nhau chỉ vì một có con con, trong khi nguyên do thực sự là những bữa cơm thiếu muối.

Bao nhiêu đồ đạc, quần áo có đôi chút giá trị trong nhà đều tiêu phí mau chóng để đổi lấy vài vốc muối hầm. Ban đầu chỉ có trao đổi giữa người tham lợi và người ghiền mặn. Hai cái tham si ấy gặp nhau và cùng hả hê. Nhưng phút vui qua mau. Phải đến một lúc người ta giật mình nhận ra rằng không thể ôm đống quần áo đồ đạc chặt trong tầm tay để nuốt trôi miếng cơm pha tro, hoặc không thể chịu đựng nổi cái lạnh căm căm nhứt buốt của khí núi về đêm để có được bữa ăn trắng. Tình thế dùng dằng, cả hai bên đều thấy mình đang sa bẫy không cưỡng lại được. Rồi muối cạn dần, mớ của cải tạm gọi là quý giá đổi nhiều lần chủ, cuối

cùng người thượng mang ra Tây Sơn thượng những túi muối nhỏ đựng trong dí tờ dừa để mang hết mớ của cải gồm quần áo, đồ đồng, chum vại ấy về buôn.

Làm sao người Thượng họ có được muối, khi con đường độc đạo dẫn xuống Tuy Viễn đã bị quân triều canh phòng nghiêm ngặt? Người ta đoán chừng: họ quen ăn nhạt, nay một ít mai một ít dành dụm được vài dí ấy thôi. Quả tình những người Bana mang từng dí muối nhỏ ám khói đi đổi hàng với vẻ mừng rỡ pha chút tiếc nuối trân trọng, e dè thẹn thùng như những kẻ ngoan đạo bị bắt gặp đang lén bán thánh tích. Nhưng đó là khoảng đầu. Về sau, những thanh niên lực lưỡng, da cháy nắng phải hỗn hển cong gập người xuống mang từng gùi muối nặng ra đổi hàng. Muối hột còn mới, cạnh sắc và óng ánh phản quang. Bây giờ người ta mới

hồ nghi. Giá muối tuy vậy vẫn không chịu hạ, vì những gia đình có tiền bỏ vốn ra tích trữ. Hạng du thủ du thực, hạng quen buôn bán lâu nay chưa thích nghi được với công việc nương rẫy đều đặn, tẻ nhạt, bắt đầu đánh hơi thấy một nguồn lợi mới. Vài trai tráng đột nhiên trốn đi đâu mất, công cuộc khai hoang trễ tràng, lơ là. Ít lâu sau, họ trở về với những gùi muối đầy. Bị cật vấn, họ bảo đã đi khắp các buôn heo hút nằm sâu trong rừng phía tây để mua muối. Người trong trại nửa tin nửa ngờ. Số trai tráng bỏ trại đi buôn nhiều hơn. Mùa màng bị bỏ dở, cỏ mọc lấn áp cả những luống bắp yếu ớt. Giá thực phẩm lại tăng vọt. Nguy hiểm hơn nữa là thái độ bất hợp tác khác thường của người Thượng. Họ không gùi muối ra trại đổi hàng nữa vì đã bị đám con buôn người Kinh tranh giành thị trường, nhưng cả đến bắp ngô,

măng le, thị rừng cũng biến mất trên các chợ nhỏ vẫn thường họp mỗi sáng ở bìa rừng. Rồi các vụ kiện tranh chấp giữa người Kinh với người Thượng tăng vọt. Bắt đầu có các vụ lưu huyết, vì tranh nhau quyền đồn củi, quyền vỡ rẫy. Nói chung, tình trạng xáo trộn trong mối quan hệ với người Thượng và công việc trồng tía bê trễ đã thực sự đưa Tây Sơn thượng đến bờ vực đói và chết.

✱

Trong căn phòng năm trước Kiên nằm dưỡng bệnh, biện Nhạc, Lữ, Huệ, ông giáo và một người đàn ông lạ đang ngồi vây quanh cái giường đan bằng nứa. Ngọn đèn chai nổ lép bép hắt một thứ ánh sáng vàng bệch lên khuôn mặt đăm chiêu của mọi người. Trên có một

người bị thương đang nằm nghiêng, quay mặt ra phía ánh sáng. Một băng vải màu thẫm băng chéo lên khuôn mặt anh ta, che mất con mắt phải, và gò má cao. hình như anh ta bị thương ở trán, vì một mảng tóc vết máu khô cứng thành một mũi dao găm xuyên dưới băng vải, khiến nét mặt người bị thương thêm dữ tợn. Tuy nhiên, giọng nói của anh ta yếu, nhẹ như giọng con gái, chua và the thé. Mọi người đều đoán anh ta là người miệt ngoài, ít ra phải từ Bồng Sơn trở ra.

Ông biện hỏi:

– Tại sao mày cứ giấu quanh hoài vậy? Ai chém mày?

Người bị thương hốt hoảng trả lời:

– Dạ các chú nghi oan cho cháu. Cháu đâu dám nói dối. Chỉ vì sơ ý, cháu

vấp phải một cái rễ cây, trán đập vào mũi đá.

Giọng ông biện danh hẳn lên:

– Một thằng ngu cũng biết đây là vết chém. Mà tưởng ai ở đây cũng mù cả sao? Ai chém mà?

Người bị thương đưa đôi mắt lơ lơ nhìn quanh, dường như để cầu cứu, để van xin sự thông cảm. Anh ta chỉ thấy những gương mặt lạnh lẽo, đen bóng và bất động như những pho tượng dưới vùng ánh sáng chết. Anh đưa lưỡi liếm môi, hơi thở khó khăn. Sau khi cựa mình, anh ta thều thào:

– Cho cháu xin chút nước.

Không ai trả lời ngay. Căn phòng yên lặng hoàn toàn. Người bị thương rụt rè:

– Cháu khát quá. Khát đến chết mất.

Ngọn đèn chai nổ lép bép trả lời anh ta. Mãi một lúc sau, biện Nhạc mới quay lại phía Huệ, hất hàm ra lệnh. Huệ đứng dậy mở nhẹ cánh cửa gỗ, bước ra khỏi phòng.

Uống xong hai ngụm nước nóng, người bị thương vẫn còn thèm thuồng, đưa lưỡi liếm hai môi sưng. Ông biện nói:

– Đủ rồi mày uống nữa là chết.

Thấy người bị thương nhắm mắt lại, ông đâm giận. Ông nói gần như quát tháo:

– Mày uống nước xong rồi nằm ngủ, mặc xác mọi người à? Ai bảo bọc giúp đỡ gia đình mày? Ai giúp muối, giúp gạo cho mày? Mày bỏ rẫy đi biệt bao lâu, bây

giờ bị chém, được anh em cứu khiêng xác về đây, vậy mà còn không biết nghĩ, chỉ một mực nói dối. Ai chém mày?

Người bị thương sợ quá, chống tay bật ngồi dậy. Nhưng đôi cánh tay anh nhũn ra. Đầu anh rơi mạnh xuống mặt nứa, anh đau đớn đến thét lên. Huệ và ông giáo cùng xô đến phía anh ta. Những người còn lại ngờ ngàng một lúc, chưa biết phải làm gì nữa. Ông biện liếc về phía cái chõng tre, môi mím lại. Ông bỏ ra khỏi phòng. Người đàn ông lạ và Lữ lặng lẽ bước theo ông biện. Chỉ còn có ông giáo và Huệ trong căn phòng âm u. Thấy ông giáo lật mí mắt và bắt mạch người bị thương, Huệ lo âu hỏi:

– Có việc gì không thầy?

– Không sao. Mạch còn tốt. Chỉ bị ngất đi thôi.

Ông giáo bảo Huệ lấy khăn ướm chườm lên trán người bị thương. Phần ông thì sửa lại thế nằm cho hai tay anh ta xếp dọc theo thân thể, hai chân thẳng gót sát nhau, bàn chân xòe ra hai bên.

Một lúc sau, anh ta tỉnh lại. Đôi mắt anh ta mở từ từ mơ màng dật dờ trong một trạng thái hỗn mang. Đột nhiên anh nhớ lại hết, và lơ lảo nhìn quanh. Anh bắt gặp đôi mắt hiền từ của ông giáo. Bắt gặp vẻ lo âu thẳng thốt của Huệ. Một cảm giác lâng lâng mơn trớn nơi hai thái dương, lan xuống má, xuống khắp thân thể, chân tay. Anh thấy tủi thân, và hai giọt nước mắt ứa ra ở khóe mắt. Tuy ông giáo và Huệ không nói gì, chỉ triu mến nhìn anh, nhưng anh cảm thấy phải nói điều gì đối với họ. Anh hỏi:

– Cháu chưa chết ư?

Ông giáo cười nhỏ, vỗ nhẹ vào vai trái người bị thương, đáp:

– Chết thế nào được? Vết thương xoàng thế này!

Người bị thương rụt rè nói:

– Cháu không dám nói với ông biện là cháu bị chém.

Ông giáo bảo:

– Không việc gì phải sợ. Đã không chịu đựng nổi đồng bằng kéo lên đây, không bảo bọc che chở nhau, làm sao có ngày trở lại quê hương. Cháu người miệt nào?

– Miệt Đồng Hậu.

– Vùng bị đói đấy à?

– Dạ. Đến củ chuối, đọt dứa cũng

không còn. Mấy đứa em của cháu chết cả. Cháu với mẹ cháu đi theo người ta, về phía nam. Đi đâu người ta cũng xua. Hễ bị xua thì chạy. Chạy đến đâu, đào trộm hái trộm mà ăn đến đấy. Đến Kiên thành, hai mẹ con cháu tìm được việc làm. Cháu khuôn vác thuê ngoài chợ. Mẹ cháu đổi nước. Chưa được một tháng thì xảy ra vụ cả làng bị quan trên bắt, nhà cửa bị đốt. Cháu lại dắt mẹ chạy theo người ta lên đây.

Huệ chen vào hỏi:

– Thế ra anh trốn lên trên này từ độ đó. Có biết vì sao quân triều đốt cả Kiên Thành không?

Người bị thương nhìn chăm chăm vào mặt Huệ, vẻ do dự ngại ngùng. Hình như anh ta nhớ ra Huệ. Anh nói:

– Cháu không rõ. Nghe người ta nói, quan trên có hiểm thù gì đó với gia đình ông biện.

Ông giáo hỏi:

– Anh bị thương, mẹ anh có biết không?

– Chưa chắc biết. Mấy chuyến trước cháu đi nửa tháng mới về. Chuyến này chỉ mới được ba ngày, cháu đã bị... Chắc mẹ cháu còn chờ.

Ông giáo lại hỏi:

– Anh có muốn nhắn tin cho bà cụ hay không?

Người bị thương chưa kịp trả lời, thì Huệ đã hỏi:

– Các anh buôn muối theo đường nào?

Anh ta lại nhìn Huệ thật lâu. Sau một lúc do dự, anh ta nói:

– Cháu với mấy người nữa biết người Thượng theo đường rừng xuống mua muối tận phủ Phú Yên. Chúng cháu lên theo họ.

Huệ hỏi:

– Họ có biết không?

– Sau vài chuyến, họ biết.

– Các anh bị lộ à?

– Chưa. Họ thấy chúng cháu có muối mà bán nên dăm nghi. Với lại...

Ông giáo mừng rỡ vì những điều mình đoán đều đúng. Ông đã tìm ra lý do vì sao người Ba Na quanh đây đột nhiên thay đổi thái độ, vì sao có những vụ gây gổ, sinh sự giữa người Kinh và người

Thượng mấy tháng trước. Ông nghĩ phải tìm một con đường nào đó, có thể lại dùng con đường của người Thượng đâm chếch về hướng nam nối liền Tây Sơn thượng với Phú Yên, để cuống rún dẫn muối lên rừng và sản vật nậu nguồn xuống bể khỏi bị cắt lìa. Ông nói ngay điều đó với biện Nhạc. Giữa lúc mừng rỡ, ông giáo chợt nhớ đến người mẹ của người bị thương. Ông nhắc lại câu hỏi:

– Anh muốn tôi dẫn bà cụ xuống đến đây săn sóc anh không? Bà cụ ở khu nào?

Người bị thương suy nghĩ một lúc, rồi nói:

– Thôi vậy. Cháu sợ mẹ cháu lo, phát bệnh mất. Vết thương của cháu có nặng không chú?

Ông giáo bảo:

– Không can gì đâu. Vết chém cạn, chưa phạm tới xương sọ.

Huệ hấp tấp hỏi:

– Ai chém anh vậy?

Người bị thương đáp nhỏ, sau một lúc im lặng lo lắng:

– Cháu không rõ. Có lẽ là người Thượng. Sau khi ngã xuống, bạn bè chạy tán loạn vào rừng, cháu nghe có mấy tiếng kêu nhau bằng tiếng Ba Na. Cháu vội lết đến nằm trong một bụi rậm, sợ họ trở lại. Sau đó, vì máu ra nhiều quá, cháu ngất đi.

Huệ hỏi:

– Điều này quan trọng lắm. Anh có chắc là chính người Ba Na định giết anh không?

- Có lẽ đúng họ.
- Vì sao họ muốn giết anh?
- Tại vì... Tại vì... Cháu không hiểu tại sao nữa. Có thể họ sợ chúng cháu tranh mất nguồn lợi muối của họ.

Vừa lúc đó, cửa phòng mở. Lữ vào phòng, mời ông giáo lên gặp biện Nhạc có việc gấp. Thấy Huệ đang trù trù bên giường người bị thương, Lữ bảo:

- Anh hai vừa hỏi chú đấy!

✱

Lúc ông giáo đến, người đàn ông lạ mặt đang hăng hái trình bày điều gì đó với ông biện Nhạc. Ông ta có thói quen nói chậm và lớn tiếng, nói một câu thì dừng lại, hau háu nhìn thẳng vào mặt người

nghe như để dò xem lời nói của mình đã thấm đến đâu. Trong những phút chờ đợi ấy, ông biện gật đầu vâng vâng dạ dạ hết sức thành kính. Người đàn ông lạ hết sức thú vị khi thấy hiệu quả lời nói của mình, sau mỗi cái gật đầu của ông biện, ông ta cười ha hả, đập tay vào vai ông biện nhắc đi nhắc lại mãi mấy tiếng: “Phải thế không? Phải thế không nào!”

Người lạ khẽ gật đầu chào ông giáo, tự nhiên tiếp câu chuyện đang bỏ dở:

– Phải thế không? Cái gì cũng có qui củ cả. Để chúng nó sống ô hợp thế này, muốn làm gì thì làm, đi đâu tùy ý, thì chẳng mấy chốc, quân triều kéo lên đây làm cỏ tất cả chúng ta dễ như lấy đồ trong núi. Phải thế không nào. Ông đừng quên trong sổ dân xiêu dạt lên chỗ sơn cùng thủy tận này, không ít những bọn du thủ du thực quen sống vong mạng

nơi đầu đường xó chợ. Lúc yên chúng giả vờ nghe ông, lúc loạn cái gì chúng cũng dám làm. Từ đầu ta không cầm cương chặt chẽ, thế nào về sau cũng bị bọn ngựa chúng nó hất xuống đường rồi đạp nhầu lên trên. Phải thế không nào...

Biện Nhạc rót nước trà ra cái bát lớn, rồi đẩy về phía trước mặt người lạ. Ông ta bưng bát nước bốc khói uống tự nhiên, không khách sáo. Mọi người ngồi xếp bằng trên chiếc chiếu lát, trải trên nền đất nện trong nhà khách. Vẫn một ngọn đèn chai lách tách nổ, soi sáng gian nhà thấp lợp cỏ tranh. Chưa thấy ông biện gật gù đồng ý, người lạ không chịu nói tiếp. Biện Nhạc trầm ngâm hồi lâu rồi hỏi:

– Theo ý cậu thì nên làm gì trước?

Chợt thấy ông giáo lúng túng trước người lạ, ông biện vội giới thiệu:

– Tôi quên mất. Đây là cậu Năm Ngạn (Phạm Ngạn). Còn đây là thầy giáo của thằng Bảy, thằng Tám. Chắc cậu đã nghe nhiều người nói đến thầy giáo Hiến ở An Thái.

Năm Ngạn khẽ gật đầu chào trả ông giáo, ánh nhìn đầy vẻ tự đắc, cao ngạo. Ông ta nói:

– Làm gì trước hả? Làm cái này: Chấm dứt ngay tình trạng hỗn quân, hỗn quan ở đây. Phải tỏ uy cho chúng nó sợ. Mới lên được hai hôm, tôi đã thấy ở đây lộn xộn như cái ổ kiến mắc mưa. Ông nghiệm lại xem, có phải thế không?

Ông giáo tìm được dịp để nói ý mình, vội chen lời:

– Tôi thấy cái chính là ổn định đời sống. Dân có yên việc làm ăn thì trật tự mới có được. Chẳng hạn mỗi lo trước mắt của mọi người bây giờ là bắp và muối. Vì thiếu muối nên người ta đành đem cả quần áo, chén bát ra đổi muối ăn. Ham lợi, bọn trai tráng bỏ ruộng rẫy đi buôn muối. Hỗn loạn từ đó mà ra: ruộng rẫy không ai trông nom, lúa bắp hoặc không được vun xới, hoặc bỏ mặc cho cỏ dại che lấp, nên lương thực hao hụt. Chắc ông biện đã biết, người Thượng họ vượt rừng buôn muối tận Phú Yên. Bị bọn trai tráng vùng này cạnh tranh, họ bất mãn, từ bạn họ xem ta như kẻ thù. Cho nên tôi thấy việc phải làm trước hết là lo đủ muối cho mọi người. Không lo sớm, từ đây ngày nào cũng có vài vụ đâm chém nhau giữa Kinh Thượng như vụ khi chiều.

Biện Nhạc vội hỏi:

– Hắn đã khai bị người ta chém rồi à?

Ông giáo đáp:

– Vâng. Anh ta lên đây tận hồi Kiên Thành bị đốt. Gia đình chết đói cả chỉ còn hai mẹ con. Anh ta bảo vì ham lợi, đã lén theo đường người Thượng để buôn muối. Người Thượng chém anh ta vì quyền lợi bị tranh cướp mất...

Ông giáo dừng lại vì thấy Lợi lấp ló ở cửa nhà khách, do dự chưa dám vào. Biện Nhạc thấy ông giáo nhìn về hướng cửa lớn, cũng quay lại, nhưng không để ý đến thái độ của Lợi. Ông quay vào trong chờ ông giáo nói tiếp. Lợi rụt rè vào nhà khách, người hơi khom xuống, chân bước rón rén. Anh đến chỗ đặt cây đèn

chai, lấy cái que vắn cột dính vào chân đèn, kêu nhẹ lên đầu thổi chai. Những giọt lửa rơi xuống nền nhà kêu lèo xèo. Vì khơi quá đà, ánh sáng lụn hắt xuống. Biện Nhạc nhú mày khó chịu, nhưng vẫn không nói gì. Lợi chờ cho đèn sáng trở lại, mới đến sửa lại chiếc chiếu lát bị xô lệch do kiểu ngồi ngang tàng của Năm Ngạn. Năm Ngạn rứt chân về, hai tay ôm lấy đầu gối. Ông biện hỏi:

– Có việc gì thế?

Lợi vội đứng dậy, lễ phép đáp:

– Da, thưa không có gì. Cháu tưởng đèn chai đã hết.

Biện Nhạc nói:

– Thôi được rồi.

Lợi đành phải ra khỏi nhà khách, hơi luyến tiếc. Năm Ngạn từ lâu tránh nhìn về phía ông giáo, xem như những điều ông giáo nói không liên quan gì đến mình, không phải cho mình. Đến lúc ấy Năm Ngạn mới quay về phía ông giáo và bảo:

– Thầy nói sai rồi! Chúng nó dám bỏ rẫy đi buôn muối, là do chưa biết sợ. Chưa ai làm cho chúng nó sợ cả. Mình hiền quá, xem chúng nó như khách trọ. Nếu ông biện đây cho chúng nó biết thế nào là phép nước, thế nào là luật lệ, cho những đứa vô phép biết thế nào là cái chết thì dù có ăn nhạt cả năm chúng cũng không dám lộng.

Ông giáo không nén được giận, bỏ cả cái thói quen ngại làm phiền lòng người khác, nói thẳng ý mình:

– Dùng hình pháp và bạo lực, thì người ta sợ mà không phục, yên được một ngày thì chắc chắn sẽ loạn suốt những ngày còn lại. Chuyện đó còn ghi rành rành trong sử sách. Tần Thủy Hoàng chưa đốt được hết sách Nho mà lửa đã cháy rần rật cung A Phòng.

Năm Ngạn cướp lời ông giáo:

– Thầy nói sách thì dân ngu như tôi với ông biện đây xin chịu thua. Chắc chắn thầy thông thái kim cổ, hiểu xa thấy rộng hơn dân núi chúng tôi.

Biện Nhạc thấy tình thế gay go, cười xòa để giảng hòa:

– Tôi thấy cả cậu Năm và thầy giáo đều có lý. Tôi lẫn lộn với đời nhiều, tôi biết. Trăm người là trăm tính, không phải ai cũng sẵn sàng nghe lẽ phải. Có

người không ưa nhẹ. Có người thà chết chứ không chịu để cho người khác nói nặng lời. Cậu Năm chú ý cách đối phó với hạng người không chịu được lẽ phải. Thầy giáo thì chú ý đến cách thuyết phục những kẻ biết điều. Nhưng thưa thầy, kẻ biết điều ít lắm. Như cái thằng suýt chết chém chúng ta cứu về chiều nay. Không dẫn được cơn giận tôi đã quăng xác nó ra cửa sổ cho cọp nhai rồi.

Ông giáo thấy cần phải bào chữa cho người vắng mặt:

– Hẳn sợ quá nên nói dối. Ông biện đi xong, hẳn thú nhận ngay là đã trốn trại đi buôn muối và bị người Thượng đón đường chém.

Năm Ngạn nói:

– Tin sao được? Trước sau nó chỉ nói dối.

Ông giáo cố lấy giọng ôn tồn:

– Tôi nhìn vào mắt hần và biết là hần nói thật. Và tôi thấy muốn chấm dứt những vụ lưu huyết này, phải tổ chức ngay việc tiếp tế muối cho dân. Người Thượng làm được, tất mình cũng làm được. Nếu cần, và tôi tin nên theo lối này thì tốt hơn, nếu cần ta hợp tác với họ để mua muối. Dân không sợ thiếu muối nữa thì an tâm làm rẫy.

Năm Ngạn không thềm nói gì thêm, bưng bát nước trà ngồi uống đánh ực một cái. Biện Nhạc suy nghĩ một lúc, mắt nhắm chiu. Thỏi đèn chai gần lịm nổ lách tách, khiến những cái bóng trên vách lúc mờ lúc tỏ. Một lúc sau, biện Nhạc nói:

– Hối sáng người Ba Na đến đây, mang theo đầy đủ cung giáo. Họ bảo chúng ta đã giết hay bắt cóc ba người của

họ. Tôi thể là không có. Họ khẳng khẳng bảo có. Chuyện còn gay go nhiều đấy. Thầy, mời thầy uống nước! Chậc! Ngươi cả rồi. Để tôi bảo tụi nó pha ấm khác.

Ông giáo muốn chấm dứt cuộc bàn luận, vội nói:

– Thôi khuya rồi! Dễ thường đã hết canh hai cũng nên.

✱

Ngay sáng hôm sau, ông giáo vui mừng thấy kết quả những lời thuyết phục của ông. Biện Nhạc đưa ra một số biện pháp nhằm ổn định đời sống trong trại. Đích thân ông biện đi thăm các già làng ở những buôn Thượng trong vùng, đề nghị cùng hợp tác với họ trong việc xuyên rừng chuyển muối lên Tây Sơn

thượng. Vài nơi họ từ chối. Vài nơi chịu nhận. Ông đi một nước cờ khéo. Ông giáo cho Lữ và Lợi cùng một số trai tráng quen đường rừng lên về Tuy Viễn tìm đến Nguyễn Thung. Ông đề nghị Nguyễn Thung hợp tác với ông, hai người ở hai bên đèo cùng làm chuyến buôn lớn, tuy nguy hiểm nhưng nhiều lãi. Tây Sơn thượng cần muối của Nguyễn Thung tiếp tế lên lút theo những đường rừng luồn lách qua mắt các trạm quan, còn Nguyễn Thung thì được độc quyền hàng nguồn. Nguyễn Thung đặt nhiều điều kiện, đòi giá cao. Biện Nhạc chấp thuận hết. Lấy kết quả giao ước đó, ông biện gặp lại các già làng, chứng minh cho họ thấy con đường muối mới này chỉ bằng một phần con đường dày đặc hiểm nguy từ Tây Sơn thượng xuống Phú Yên.

Trong khi đó, ông biện giao hẳn việc

tổ chức khẩn hoang, canh tác cho Năm Ngạn. Số người bỏ đi buôn muối giảm mau chóng, việc nương rẫy trở lại điều hòa, khiến Năm Ngạn càng tin ở “cái uy” của mình. Tuy nhiên, có một việc hoàn toàn bất ngờ đối với ông giáo, xảy ra vào cuối tháng tư năm Mão, giữa lúc ông giáo còn say sưa với hiệu quả thuyết phục của mình. Đêm hôm trước, ông trăn trở thao thức vì một người tù vượt ngục trốn lên Tây Sơn thượng mang theo những tin buồn về Kiên, mãi đến gần sáng mới thiếp đi, mê mệt. Tiếng chân chạy, tiếng bàn tán nói cười bên ngoài liếp nửa đánh thức ông dậy. Phải mất một lúc lâu, ông mới thoát ra khỏi dư âm của cảm giác sợ hãi vu vơ, có lẽ do một cơn ác mộng mà ông đã quên. Chỉ còn lại trong ông cảm giác quay cuồng, sự xê động thất thường của mặt đất, sự run rẩy của đồ đạc, và thực hơn hết là hình ảnh hai bàn tay ồm

của ông đang bầu chặt lấy thanh giường. Ông giơ hai tay lên, vết bầm hình nan tre còn đó.

Ông ngồi dậy, đưa bàn tay trái lên áp vào chỗ trái tim hồi hộp. Lưng áo ông ướt mồ hôi, dù khí đêm còn lớn vẫn khắp nhà. Chinh và Lãng đã đi đâu rồi. Dưới bếp, An đang nhen lửa, nhưng vì nôn nả chưa hiểu chuyện gì xảy ra ngoài trại mà mọi người rầm rập chạy đi xem nên nhen mãi mà lửa vẫn chưa bén. Cô hỏi cha:

– Sáng nay họ chia muối phải không cha?

Ông giáo lẩm nhẩm tính ngày, rồi bảo:

– Chưa tới kỳ mà! Hai đứa kia đâu rồi?

– Dạ, chạy lên trại chính cả. Một người bạn anh Chinh hốt hải chạy đến, vẻ mừng rỡ lắm, nói với anh Chinh: “Đúng rồi. Tao nói có sai đâu. Họ làm ngay sáng nay đây. Người Thượng đã tới, đông lắm. Họ chờ ở ngoài cổng để đi một thể”. Anh Chinh nghe thế, chỉ còn kịp choàng áo vào, chạy theo anh bạn. Lãng hỏi con chuyện gì thế. Con không biết, nó bảo con giấu. Đến lúc thấy lũ trẻ con phía trước nhà ùn ùn kéo đi, nó chạy theo.

Ông giáo lấy làm lạ, bản thân giữa sự tò mò và tức giận. Giữ vai cố vấn thân cận cho biện Nhạc, từ chuyện lớn đến chuyện nhỏ trong trại, thậm chí đến thời khóa biểu qui định công việc hàng ngày, có gì mà ông không biết trước. Trừ cái việc sáng hôm nay. Ông bóp trán cố nhớ cả ngày hôm kia ông chỉ bàn với ông

biện cách tìm biện pháp huy động sức người vỡ hoang thêm vùng đất phì nhiêu ở xóm Ké, làm thế nào cho công việc có hiệu quả, thực hiện được sự công bằng.

Hôm qua, ông mất cả buổi sáng để trả lời các câu hỏi của ông biện và Huệ về đủ thứ chuyện kinh đô: từ việc phòng the trong phủ chúa, sự xa hoa tráng lệ ở Phấn Dương, cung cách thiết triều cho đến những trò dâm dật ma quái của Duệ Tôn. Đặc biệt, biện Nhạc thích thú trước những chi tiết ngộ nghĩnh trong đời sống cung đình: cách bọn thái giám coi sóc đám cung nữ, cách chọn một người đàn bà chung gối qua đêm của Vũ Vương. Ông biện cười ha hả khi nghe Phúc Khoát đổi tục cũ để xác lập vương hiệu, cho gọi con trai làm con gái, gọi con gái làm con trai, vì vậy cháu đích tôn của Phúc Khoát là Phúc Dương được gọi là Chị Dương.

Ông giáo đã nhúu mày khó chịu, khi một lúc quá thích chí, biện Nhạc vỗ vai ông cười nham nhở hỏi:

– Thầy nói thật nhé. Đừng giấu nhé. Cái tên giả gái đó nó có cu không?

Huệ cũng không thể nhin cười. Tuy vậy, thấy ông giáo khó chịu ra mặt vì cách bông đùa của anh, Huệ làm mặt nghiêm ngay. Anh hỏi qua chuyện bố trí thành phòng thủ, bộ tường hào quanh thành Thuận Hóa, cách chuẩn bị khí giới khi có giặc kéo đến. Hai anh em quay sang tranh luận sôi nổi với nhau về cách phòng thủ cho Tây Sơn thượng: biện Nhạc muốn ngay sau khi mùa mưa dứt, việc nường rẫy đã xong, huy động mọi người xây lũy đắp thành để phòng ngự. Ông cho rằng ngoài nhu cầu phòng thủ, thành lũy còn tượng trưng cho nhiều điều cao cả và cần thiết, như sự hiện diện của quyền lực, uy

mãnh của người lãnh đạo, sự rắn đe đối với các ý tưởng bạo loạn và võ pháp, cái đích cụ thể của lòng tin tưởng, chỗ dựa vững chắc của bọn yếu bóng vía, và quan trọng hơn hết, là sự thần phục mang tính chất mê tín của người Thượng quanh vùng. Thành lũy càng đồ sộ, ít ra cũng không thua kém thành Qui Nhơn bao nhiêu, thì người Thượng càng dễ bị khuất phục. Với giọng tự tin pha nhiều cao ngạo, biện Nhạc ra lệnh cho ông giáo tìm ngay đất để đắp thành, nơi nào có nhiều ngọn núi phủ phục châu hầu, nơi nào có long mạch. Công việc thật gấp “nếu được, mà sao lại không được, ông giáo hãy bắt tay ngay vào việc chiêu hôm nay”

Huệ thì nghĩ khác anh. Cậu thanh niên 19 tuổi trầm tĩnh nhưng cũng cao ngạo không kém gì anh, chỉ khác anh ở cách biểu lộ thay vì nói năng hăng hái,

vung tay thêm sức cho các lời truyền đạt như Nhạc, Huệ biểu lộ lòng tự tin mãnh liệt và sự xem thường các trở ngại nguy hiểm qua lối nhìn nửa giễu cợt, nửa nghiêm nghị, qua cách nghiêng đầu lắng nghe người khác nói với một nụ cười mỉm trên môi, qua giọng nói lớn và rành rẽ từng tiếng khiến mọi điều rắc rối trước đó đột nhiên sáng tỏ, cuộc tranh luận bùng nhùng trước đó trở thành vô vị và sai lầm.

Buổi sáng hôm qua, tin tưởng vào thâm tình thầy trò sẵn có với ông giáo, quen thuộc với lối tranh luận thẳng thắn giữa anh em, Huệ trình bày thật rõ ràng quan niệm của mình về việc phòng thủ. Cậu đã khiến ông anh cả tiu nghỉu bất lực, khi bằng những con số cụ thể chính xác, chứng minh cho anh cả thấy cái thành trì kiên cố tượng trưng cho quyền uy vạn

năng ấy được xây trên khối núi. Cả trại được tất cả bao nhiêu nhân công? Mỗi người đào, xúc, gánh, khiêng, đắp, nện mỗi ngày được bao nhiêu đất? Xây xong một thành nhỏ hơn thành Qui Nhơn một chút, thì phải mất bao nhiêu năm? Vả lại, có cần phải xây thành không đã? Để tạo uy quyền ư? Như thầy giáo Hiến vừa nói, thành quách lâu đài cao, rộng như thành Phú Xuân có tạo được chút uy quyền nào không, ngoài những lời xâm xì về trò dâm dật của thằng bé con 12 tuổi. (Duệ Tôn) và chứng tham lam của tên quốc phó. Để phòng ngự ư? Quanh đây là núi, có thành nào cao cho bằng? Đèo An Khê hiểm yếu, có cửa thành nào vững cho bằng? Không xây thành vì Trời đã xây sẵn cho ta cả tòa thành hùng vĩ bảo vệ ôm ấp Tây Sơn thượng rồi. Không xây thành để khỏi phải giữ, khỏi phải phí sức mở đóng và đêm ngày lo âu. Trước mắt,

theo ý Huệ, nên tổ chức nghĩa binh cho tốt, đội ngũ chỉnh tề, luyện tập thường xuyên, và đắp thêm một cái lũy giữa hai hòn núi nằm án ngữ ở phía bắc đèo.

Vô tình làm người thứ ba chứng kiến cuộc tranh luận gay go giữa hai anh em, người nào cũng muốn lấy sổ tuổi tác và kho kiến thức của ông giáo làm viện binh cho mình, ông giáo thật khó xử. Lần đầu tiên ông nhìn Huệ với đôi mắt khác. Lòng tự tôn thường thấy ở những người làm thầy, và cách biệt tuổi tác, từ trước đến nay che không cho ông giáo thấy hết sự thông minh sắc sảo và khả năng nhận định thực tế của Huệ. Những đêm canh lúa bên ánh con cúi leo lét giữa đồng khuya, ông thấy Huệ là người bạn nhỏ của mình trên đường hoài nghi, người bạn nhỏ như cái bóng của ông, giúp ông bớt nỗi cô đơn, mỗi lần dám đặt dấu hỏi

to tướng lên ý nghĩa của cuộc đời, chân lý hằng cửu của đạo nho, sứ mệnh cao khiết của kẻ sĩ.

Dĩ nhiên đôi lúc ông giáo thấy mình lầm lẫn, chưa hiểu hết được Huệ, nhưng những lúc như vậy hiếm hoi lắm. Lên Tây Sơn thượng, vị trí của ông đổi khác, vị trí của Huệ cũng khác. Ông là kẻ trốn nạn, anh em Huệ là người bao che. Hơn nữa, chính mắt ông thấy Huệ giúp anh đảm nhiệm các công việc quản trị, điều khiển, quyết định nhiều vấn đề trực tiếp thay đổi đời sống nhiều người, trong đó có gia đình ông. Từ vai trò ông thầy chỉ bảo và ra lệnh, ông giáo chỉ còn giữ vai cố vấn, góp ý. Huệ lớn lên mau chóng trước sự ngỡ ngàng tiếc nuối của thầy, chẳng những đã vượt khỏi tầm tay ông, mà còn đối mặt với ông, gần như thách thức và phán xét. Ông hãnh diện vì Huệ,

đồng thời với thất vọng. Cho nên suốt cuộc tranh luận, ông không biết đứng vào phe nào: một đảng là lẽ phải mà ông giáo cảm thấy nếu chấp nhận nó là chấp nhận luôn sự bất lực nhỏ nhoi của mình, một đảng là sự tầm thường giúp mình một chỗ đứng sạch sẽ và yên ổn. Sự mâu thuẫn phân xé tâm ông. Buổi sáng qua như thế đó, ông nhớ rõ lắm.

Buổi chiều ông cũng với An và Lãng tìm thăm gia đình Hai Nhiều vừa trốn lên Tây Sơn thượng khuya hôm trước. Cuộc khủng bố trắng dân Tuy Viễn pháp phồng chờ đợi xảy ra hơi chậm, tuy vậy sự dã man và triệt để vượt quá sức tưởng tượng của mọi người. Tất cả những ai có liên hệ xa gần với anh em biện Nhạc đều bị đốt nhà, truy nã bắt bớ và tra tấn, kể cả những chị đàn bà liên lụy với ông biện qua lá trầu.

Liên lụy với ông giáo cũng nặng tội: quan phủ đã điều tra rõ tung tích của ông, tòng phạm với quan nội hữu Trương Văn Hạnh trong âm mưu chống quan quốc phó. Tự nhiên tai bay vạ gió tấp vào nhà Hai Nhiều. Lúc các chức sắc An Thái mới nói xa nói gần về tung tích giáo Hiến, Hai Nhiều đã lo lắng. Ông đi khắp nơi rêu rao rằng mình không có bà con thân thuộc gì với tên thầy đồ xấu xa ấy cả. Rõ ràng tên lưu manh đã lợi dụng ông, mạo nhận có bà con với Hai Nhiều để xí phần hương hỏa của Tư Thới. Ông nói được một, bà Hai Nhiều nói được gấp mười. Ở chợ, ở bến sông, ở nhà hàng xóm, ở ruộng gặt. Càng sợ hãi bao nhiêu, hai vợ chồng càng nói, nói, nói nhiều, càng nói càng sợ. Đến khi lão chánh tổng bắn tiếng là quan trên đã ra lệnh đóng gông những ai đã “chứa chấp” bọn phản loạn, giải lên phủ cùng tịch

thu hết gia sản, thì Hai Nhiều hết còn thân hồn để thanh minh nữa.

Giữa khuya, trọn gia đình trốn lên Tây Sơn thượng, bỏ lại ruộng vườn đồ đạc kết quả của một đời dài tần tiện, khó nhọc. Họ đi suốt bốn ngày đêm mới tới nơi. Không dám theo đường quan, họ đi đường rừng. Ban đầu họ bị lạc, sau may mắn gặp được một toán buôn muối của Nguyễn Thung. Họ cũng nhập bọn với một đám khoảng mười người khác thành phân hồn tạp gồm dân đói ở các huyện phía bắc, tù thoát ngục và vài tên cướp đường hết thời. Chính nhờ Hai Nhiều mà ông giáo biết tin tức của Kiên dưới ngục phủ, qua người tù may mắn, bạn đường của Hai Nhiều.

★

Vậy thì việc gì xảy ra sáng hôm nay là gì?

Ông giáo nôn nả ra đường, chặn hỏi một người đàn ông trong đám người đang lũ lượt kéo về phía cổng trại. Chỉ được trả lời ồm ồm:

– Cũng chẳng biết chuyện gì nữa. Thấy người ta chạy đi coi, tôi cũng đi.

Một người khác:

– Chắc có chia bắp!

Một đứa bé trai khoảng lên mười cò vẻ thạo tin hơn:

– Cướp. Bắt được nó rồi. Tên này hung dữ dễ sợ. Đã bị trói ké bằng dây mây cỡ này, nó vung một cái, đứt hết.

Càng gần tới cổng, tin tức càng có vẻ chính xác. Ông giáo nghe người ta kháo

nhau là có một tên cướp giết mất mấy người Thượng, rồi trốn vào trại. Người Bana cho người mang cung giáo đến đòi. Sáng nay ông biện hẹn giao nộp tên sát nhân cho họ.

Ông giáo nghĩ: có lẽ mọi chuyện xảy ra từ chiều hôm qua, lúc mình bận đi thăm gia đình Hai Nhiều.

Ở cổng trại, người đông đến nỗi chen chân không lọt. Đám dân ăn mặc lam lũ chen lấn nhau, xô đẩy nhau, cười nói, gấu ó, để cố tìm một chỗ đứng thuận tiện. Người lớn nghếch cổ nhón gót để nhìn cho rõ. Trẻ con tìm cách lòn lách khối thịt nong nặc mồ hôi để chui ra phía trước, sát lề con đường dẫn từ trại chính ra cổng. Số thanh niên được phân công giữ trật tự dùng gậy đe dọa những đứa bé rần mắt hoặc cầm ngang thân trúc đẩy hàng người xô lấn vào mặt đường để

hau háu nhìn vào phía trong cổng. Tiếng bàn tán huyên náo, cười nói rộn rã như trong ngày hội.

Đột nhiên tiếng lao xao lan truyền từ phía trong ra cổng. Đám đông xao động, nhấp nhô như một rừng cỏ tranh gập gió dữ. Kẻ ồn ào to tiếng nhất cũng trở nên e dè, ngơ ngác và lo âu. Không khí chờ đợi nghiêm trọng đè nặng lên mọi người. Rồi không biết từ đâu, đám người thẳng thốt ấy xô đẩy nhau dữ dội, người sau lấn tới người trước, người trước đẩy tới người trước nữa, đến nỗi dù không muốn, ông giáo vẫn bị đẩy tới xa vào phía trong. Cuối cùng, ông bị một thanh trúc trật tự ngăn lại. Ông giáo đã may mắn đứng sát bên đường. Đứa bé đứng cạnh ông reo lớn: Nó ra rồi!

Cây gậy trật tự lại lấn mạnh vào ngực ông, như để răn đe phòng xa sự hỗn loạn.

Nhờ tò mò ông quên cả đau đớn. Một tốp độ bảy, tám người cầm giáo đang áp giải tội nhân tiến ra cổng. Đi đầu có biện Nhạc và Năm Ngạn. Tội nhân mặc quần đùi đen, đi chân đất, thân khoát một cái áo cộc tay màu chàm. Hai tay bị trói thúc ké ra sau lưng, khiến thân thể hơi khom xuống, bước đi như muốn đổ về phía trước. Cách trói cũng buộc tên cướp phải cúi đầu xuống, tóc rối bời. Ngoài cách đi hơi khật khưỡng thiếu vẻ ngang tàng, mọi người đều thấy tên cướp không có gì khác thường. Họ thất vọng, tiếc rẻ cái công chen lấn. Sự tầm thường tội nghiệp đang diễn ra trước mắt họ không giống với hình ảnh hung dữ hiên ngang trong trí tưởng tượng.

Tên cướp đến gần hơn. Lòng ông giáo chột nồn nao khi nhận ra trên đầu tên cướp, một mảnh băng màu chàm phủ

chéo bên trán. Chân ông tự nhiên run, mặt tái mét. Ông không lằm. Cậu thanh niên buồn muối bị chém trọng thương đây mà! Tại sao lại có chuyện này? Đúng lúc đó, nạn nhân cũng vừa ngược lên, bạo dạn nhìn thẳng vào đám đông. Anh ta nhìn thấy ông giáo. Quên cả mọi sự, anh ta đứng dừng lại. Ông giáo lạnh cóng cả hai tay và xương sống khi đọc thấy trong đôi mắt ấy sự sững sờ, oán hận, căm thù tột độ. Một người áp giải xô anh ta bước tới. Anh ta suýt ngã chúi, rồi lấy lại được thăng bằng, trước khi đi tiếp còn cố ngoảnh đầu nhìn về phía ông giáo một lần chót.

Cảm xúc mạnh dâng lên, ông giáo thấy nghẹn nơi cổ họng. Cố chen ra khỏi đám đông, ông thất thểu lê bước về nhà. Mọi sự diễn ra sau đó, ông chỉ nghe các con ông kể lại theo lối nhìn của từng đứa.

Những mẫu mô tả ấy, có cái phù hợp nhau, có cái mâu thuẫn nhau, đại khái ông biết rằng đích thân Năm Ngạn dẫn tội nhân giao cho toán người Thượng bảo với họ rằng đây là kẻ đã ra tay giết chết nhiều người Ba Na để tranh độc quyền nguồn lợi muối, kẻ gây nên sự bất hòa đáng tiếc giữa hai bên Kinh Thượng, kẻ đáng bị hành quyết công khai theo cách của người Thượng để răn chúng.

Biết mình sắp trở thành con dê tế thần, nạn nhân vùng vẫy gào khóc. Nhưng đã muộn. Toán người Thượng chop lấy anh. Sợ quá, anh chỉ còn là cái xác bạc nhược, thoi vùng vẫy la khóc. Người ta lôi anh đi. Chân anh khuyu xuống không bước nổi. Người ta xốc nách anh, như xách cánh một con gà. Hai bàn chân trần của anh lê trên đường đất, làm tung một làn bụi đỏ. Người ta chọn một mô đất cao

trước cổng, cột anh vào một thân cây ké đã chặt ngọn, cao vừa tầm người. Anh ta đã mất cả ý thức về sự sống chết, mắt lơ lảo nhìn quanh không hiểu nổi mình đang ở đâu, việc gì đang xảy ra. Thảm kịch nhờ thế kết thúc lặng lẽ. Khi sáu người Thượng lực lưỡng đứng cách nạn nhân không đầy một con sào giường sáu cây cung khỏe, lấp sáu cây tên nhọn và ấn vào sáu cái lầy. Tiếng hự nhỏ và ng-hẹn phát ra lần cuối cùng của một đời người mất biệt theo gió. Ở xa không ai nghe rõ thứ âm thanh già biệt nhỏ nhoi ấy cả!

✱

Giống như cha, An bị đưa đẩy vào cuộc như một chiếc lá khô bị gió cuốn, sức nặng của dè dặt cản trọng không

nghĩa lý gì so với những mơn man ve vãn, cuốn hút, thúc giục của bản năng. Lòng tò mò xui cô bỏ bếp núc ra đứng ở cửa nhà nhìn theo đám người lũ lượt đổ về một phía, thắc mắc muốn hỏi cho ra lẽ mà không dám mở lời. Lời bàn tán xôn xao, tiếng kêu gọi nhau, tranh cãi nhau, nét mặt chờ đợi hí hửng của mọi người, sức mạnh huyền nhiệm của đám đông cùng hướng về một phương. Tất cả những cái đó cuốn hút mãnh liệt, An không thể cưỡng được.

Cô bỏ khung cửa tre ra đứng giữa đường đất lóng ngóng nhìn về phía cổng. Sau đó, đám đông lừa cô đi. An không còn thì giờ và tâm trí để đi ngược con sông. Mùi mồ hôi nồng nặc, ánh nắng bắt đầu gay gắt của buổi sáng, làn bụi đỏ tỏa mù, hơi ngai ngái của lá mục theo lớp sương ủ qua đêm xông lên, bao phủ

khắp người cô. An chỉ còn cảm giác ngây dại, quên mất mọi sợ sệt lo lắng nên cũng xông tới trước, chen lấn lòn lách để tìm cho ra một chỗ quan sát tốt.

Lúc toán áp giải dẫn nạn nhân đi qua ngang trước mặt An, chỉ cách An không quá một con sào, cô tò mò nhìn thẳng vào mặt tử tội. Cô đã biết người ta sắp giết con người này. Chân anh ta bước gấp, dường như muốn đi nhanh đến điểm kết thúc. An kinh ngạc không tìm ra cái bộ dùng dằng đáng lẽ phải có. Cô cũng ghi nhận mảnh vải băng chéo qua trán và mái tóc bù xù của anh ta. Đôi mắt tử tội lơ lảo như muốn tìm kiếm cái gì trong khi bước chân vẫn gấp.

Gần đến cổng, cách An không đầy ba bước, đột nhiên tử tội ngoẹo đầu sang một bên, cố dùng vai để đẩy miếng băng trở lại chỗ cũ, vì lúc đó cái nút buộc bị

lỏng miếng vải băng vết thương đã xệch xuống phía má, sắp che mất con mắt phải. An thấy anh ta đưa vai lên, cố nâng tấm băng hai ba lần mà không được, vì cả hai tay bị trói ra sau lưng nên cử động bả vai không hiệu quả. Một người áp giải đến giúp tử tội. An nghe anh ta cảm ơn. Cô ngỡ ngàng, không hiểu tại sao trên con đường dẫn đến cái chết, vẫn có những nhu cầu phù phiếm, vô ích như vậy. Việc gì phải nhọc sức nâng miếng băng lên, mắt bị che càng khỏi phải nhìn những gương mặt nhem nhuốc, há hốc, thao láo của đồng loại để còn giữ được hình ảnh đẹp về cuộc đời? Việc gì phải cảm ơn? Sự lễ phép có mua chuộc được gì đâu? Có gọi được chút thương hại chẳng thì thứ thương hại đó cũng phù phiếm như mọi sự trên đời mà thôi!

Những cử động nhỏ nhặt và phi lý

đó khiến An thắc mắc thật lâu. Cô muốn tìm cái gì khác nơi một người mà cô biết chắc sắp vĩnh biệt sự sống này, một người bất bình thường, hơn thế nữa, một người đã mang trên nó đầy đủ dấu hiệu của một thế giới khác, thế giới siêu nhiên và lạng lẽ hơn, linh hoạt và thanh thoát hơn, mầu nhiệm uyển chuyển hơn. An biết ai rồi cũng phải chết. Cả mình cũng vậy. Hơi rùng mình, nhưng An biết chắc trước sau cũng đến lượt mình. Nhưng trong đa số trường hợp, sự phân định giữa hai thế giới hết sức mù mờ, nhờ vậy cho mãi đến phút bước qua ngưỡng cửa sinh tử, mỗi người vẫn còn nghĩ, cảm, cử động, phản ứng như một người không bao giờ chết, chưa thể chết ngay vào lúc này đây, ở ngay chỗ này. Người ta gác nó sang một bên, cái chết rầy rà. Thôi nhé, để yên cho chúng tôi, chúng ta lo sống đã!

Con người đang bước trước mắt An, không ở trong cảnh huống chung. Anh ta đang bước đến cái chết. Anh biết mình sắp chết. (Về điểm này, Lãng nói khác đi. Cậu ta nghe nói, trước khi bị giao nộp cho người Thượng, từ lúc bị dẫn ra khỏi phòng bệnh, dù bị trói ké, anh ta vẫn không đoán trước là sẽ phải chết). Ranh giới thật rõ, giờ giấc ấn định trước. Có những việc cần phải làm xong ở bên này, và những chuẩn bị cho bước đầu ở bên kia. Thoắt còn đi đứng, hít thở, đau đớn, mệt nhọc, hoang mang, sợ hãi, hy vọng, tuyệt vọng đó, thoắt trở thành một đồng thịt xương bất động chờ được thối rữa. Cái ngưỡng cửa thấy trước đó, kinh khủng quá, người đang bước đến gần, gần hơn nữa đến ngưỡng cửa ấy không thể nào nguyên vẹn là con người bình thường. Anh ta phải khác đi. Thế mà anh ta vẫn mở lời cảm ơn lấy lòng kẻ dẫn anh

ta đến cái chết, vẫn cố đưa vai sửa lại cái băng che mắt. Thế là thế nào?!

Khi toán người Thượng vây quanh tử tội, rồi anh ta rũ xuống như con gà chết, đám đông phía sau An lao chao, xô đẩy nhau đổi chỗ. Họ ùa ra phía cổng để chứng kiến thật gần, thật tỉ mỉ cái chết. An bị nghẹt thở, bị làm hỗn, cuối cùng bị đẩy tuột ra phía sau. Quần áo nhàu nhò, tóc tai dơ dáy rối bù, nhưng cô vẫn chưa thể ra về. Vẫn còn nhiều điều cô muốn hiểu, sức cuốn hút mơ hồ nào đó vẫn mạnh mẽ, tuy không đủ mạnh để thúc giục cô chen về phía trước, nhưng còn đủ mạnh để khiến cô quên chuyện về.

An nhón gót nhìn ra phía cổng. Cô oán những người cao lớn, giận mình quá thấp bé. Trước mắt cô, những tấm lưng áo nhể nhại mồ hôi, màu vải đen bạc

thếch hay màu chàm mốc hoen dỉ vết muối. An không được chứng kiến cảnh hai người Thượng xốc nách nạn nhân lôi lên gò đất như Chinh. Không chú ý đến hình ảnh hai bàn chân trần kéo lê trên đường đất, làm tung những làn bụi đỏ như Lãng. Cô thấy nạn nhân bị cột vào gốc ké, lưng và đầu thẳng, hai chân chệch ra phía trước khá ngay ngắn. Cô không thể say sưa kể lại cảnh sáu cây cung khỏe đưa cao lên, làm sức bật cho sáu mũi tên nhọn như Chinh, nhưng An nhớ đời đời hình ảnh cái chết được tính toán, xếp đặt trước.

Cây ké cụt ngọn cắm đứng vào đỉnh gò đất, tử tội in hình lên một nền trời xanh trong. An không thể nghe được tiếng những mũi tên bay vút. Từ xa, cô thấy đột nhiên nạn nhân ưỡn người lên như muốn vùng dậy, rồi cả người oằn

oại, co giật. Thân thể ngã về một phía, đôi chân lay động. Đôi chân An cũng run rẩy, nhưng mắt cô cứ dán vào cái xác đã nghiêng, ngã hẳn sang một phía, hai cánh tay mềm buộc chặt ở gốc ké nên mới nhìn rất giống với dáng điệu ôm ấp hững hờ. Có nhiều tiếng thì thào chung quanh An. Cô gục mặt xuống, muốn chạy vội về nhà nhưng cất chân không nổi. Người ta lại xô đẩy sau lưng An. Cô nổi gai ốc ở sống lưng, sợ hãi đến nỗi muốn quỳ tại chỗ, nhưng khi bất bị xô đẩy, có thể quay lại phía sau thì mắt cô cứ nhìn chăm chăm vào xác chết trên gò, không rời ra được.

✱

An thất thểu trở về, mắt nhìn mà không thấy rõ ràng những gì trước mắt.

Bước chân cô cứ bập bênh, con đường dưới chân khi thì nhấp nhô như gợn sóng, khi uốn khúc lượn lờ. An chỉ lấy lại được trọn vẹn ý thức về thực tế, khi thấy cửa nhà mở toang hoác. Bấy giờ cô mới nhớ mình đã quên không đóng cửa trước khi chạy theo nỗi tò mò. An càng lo sợ hơn, khi thấy cha ngồi chống tay lên cằm ở bàn nước gian trên, nét mặt hăm hăm. Cô rón rén rẽ xuống bếp, sợ đến hơi thở của mình. Khốn nỗi tự nhiên cổ họng cô nghẹn lại, cảm giác ngứa ngứa lan từ cuống lưỡi. Tiếng ho của An làm ông giáo giật mình. Giọng ông nghiêm khắc:

– Đi đâu về đó?

An cố trấn tĩnh, đáp lửng lơ:

– Con qua bên kia đường có chút việc.

Ông giáo biết con nói dối, giọng đánh lại:

– Mày ưa ngấm cảnh giết người lắm hả? Máu người có tanh không?

An không dám trả lời cha, cúi đầu về chéo áo. Ông giáo thấy quần áo con gái xốc xếch, nhem nhuốc và dơ dáy, tóc tai bù rối. Cúc áo ở cổ bật tung, để hở chiếc cổ trắng và một mảng vai. Cảnh tượng ấy khiến ông giận sôi lên. Ông hét lên tức tối:

– Đồ con gái hư. Mười tám tuổi đầu mà không biết phép tắc. Mày ăn mặc như vậy chường ra ngoài đường hả! Tao dặn mày cái gì?

An vội đưa tay lên gài nút áo, mấy ngón tay run rẩy nên gài mãi không được. Nhớ lại trong lúc chen lấn, bị bàn

tay vô danh thô bạo sờ nắn mông và đùi mình, An lấm lét nhìn cha, sợ đôi mắt nghiêm khắc thấy rõ những gì đã xảy ra cho cô. An không thể gài được hạt nút cổ, lúng túng không dám bỏ tay xuống. Ông giáo vẫn quát tháo:

– Đồ đứng đường! Mày bỏ nhà như vậy hả? Cửa trên cửa dưới không đóng, đồ đạc bày bừa bãi, như mời người ta lấy đi. Mất hết rồi còn gì nữa! Tao không về kịp thì chắc không còn một mảnh vải che thân. Đồ hư thân mất nết!

Chưa bao giờ An nghe cha xưng hô giận dữ như vậy. Cô hãi hùng, chân dính cứng vào mặt đất, muốn trốn xuống bếp mà không nhấc bàn chân lên nổi. Hai bàn tay vẫn cố gài hạt nút. Ông giáo hét lên:

– Cút đi cho khuất mắt tao! Đi.

An chạy vội xuống nhà dưới, ngồi gục trên cái ang gạo khóc âm ức. Nhà trên có tiếng ghế ngã, và tiếng bình chén vỡ. An sợ quá, hai hàm răng cắn chặt vào ngón tay trở không còn dám khóc lớn. Rồi tiếng cửa trên đóng mạnh, tiếng chân bước đi xa dần. Biết cha bỏ nhà đi quanh cho nguôi giận, An khóc thỏa thuê. Nước mắt càng chảy cô càng thấy cuộc sống khổ đau, buồn tủi, quạnh quẽ, vô nghĩa. Cô nhớ mẹ, cô cầu khẩn mẹ trở về. Dần dà lòng cô dịu lại, gió buổi trưa thổi khô đôi má ướt. An đã gài được hạt nút cổ, và thút thít, buồn rầu lan man. Lãng về lúc nào An không biết. Thấy chị đã dưới, Lãng ngồi xuống bên cạnh An, lo âu hỏi:

– Có chuyện gì thế chị?

An không ngước lên, đưa tay áo chùi mắt và nước mũi, trả lời em:

– Lỗi tại chị. Cha rầy là đúng.

Lãng hơi đoán được một phần. Cậu hỏi tiếp:

– Em thấy cha đi ra phía rừng, không đội nón. Em tránh sau nhà chú Tư Ích nên cha không thấy em.

An nói sau mấy tiếng thút thít:

– Chị quên không đóng cửa. Vả lại, đáng lẽ chị không nên xem. Ghê quá! Tại sao phải làm như vậy, Lãng biết không?

Lãng không trả lời. An ngược lên, thấy mặt Lãng tái xanh khác thường. Về xúc động sợ hãi còn nguyên trong ánh nhìn chới với, cầu khẩn, và ở đôi môi cố mím lại để cưỡng sự co giật từng lúc chỗ mép. Một lúc sau, Lãng thì thào:

– Em không hiểu. Tại sao phải làm vậy?

– Đem giết một người! Còn đang sống đó, thoát một cái, đã thành cái xác. Chị không nghĩ ra được!

– Em cũng không dám nhìn, nhưng tự dưng có cái gì thúc đẩy, mắt cứ chăm chăm về phía anh ta. Y như có ma quỷ xui khiến vậy. Thực ra, lúc họ lôi đi, anh ta đã ngất rồi. Chắc vì sợ. Em thấy hai chân anh ta kéo lê trên đường đất. Có thể nhờ vậy mà anh ta không biết đau nữa!

An vẫn thắc mắc:

– Đem giết một cái xác chết, để làm gì chứ? Anh ta có vợ con gì không?

– Em nghe nói chưa. Chỉ còn một bà mẹ.

– Bây giờ người mẹ đó ra sao? Rồi ngày mai, ngày mốt sẽ ra sao? Hôm qua

bà mẹ đó đã biết trước tin dữ chưa? Nếu biết trước thì chắc cả đêm vật vã, lăn lộn nhỉ!

– Chắc thế!

– Nhưng giết anh ta để làm gì? Tại sao phải giết?

– Em nghe anh Huệ bảo không làm khác được.

An thấy nhói ở tim, gần như hốt hoảng. Cô hỏi em:

– Anh ấy nói thế à?

– Đại khái như vậy.

Thấy chị đột nhiên hốt hoảng, Lãng sợ câu trả lời của mình có gì quá đáng, chưa thật đúng với sự thực. Cậu vội chữa:

– Lúc đó ồn quá em nghe không rõ.

Vả lại, có người tới bảo có ông biện gọi, nên anh ấy vội chạy đi.

An không nghe lời Lãng, cứ nhắc đi nhắc lại câu hỏi:

– Không thể làm khác được sao?
Không thể làm khác được sao?

Lãng muốn đổi hướng câu chuyện, hỏi chị:

– Để em nhen lửa nấu cơm nhé?

An bót vế lơ đãng, bảo em:

– Nấu cơm cũng được. Đáng lẽ hôm nay ăn bắp hầm cho đỡ gạo, nhưng bây giờ trưa quá rồi, sợ không kịp. Anh Chinh chưa về à?

– Chưa. Chị An này?

– Gì vậy?

– Em không hiểu nổi anh Chinh nữa.

– Sao thế!

– Ảnh làm sao ấy! Lạ lắm!

– Thế là thế nào?

Lãng trầm ngâm một lúc, suy nghĩ dè dặt như sợ lằm lẩn:

– Lúc đó mà, lúc người ta giao anh ta cho người Thượng, em đứng sát bên anh Chinh. Em bảo với anh Chinh là anh ta sợ quá, chết ngắt rồi. Anh Chinh cãi, bảo là anh ta cố chống cự không chịu bước. Em chỉ cho anh Chinh thấy đôi chân lê trên mặt đường. Anh Chinh nhìn, bảo em nói đúng. Anh Chinh trề môi chê là anh ta yếu đuối. Anh ấy nói: “Trước sau cũng chết, việc gì mà sợ quá vậy. Tở ra ngang tàng cho mọi người phục, có hơn không”. Em bảo ai mà chẳng thế. Anh

Chinh bảo em nhất như thỏ, nên suy bụng ta ra bụng người. Anh ấy còn chê là bọn bắn cung đứng gần quá. Phải đứng thật xa mới là tài.

An không tin tai mình, bữu môi nói:

– Mà chỉ bịa!

– Em thể là nói đúng. Anh ấy lạ lắm. Không tin chị cứ hỏi thẳng anh ấy đi!

*

Buổi trưa, ông giáo không về ăn cơm. Cả buổi chiều, ông nằm trên cái giường tre kê trong góc tối, mặt quay vào vách không nói năng. Lúc Huệ vâng lời anh đến biểu ông giáo một đùi thịt heo rừng, và mời ông lên trại có việc, An không biết cha thức hay ngủ, lấp ló ở cửa

không dám gọi, Huệ phải lên tiếng. Ông giáo vẫn giữ vẻ mặt rầu rầu, không nói gì, lặng lẽ mặc áo dài, đội khăn cẩn thận, ra đi. Cách ăn mặc trang trọng và vẻ mặt nghiêm nghị khác thường làm cho Huệ e ngại. Anh không muốn cùng đi với thầy, nấn ná ở lại. Nhờ thế, An có dịp hỏi Huệ:

– Chuyện hồi sáng, tại sao phải làm vậy?

Câu hỏi dường đột khiến Huệ hơi ngạc nhiên. Từ cái đêm... cái đêm An rút tay về và lí nhí bảo: ‘Đừng, anh Huệ’, chưa có dịp nào An và Huệ đứng riêng với nhau để nói một câu vu vơ riêng tư. Huệ có cảm tưởng An muốn né tránh, muốn quên đi một kỷ niệm không được như ý. Anh buồn, nhưng cũng biết mối quan hệ giữa mình và gia đình thầy đã có nhiều đổi thay. Ngay những kẻ thân thuộc ở Kiên Thành chạy trốn lên Tây

Sơn thượng cũng đổi thái độ đối với anh em Huệ: lời lẽ trang trọng e dè hơn, lối tiếp đãi vị nể xa cách hơn... Khác với Nhạc, Huệ khó chịu trước sự thay đổi ấy. Dần dà rồi anh cũng quen, tuy hơi tiếc, và buồn. Huệ thầm ước ao được sống hòa đồng như cũ, được chuyện trò tự nhiên, thẳng thắn. Thế nhưng, lúc bị An hỏi, Huệ hơi lạ vì sự đường đột bất ngờ. Câu hỏi có giọng tra vấn, trách móc. Huệ nhìn thẳng vào mắt An, đáp nhỏ:

– Không thể làm khác được!

An gần muốn khóc vì thất vọng. Hóa ra Lãng đã thuật đúng. Cô gần giọng:

– Đến anh mà cũng nói thế à!

Rồi bỏ đi lên nhà trên. Huệ ngẫm nghĩ một lát, lắc đầu, rồi theo ông giáo lên trại.

Biện Nhạc chờ ông giáo ở nhà khách. Hai tách nước trà còn bốc khói. Không nhập đề quanh co, ông giáo nói:

– Tôi định lên gặp ông ngay buổi trưa, nhưng muốn nghĩ cho chín nên nấn ná. Bây giờ lòng tôi đã quyết. Ông cho phép chúng tôi được rời khỏi đây. Cái ơn cứu mang bấy lâu, chúng tôi không bao giờ quên, nhưng...

Ông biện vội vã đứng dậy, đến dắt ông giáo mời ngồi xuống phản, giọng sốt sắng ân cần:

– Mời thầy ngồi xuống uống chén trà đã. Mọi sự đâu còn đó, thế nào rồi cũng hiểu nhau thôi.

Ông giáo ngồi xuống phản, nhưng không chịu uống tách trà ông biện vừa bưng lên mời. Ông nói:

– Tôi tự biết không còn xứng để ở đây nữa. Tôi già rồi, tâm trí đã hết cả sáng suốt. Những lời tôi góp ý, bàn bạc với ông càng ngày càng sai quấy, không đáng tin.

Biện Nhạc đặt chén trà xuống, nét mặt vẫn vui tươi, điềm tĩnh. Ông chờ ông giáo nói tiếp, nhưng ông giáo dứt lời. Bấy giờ, ông biện mới nói:

– Tôi biết trước thế nào cũng làm phật lòng thầy. Nhưng không có cách nào khác. Không thể giải bày qua quít là người Thượng họ vui lòng. muốn nối lại mối giao hảo với họ, cộng tác với họ, trước hết phải tỏ trước thiện chí của mình. Họ đòi nợ máu, không thể khất được.

– Nhưng anh ta không giết người. Anh ta có lén đi buôn muối, có giành

giật mối lợi của người Thượng, nhưng tôi biết chắc là anh ta không giết ai.

– Có thể như vậy lắm!

– Ông đã nói vậy, đã nghĩ vậy, tại sao còn nộp anh ta cho người Thượng? Ông không thể tưởng tượng anh ta nhìn tôi như thế nào! Anh ta oán hận tôi, coi tôi như một người giả bộ sẵn sóc anh ta để gạt anh ta khai hết, lấy cung từ đem nộp cho ông. Trước khi bị giết, anh ta nhìn tôi như vậy đấy.

– Lúc tôi giao nộp hấn cho mấy già làng, hấn cũng nhìn tôi y như thế. Nhưng không còn cách nào khác.

Ông giáo tức giận, nói dần từng tiếng:

– Có nhiều cách để cứu một mạng

người. Nhất là cứu một người khỏi cái chết oan uổng.

Tiếng nói của ông biện cũng trở nên sang sảng, đanh thép:

– Nhưng sau đó, không thể cứu được nhiều mạng người. Nếu không sòng phẳng với người Thượng, điều gì sẽ xảy ra? Tôi giao dịch mua bán nhiều năm với họ, tôi hiểu rõ lắm. Họ sẽ đòi đủ số mạng người mất tích. Cho đến ngày hôm qua, họ bảo con số lên đến năm. Có thể năm mạng đó hoặc bị lạc vào rừng mà chết, hoặc bị cọp vồ. Nhưng họ sẽ núp sẵn đâu đó với cung và tên độc, lén giết đủ năm người của chúng ta mới thôi. Rồi bọn trai tráng ở đây trả thù. Rồi cọp vồ thêm vài người Thượng nữa. Thấy có tưởng tượng ra những điều đau lòng đó không? Bao giờ cuộc chém giết mới chấm dứt?

– Tất cả những điều ông nói chỉ là phỏng đoán. Có thể là như vậy, cũng có thể không đến nỗi như vậy. Không lấy gì làm chắc chắn. Lấy những điều không lấy gì làm chắc để đổi lấy một mạng người, ông nghĩ xem, có đáng không?

– Thời gian sẽ trả lời thầy. Cần phải có thời gian, thầy mới hiểu tôi. Quyết định nào có vấy máu, không ai vui sướng cả! Nhưng có những lúc, những việc mà nếu nấn ná một khắc, tai họa khó mà lường được. Gia đình tôi đã trải qua những lúc sinh tử chỉ cách một sợi tóc, nên tôi không muốn nấn ná, do dự. Xin thầy bớt giận mà xét lại. Xin thầy ở lại với chúng tôi. Để cho thầy ra đi trong lúc này, trong hoàn cảnh này, chúng tôi sẽ ân hận suốt đời.

Ông giáo tần ngần không biết trả lời thế nào. Tâm hồn ông hoang mang, có

thể nói trong suốt cuộc đời thăng trầm của ông, chưa bao giờ đất đứng dưới chân ông lay động chao đảo dữ dội như lúc này. Trước mắt, ông không còn thấy hình dáng, cử động của biện Nhạc nữa. Những câu hỏi cứ đến tới tấp, câu này chưa có giải đáp thì câu khác đã đến. Chỗ đứng của ta ở đâu? Ở dưới trướng bọn Trương Tần Cối mà ta chán ghét khinh bỉ ư? Ở giữa những người chân đất áo vải mà ta lạc lõng xa lạ ư? Có con đường nào khác không? Ông biện cho vẻ tần ngần của giáo Hiến là dấu hiệu phục thiện, hoặc ít ra là sự nhượng bộ dè dặt ban đầu. Quen thói quyết định nhanh, áp đặt ý muốn của mình cho kẻ khác tuân phục, ông thân mật nắm tay ông giáo cười nói :

– Thế là thầy hiểu tôi rồi nhé! Quân triều còn ngấp nghé bên kia đèo. Còn

nhiều chuyện phải làm, kể làm gì cái chuyện vật này. Cảm ơn thầy đã kịp nghĩ lại và ở lại đây với anh em chúng tôi. Chú Huệ đã mang biếu thầy món thịt rừng rồi chú? Thịt heo rừng, ngon lắm. Không nhạt như thịt nai đâu. Để tôi sai chúng nó mang thêm ít vò rượu.

Chương 14

Sia đình Hai Nhiều lánh nạn lên Tây Sơn thượng đã gần nửa tháng. Suốt thời gian ấy, ông giáo tự nhủ là phải trở lại nơi gia đình Hai Nhiều tạm trú một lần nữa để thăm hỏi, giúp đỡ. Đó là bốn phận, hoặc nếu lòng dửng dăng bất quyết, thì cứ cho đó là sự ràng buộc không thể cởi bỏ. Làm khác đi, thiên hạ sẽ xem mình là hạng bất nghĩa, không ra gì.

Nhưng lần nữa ngày này qua ngày khác, ông giáo có đủ cơ để tự cho phép

mình dùng dằng. Từ sau vụ hành quyết trong trại có nhiều xáo trộn, biện Nhạc mời ông lên bàn luận, tìm phương cách đối phó để tái lập trật tự. Nhiều buổi trưa ông không về nhà. Đêm, ông biện giữ ông giáo ngủ lại nhà khách vì cuộc họp đã kéo dài quá khuya.

Máu một người vô tội đã đổ ra để xóa mối nghi kỵ hiểm khích giữa người Kinh và các buôn Thượng, nhờ thế họ đã chịu hợp tác với trại Tây Sơn thượng trong việc chuyển muối tiếp tế. Lập luận của biện Nhạc có một phần đúng. Tuy nhiên cũng chính thứ máu oan nghiệt, hãi hùng đó gieo rắc sự hoang mang khiếp sợ cùng khắp. Trước hết là những người từng bỏ nương rẫy để đi buôn muối. Đêm nào cũng có mõ báo động vì có người trốn đi. Bên kia đèo là tù đày.

Chung quanh trại, rừng trùng trùng

điệp điệp. Thung lũng đã bao dung họ bấy lâu, bây giờ trở nên bất trắc. Cái chết có thể đến vào một lúc nào đó, vì họ có thể bị xem là tòng phạm của tử tội. Thôi đành liều vậy. Và họ lần lượt trốn giữa khuya. Sáng, những người láng giềng khám phá một cái chòi vắng chủ, ủa đến hòi cửa. Cảnh giành giật, gấu ó nhau xảy ra thường xuyên, chuyện tranh tụng đưa lên đến ông biện.

Những người buôn muối nuôi ý định trốn, lấm lét nhìn cảnh tượng trước mắt, vừa tiếc mớ của cải đồ đạc thu góp được nhờ buôn muối, vừa thù hận chua chát tất cả loài người. Không hưởng được thì phá. Về sau, những kẻ đào thoát đã đốt cháy tiêu tất cả đồ đạc, bàn ghế, giường tủ, của cải trong nhà trước khi bỏ đi. Nhiều đám cháy xảy ra, thiệt hại lên cao. Đêm bình an không còn, nhà nào cũng

thao thức, pháp phòng chờ đợi tiếng mõ báo động và những lời la làng kêu cứu.

Không thể để cho tình trạng hỗn loạn kéo dài thêm nữa! Ai cũng nghĩ vậy. Ông giáo đề nghị chấm dứt tâm trạng lo sợ bị liên lụy của nhiều gia đình, trong đó đa số là những người đàn bà nhanh nhẩu giỏi xoay xở đã nhờ khan hiếm muối mua đi bán lại mà kiếm thêm chút quà bánh, hay cái áo cái quần cho con. Phải dứt khoát loan báo ai là kẻ có tội và ai là kẻ vô tội. Theo ý ông, không ai có tội cả, trừ những kẻ đã lầm lỡ trốn đi.

Và một lần nữa, ông giáo ngỡ ngàng thấy ý kiến của mình đã được đem ra thi hành, với một phong cách khác. Có thể gọi là phong cách biện Nhạc. Ngay buổi sáng sau cái đêm bàn bạc đến quá khuya ở nhà khách, biện Nhạc họp dân chúng lại, tuyên bố mọi người không nên lo

sợ hãi huyền. Thủ phạm gây nên hiểm khích Kinh Thượng đã bị hành quyết rồi. Các tông phạm sợ bị truy tội nên cũng trốn đi cả rồi. Người ở lại nên yên tâm làm ăn. Kể cả những người đã lợi dụng thời cơ trở nên giàu có. Những kẻ đó phải tự động trả lại đồng của cải đã bòn rút được bấy lâu nay cho các nguyên chủ. Thời hạn là một buổi sáng.

Quá trưa, rất nhiều người còn đang băn khoăn không hiểu ông biện muốn gì, ám chỉ đe dọa ai, mình ở trong đa số bị bóc lột hay thiếu số cơ hội, thì các trai tráng trật tự đã đến bao vây mười một nhà mới làm giàu nhờ buôn muối, tịch thu tất cả tài sản đem ra chia đều cho những gia đình túng khổ nhất. Quyết định mạnh bạo ấy, khiến mọi người hả hê. Về sau, trong mười một gia đình bị tịch biên tài sản, chỉ có hai gia đình trốn

đi. Chín gia đình còn lại được cấp cho những cái chòi mới gần khu khai hoang, để bắt đầu lại từ bàn tay trắng.

*

Gia đình Hai Nhiều may mắn được biện Nhạc cho ở một trong mười một cái nhà khá khang trang ấy. Đó là kết quả những vận động kín đáo, khéo léo của Lợi. Còn Hai Nhiều thì nghĩ ông giáo là ân nhân của mình. Cho nên một hôm, cả gia đình Hai Nhiều tìm đến thăm ông giáo.

Dù quá hiểu rõ thể thái, ông giáo không tránh khỏi chua chát và hờn giận. Ông không thể quên được những lời rêu rao của vợ chồng Hai Nhiều. Nếu ông còn tự trấn tĩnh để giữ được thái độ

hòa nhã thân ái vừa phải, là nhờ nghĩ rằng: ở hoàn cảnh khó khăn nguy hiểm đó, ai cũng thế cả. Cái thế nó buộc vậy. Hai Nhiều đọc được ngay sự bối rối trên gương mặt ông giáo, nên e dè trong cách ngồi, cách nói. Ông giáo phải đích thân đến nắm tay dắt Hai Nhiều đến chỗ bàn khách, ấn vai buộc Hai Nhiều ngồi, ông ta mới dám ngồi ghé vào một góc ghế. Thế ngồi bất tiện và đôi tay lúng ta lúng túng chưa biết đặt vào đâu cho đúng chỗ càng khiến cho Hai Nhiều bối rối hơn. Câu chuyện giữa hai người đàn ông cứ lơ lửng, chênh mảng hoài nếu không có bà Hai Nhiều chen vào. Bà Hai nhìn quanh gian nhà khách, chắc lưỡi khen:

– Con nhà tông có khác. Con Kiến nhà tôi học cả trăm năm nữa cũng không khéo tay cho bằng cháu An. Mọi sự ngăn nắp, gọn ghẽ. Khéo, khéo lắm. Kiến, con

coi cách chị An cắm cái bình hoa kia. Chỉ cần một khúc ống nửa, vài dây leo, và vài ba nhánh hoa dại. Đẹp, đẹp quá.

An thấy Chinh ngồi nhìn mợ trừng trừng một cách xác láo, cố tỏ cho bà Hai Nhiều hiểu rằng mình không quên những hiềm khích đã qua, chợt dạ, vội đáp:

– Mợ khen quá, cháu ngượng đến chết mất. Nhà chật, mợ thấy đó, không dọn dẹp thì không còn chỗ đặt chân nữa. Đồ đạc, cả cái bàn nước bằng gỗ trắc này này, là do ông biện sai khuôn đến cho mượn. So với nhà từ đường dưới mình, đã thấm vào đâu.

Ông giáo hỏi Hai Nhiều:

– Lúc chạy, anh chị có bán, hoặc gửi đồ đạc cho ai không?

Bà Hai cướp lời chồng:

– Chú tính, trong hoàn cảnh đó, chỉ lo cứu lấy thân là may. Nghe người ta báo, ông Hai nhà tôi quỳnh lên, cứ chạy vô chạy ra không biết phải làm gì trước. Tôi phải hét lên, ổng mới chịu đi vợ lấy một ít quần áo. Mắt quáng thế nào, cái lành không lấy lại lấy mấy cái áo rách. Chú coi, cái áo ổng đang mặc kia, tôi phải vá đi vá lại mới coi được một chút. Thằng Lê chụp được cái rựa. Con Kiên ngồi thừ ra đó, khóc thút thít. Tôi quát tháo bảo đi lấy gạo! Chạy khỏi xóm, mới biết cái bao lát bị chuột cắn lủng một lỗ. Nếu không gặp được vợ con Nhõ thì chắc chết đói rồi.

Ông giáo hỏi Hai Nhiều:

– Làm sao thằng Thận nó biết tin?

Hai Nhiều hấp háy mắt, cố ngăn bối rối, đáp:

– Có người tốt bụng nào đó qua sông báo cho vợ chồng nó. Chắc họ thấy quan quân vây phá nhà tôi, nên đoán thế nào gia đình thằng Thận cũng liên lụy.

Kiên nhỏ nhẹ thêm:

– Người bà con của anh Thận đấy cha. Cái chú vẫn thường cắt cỏ cho ngựa thồ ở chợ An Thái.

An quay sang hỏi Nhõi, từ đầu đến giờ ngồi nép trên phản, nét mặt rầu rĩ, thất thần:

– Anh đâu rồi chị?

Hai Nhõi phải mất một lúc lâu mới hiểu An hỏi mình. Chị ta lí nhí đáp:

– Ảnh theo cậu gì... cậu gì em ông biện đó, ảnh theo lên lò rèn.

An hỏi:

– Cái cậu từng xuống học dưới An Thái chú gì. Cậu anh hay cậu em?

Bà Hai đáp thay con gái:

– Cậu em. Cậu Huệ đó. Gớm, cậu ấy lớn quá, người vạm vỡ ra. Tôi không nhận ra nữa. Này cháu, cậu Huệ làm chức gì mà mợ nhìn quanh thấy ai cũng có vẻ nể sợ cậu ấy cả. Có lúc mợ còn thấy hai người cầm giáo cán trắng đi theo. Báo hại mẹ con mợ một phen hú vía. Số là sáng nay, con Kiên thấy có người mang giáo đến nhà, sợ quá chạy đi tìm mợ. Mợ cũng sợ, nhưng nghĩ chẳng lẽ quan quân dưới An Thái đã lên được tận trên này. Sau mới biết là cậu... cậu Huệ đi tìm

thằng Thận. Chú giáo này, chắc không can gì chứ! Tôi thấy cậu Huệ cười nói vui vẻ với thằng Thận, mới yên lòng.

Ông giáo nói:

– Chị yên tâm. Hôm qua tôi bảo với ông biện là cháu Thận giỏi nghề rèn. Chắc ông biện muốn giao việc cho cháu ấy. Công việc ở đây lu bù lắm, nào cuộc rựa, nào giáo mác. Thứ gì cũng cần cả. Chỉ sợ cháu Thận không đủ sức làm hết.

Bà Hai Nhiều vội lấy miếng trầu đang nhai ra cầm ở tay, xích ghế lại gần ông giáo hơn, lấy giọng nhỏ nhẹ thân tình nói:

– Nói thiệt với chú giáo, chúng tôi chạy lên đây với hai bàn tay trắng, bà con thân thuộc không còn ai ngoài chú giáo. Chú giáo tính, bấy nhiêu miệng ăn!

Ruộng đất không, vốn liếng không! Thôi thì trăm sự nhờ chú! Chúng tôi chỉ mong có cái gì bỏ vào miệng cầm hơi ráng sống cho đến ngày được trở về An Thái làm ăn. Ông nhà tôi sức đã hơi yếu, nhờ chú giáo thừa với ông biện cho làm thứ gì nhẹ nhẹ. Còn lũ thằng Thận, thằng Lê, con Nhôi, con Kiên thì sao cũng được. Cuộc cỏ, phát rẫy, gì cũng được cả. Nhưng mới đầu chưa quen khí núi, nắng gió khác với nắng gió đồng bằng, nhờ chú tìm cách châm chước cho.

Thấy ông giáo ậm ừ tỏ vẻ không vui, bà Hai tiếp:

– Tôi biết làm phiền chú giáo nhiều. Chú giáo còn nhiều chuyện khác, chú thì giờ đâu chỉ lo cho gia đình tôi. Nhưng vừa lên đây, tôi đã nghe người ta bảo anh em ông biện rất nể chú. Đến chuyện nhà cửa khó như vậy, mà chú còn lảng lạng lo

giúp chúng tôi. Thật quý hóa quá!

Ông giáo chán ngán không muốn cải chính, cũng không muốn nói gì thêm. Đột nhiên Chinh hỏi:

– Sau khi anh Kiên cháu bị bắt, nhà cháu trốn lên đây rồi, bọn chức sắc An Thái có làm phiền cậu mợ không? Cậu mợ xoay xử thế nào mà được chúng nó để yên cả năm, kể cũng khéo lắm!

An huých cùi chỏ vào hông Chinh. Kiên và Lê ngồi đối diện trông thấy, giả vờ chưa hiểu gì. Hai Nhiều ngồi im trên mép ghế không dám nhúc nhích. Vẫn bà Hai tiếp tục liến thoắng:

– Ôi thôi, bọn chó má đó chúng nó làm tình làm tội cậu mợ nhiều rồi, đâu phải mới đây đâu cháu. Mình sợ, chúng làm tới. Cậu mợ đâm lì, chúng nó phá

riết rồi cũng tự thẹn với mình. Hơn nữa, dù thế nào cũng người đồng hương đi vô đi ra chạm mặt. Chúng đâu có dám cạn tàu ráo máng như cái hồi... cái hồi chúng nó tới bắt thằng Kiên. Chú giáo này, nhiều đêm tôi nằm nghĩ đến số phận cháu Kiên, không ngủ được. Tội nghiệp hết sức. Cần cù hiền lành đến con kiến cũng tránh không dám đạp, thế mà... Thôi, cũng tại cái số của nó hẩm hiu đó chú! Nhà nào cũng vậy cả. Đẻ năm bảy đứa ra, thế nào cũng có một đứa hứng chịu tật nguyền, bệnh tật, rủi ro, để cho mấy đứa khác thông dong. Cháu Chinh à, thời trước ông cố cháu giàu có lắm, có hai mụn con, thì một người là em bà nội tụi chị em con Nhõ, bị bệnh cùi. Chuyện đời xa xưa vậy, nay cũng không khác. Các cháu đứa nào cũng mạnh khỏe, trừ một mình thằng Kiên long đong. Nó rước hết tai họa cho các cháu đấy. Phần gia đình

cậu mợ, cậu mợ càng nghĩ... càng nghĩ càng thương cho con Ba Lý.

Bà Hai Nhiều mếu máo khóc. Cả phòng chỉ có tiếng bà Hai thút thít. Chính thấy bất nhẫn, bực dọc bỏ ra ngoài. Ông giáo thấy cần phải nói vài lời an ủi:

– Chị đừng lo lắng quá. Không việc gì đâu. Anh chị thì vì liên lụy đến tôi. Còn vợ chồng con Lý...

Bà Hai vừa thút thít vừa nói:

– Thằng Phúc nó có làm việc cho ông biện. Tôi sợ thế nào chúng nó cũng...

Hai Nhiều sợ vợ bù lu bù loa như mấy lần trước, nhắc nhở:

– Thôi mẹ con Nhôi đừng la khóc lớn, ở đây không tiện!

Bà Hai khóc nhỏ lại, tiếp tục kể lể:

– Cả đời nó long đong về chuyện chồng con. Tôi đại đột mới nghe ông, bây giờ đã thấy chưa. Ông bảo hễ thương con thì thế nào người ta cũng cứng chịu đau. Ông bảo gia đình người ta thuộc dòng ăn học, có tiếng gia giáo. Đấy, ông đã mở mắt chưa! Thật đúng là một con quỉ. Chú giáo coi, ai đời con Lý mới bước chân về nhà chồng, thấy mặt dâu là mụ đã nổi cơn tam bành lên rồi. Ngay tối tân hôn, mụ treo võng nằm sát giường hai vợ chồng nó, không cho ăn nằm với nhau. Chú có tin được không. Có Trời Phật chứng giám, tôi có nói láo thì Trời Phật vật chết tôi đi. Mụ ta mê thằng Phúc như gái tơ mê nhân tình vậy. Trời hỡi trời! Có ai dám nghĩ trên đời có chuyện kỳ cục như vậy. Thế mà có thật hết, chú giáo. Con Lý nó khổ sở một đời vì con mẹ chồng mất nết, con mẹ chồng loạn luân. Tội nó chạy không kịp, chắc tại con

mụ không chịu đi, tiếc con gà, con nái. mụ chặt bóp từng đồng kẽm cắt kín đó, không cho con Lý quẹt một chút mỡ chứ đừng nói đến thịt cá. Chú giáo có tin được không! Chuyện đàn bà con gái với nhau chẳng lẽ tôi đem kể hết cho chú giáo. Nhưng chú giáo coi, ai đời...

Cứ thế, cứ thế, bà Hai Nhiều kể hết những trái chứng của bà mẹ chồng cô ba Lý, nhiều chi tiết làm đỏ mặt An và Lê. Ông Hai lâu lâu lại nhắc: “Thôi, mẹ con Nhôi”, nhưng không có gì đủ mạnh để ngăn nguồn cảm hận của bà Hai Nhiều. Ông giáo thêm chán, chờ một lúc thuận lợi, hứa với bà Hai là sẽ tìm việc thích hợp cho ông Hai Nhiều. Có thể ông Hai sẽ phụ giúp Năm Ngạn coi sóc việc khai hoang ở xóm Ké. Ông có dư kinh nghiệm và tuổi tác để đảm đương công việc. Bà Hai mừng rỡ, quên phắt câu chuyện bỏ

dở. Mắt còn đỏ hoe, nhưng bà Hai ra về với nụ cười hân hoan.

✱

Những lộn xộn do hậu quả của vụ hành quyết dần dần lắng xuống. Đêm đầy giấc. Việc khai hoang tiến hành mau chóng, rừng lúi sâu đến đâu thì bấp nhú mầm xanh đến đấy. Gạo thiếu, nhưng dạ dày những người vì hoàn cảnh khác biệt xiêu dạt lên thung lũng này cũng quen dần với bấp hăm và khoai luộc. Bỗng một đêm, lửa lại cháy ở khu phía đông, ngay chân đèo. Đêm lại trăn trở, trẻ con khóc thét giữa những hồi mõ báo động hồi hả. Sáng ra cả trại nhốn nháo tìm hiểu, mới biết đêm qua, một toán nhỏ quân triều cả gan vượt đèo đột kích Tây Sơn thượng. Độ mười nóc nhà bị đốt

cháy, năm người đàn ông, hai đàn bà và bảy trẻ con bị chết. Nhờ ánh lửa, người ta nhận diện được tên dẫn đường vốn là một người buôn muối đã trốn thoát. Từ đó suy đoán được tầm mức của biến cố: sau khi trốn khỏi trại, tên buôn muối liều chết vượt đèo An Khê ra đầu thú với toán quân triều đình ở ngay bên kia đèo, xin lấy công đánh đổi cuộc sống an toàn tại quê cũ.

Tai họa mới, một lần nữa, gieo rắc lo âu lên khắp trại. Lại hối hận. Lại nuối tiếc. Dân vật trách móc lẫn nhau, từng đêm, ôn lại từ đầu duyên do cuộc sống xiêu dạt. Công việc nương rẫy chênh mảng, cỏ bắt đầu mọc lẫn từng vạt bấp rộng. Nhu cầu củng cố hệ thống phòng thủ được đưa lên hàng đầu. Còn phòng vệ như thế nào, thì biện Nhạc và Huệ vẫn chưa đồng ý với nhau.

Một năm làm quen với cách tổ chức các đội dân phòng và điều khiển các buổi luyện tập chiến đấu giúp Huệ thêm tự tin. Tuổi hai mươi sung mãn, lòng tuân phục của đám đông, khả năng nhạy bén trước các việc quân, và sâu xa hơn nữa, ước vọng thầm kín phi ngựa trên đồng bằng, cưỡi thuyền vượt sóng biển cả, bấy nhiêu tác động ấy đã khiến Huệ mạnh dạn bên vực ý kiến của mình. Tuy vậy, cuộc đột kích bất ngờ đòi hỏi một biện pháp cấp thời. Và biện Nhạc có quyết định đắp thành Tây Sơn, bất chấp lời can ngăn của em. Việc điều khiển khẩn hoang giao toàn quyền cho Lữ và Hai Nhiều. Phạm Ngạn thì chuyển qua điều khiển công tác đắp thành. Năm Ngạn xem đó là dấu hiệu của lòng tín nhiệm, hăng hái tra xét sổ định, phân các lao động theo từng đội, từ sáng đến tối hò hét, chửi mắng, khi cần thì dùng đến roi gậy nữa,

để đốc thúc công tác. Năm Ngạn say sưa sử dụng quyền lực và lo lắng biểu lộ khả năng của mình đến đôi càng ngày càng có nhiều lời than van. Nhưng mười bốn ngôi mộ dưới chân đèo An Khê vẫn còn đó. Khổ nhọc, đổ mồ hôi, thân thể rã rượi không cho ai khác, mà cho an toàn của chính mình, của gia đình mình. Nhờ thế, mọi người dễ dàng chịu đựng các ngược đãi. Và Năm Ngạn lại thấy mình lớn thêm.

Huệ nhìn công trình xây thành rầm rập diễn ra trước mặt với đôi mắt e ngại nhưng thông cảm. Như lần trước, lúc biện Nhạc quyết định giao nộp người buôn muối cho người Thượng hành quyết, Huệ hiểu cái thế chẳng đặng đừng, lẫn tính toán thâm kín của anh. Trong năm qua, số dân Tây Sơn thượng tăng lên gần hai nghìn người, nghĩa là khoảng

một phần tám dân số cả phủ Qui Nhơn. Trại đã mở rộng gấp mười lần, công việc quản lý phức tạp gấp trăm lần. Trong khi đó, dãy nhà chính lè tè và hai cái lán tranh cất từ thời còn buôn trâu chặt chọi, bé nhỏ quá, không cân xứng với quyền hành. Có lẽ doanh trại của 108 anh hùng Lương sơn bạc còn rộng rãi hơn nhiều. Biện Nhạc, trong thâm tâm không muốn chỉ là tên cướp núi thứ 109. Điều đó, Huệ hiểu rõ lắm. Vì vậy, giống như lần trước, Huệ không thắc mắc, tranh luận với anh về chuyện xây thành nữa, xem đó là một nhu cầu bức thiết không thể làm khác được.

Phần mình, Huệ cũng có những toan tính riêng. Ngoài các buổi luyện tập võ nghệ và sử dụng đao kiếm, giáo mác, Huệ tuyển chọn một số trai tráng khỏe mạnh và can đảm, đêm đêm họ tụ họp

lại bàn luận sôi nổi về cách điều quân, cách đánh thành. Những người xuất sắc trong nhóm này có Mắm, Đá, Uy vốn đã lên trại từ thời buôn trâu, Tuyết, người Tuy Viễn mới xin qui thuận sau một chuyến cướp muối bất thành, Lộc xuất thân chăn trâu giỏi võ nghệ không chịu đựng được cảnh bắt công tìm lên Tây Sơn thực hiện chí lớn. Cuối cùng, tất nhiên phải có Chinh.

Ông giáo bận việc quá, không ngó ngang gì đến việc nhà. An thấy Chinh đêm nào cũng về thật khuya, tập quen đóng khố, nói tiếng Thượng, tò mò tra vấn mãi mà Chinh không chịu nói. An đoán: Lại một trò bất ngờ kỳ dị như trò nuốt sâu thở bé. Nhưng Chinh đã 22 tuổi đầu, chứ còn bé bỏng gì! Đâu phải là thời xem mọi sự như một trò tình nghịch! An lo ngại bảo anh:

– Coi chừng, đừng đùa với người Thượng. Họ đơn giản thế, nhưng lúc nổi giận lên, phải biết. Anh còn nhớ cách họ giết anh buôn muối chứ?

Chinh đưa cái ống điều dài lên môi, bắt chước y lối hút thuốc của người Thượng, bập bập vài cái, nhả khói, mới đáp:

– Nhớ rồi, nhớ rồi, “bà cụ” của tôi ơi!

– Thế anh định chơi trò gì đấy.

Chinh cười khiêu khích:

– Không nói được. Rồi sẽ biết!

An dọa:

– Em mét cha cho xem!

Chinh nghiêm nét mặt:

– Không được. Đây là chuyện quan

trọng, không phải chơi đùa. Anh Huệ chủ trương chuyện này. Đã yên lòng chưa.

Nghe Chinh gọi Huệ là “anh”, mặc dầu lớn hơn Huệ hai tuổi, An kinh ngạc một cách thích thú. Cô thấy lòng rộn rã, quên biến mọi thắc mắc.

Đêm sau, An chờ cửa đến canh hai, vẫn không thấy Chinh về. Sang canh ba, cô buồn ngủ quá thiếp đi lúc nào không hay. Sáng mở cửa đã nghe mọi người sôi nổi bàn tán về chiến công ban đầu của Tây Sơn thượng. Một toán trai tráng gồm bốn người đã thực hiện một cuộc phản đột kích, phá tan đồn quân triều bên kia đèo, giết gần hết số lính trấn đóng ở đó, lại còn bắt thêm được một tù binh để khai thác tin tức. An mừng khắp khởi theo cái mừng của mọi người, sau đó lo ngại Chinh gặp nguy hiểm. Cô chạy đi tìm anh.

May cho An, cô không chen được vào đám đông đang bao vây bốn dũng sĩ để nghe kể thành tích chiến thắng, nên khỏi phải một phen sững sờ. Cả bốn người gồm Tuyết, Đá, Uy và Chinh đều đóng khổ theo cách người Thượng, thân thể đen màu bồ hóng. Sau Tuyết, đến lượt Chinh kể chiến công của mình. Anh giết được ba tên, bằng chứng là ba cái tai cắt được xỏ râu bằng dây giang giơ cao cho mọi người nhìn thấy. Đó là sáng kiến của Tuyết, nghe bảo đã đọc trong truyện Tàu. Lúc Chinh đang đóng đưa râu tai người khắp tứ phía cho khán giả nhìn kỹ, có ai đó la lớn:

– Coi chừng anh ta gian lận, giết được có một tên mà cắt cả hai tai đem về.

Đám đông nghe ý lạ, cười ồ. Có nhiều tiếng phụ họa:

– Phải rồi. Coi chừng gian lận. Kiểm lại coi có đúng là ba cái tai trái không?

Đòi hỏi bất ngờ nhưng hợp lý quá, nên đám đông lại nhao nhao đòi kiểm soát chiến tích. Chinh lúng túng chưa biết phải làm gì thì Tuyết đã giật lấy râu tai của Chinh, chăm chú kiểm soát. Tuyết la to:

– Một tai phải. Hai tai trái.

Đám đông la ó:

– Vậy là có gian lận. Chỉ giết được hai tên thôi.

Chinh tức quá, cãi lại:

– Giết ba tên. Rõ ràng có ba cái xác.

– Chỉ có hai tên.

– Không, ba tên.

Kịp lúc Tuyết thành thạo so lại ba cái tai, khám phá ra rằng không có vành tai nào giống vành tai nào. Tuyết lại bảo:

– Đúng rồi, ba tên chứ không phải hai, vì tai trái và tai phải không giống nhau.

Đám đông lại thích thú cười ồ. Số ít đàn bà con gái mãi theo dõi cuộc mừng công vì hiếu kỳ, bây giờ mới cảm thấy sợ. Họ nhìn trôn mấy cái tai xâu dây lông lẳng Tuyết đang đưa cao, mắt dán vào chiến tích quái dị ghê rợn đó, chân bủn rủn. Đúng là may mắn cho An, khỏi phải nhìn thấy Chinh đen điu, dị dạng, và thô bạo lạnh lùng đường ấy!

✱

Chuyện dị thường ấy, tất nhiên phải đến tai ông giáo. Xế chiều, An thấy cha lồm lổ, mặt tái xanh, thắc thỏm đi vào đi ra như đang nôn nao chờ đợi điều gì. An tránh đôi mắt giận dữ của cha, không dám hỏi. Ông giáo ngồi xuống chống cằm suy nghĩ, rồi xuống bếp tìm cái rửa. An cho nhà hàng xóm mượn chẻ củi quên đòi về. Ông gắt âm lên, mắng An là “đồ gái hư”. An lén gạt vôi nước mắt chạy đi đòi rửa cho cha. Lúc về, ông giáo đã đi khỏi. Ông trở về ngay với một cái roi mây thật dài!

An không khỏi lo âu, bụng nghĩ không lẽ cha phạt mình chỉ vì một chuyện vặt. Ông giáo bảo An cất cái dao phay, rồi lại ngồi chờ. Lãng về quá giờ cơm chiều. Cũng không có gì xảy ra. Chỉnh về, dáng bước hăm hở, miệng huýt sáo. An từ xa, ra dấu cho anh, nhưng mãi vui

Chinh không chú ý. Anh hỏi:

– Sao không thả đèn lên?

An thì thào:

– Có cha ở nhà trên. Hình như cha đang gặp chuyện phiền.

Chinh nói “Thế à”, rồi sửa soạn đi tắm. Đúng lúc đó, có tiếng ông giáo gọi:

– Thằng Chinh đâu?

Chinh thưa:

– Dạ, con ở dưới này.

Tiếng ông giáo run run:

– Lên đây tao bảo.

Chinh bước lên nhà trên. Ông giáo lại gọi:

– An đâu?

– Dạ!

– Thắp cái đèn đem ngay lên đây.

Lúc An mang cây đèn lên, ông giáo vẫn ngồi nguyên ở chỗ bàn nước. Chỉnh thì đứng chờ gần cửa ra vào, ngơ ngác không hiểu cha muốn sai bảo điều gì mà một lúc thật lâu trong bóng tối, ông giáo chưa nói gì cả. Chờ cho An đặt xong cây đèn chai sát bên vách để tránh gió, ông giáo hỏi:

– Thăng Lãng đi đâu rồi?

An thưa:

– Nó ở dưới bếp.

– Kêu lên đây!

Bấy giờ ba anh em mới ý thức được tầm quan trọng của tình thế. Không ai dám thử mạnh, ông giáo thì vẫn giữ nét

mặt lạnh lùng khó hiểu. Sau một lúc im lặng, chừng như để dần bớt xúc động, ông bảo:

– Thăng Chinh nằm xuống.

Chinh ngạc nhiên, nhưng cứ vâng lời cha. Thấy con định đến chỗ cái phản, ông giáo hét lên:

– Nằm xuống đất. Mày không đáng được nằm chỗ sạch sẽ.

Chinh nằm sấp ngay trước mặt cha. Ông giáo xô ghế đứng dậy, đến lấy cái roi mây gác trên đầu tủ. Cây roi quá dài so với căn phòng hẹp. Ông đẩy cái bàn nước sát vào tường. Khay trà chòng chành suýt làm rơi cả ấm chén. An không kịp nghĩ ngợi gì, vội năn nỉ:

– Cha tha tội cho anh con. Con van cha. Con lạy cha!

An khóc thành tiếng, nghẹn không nói thêm được lời nào. Ông giáo không thèm nghe lời con gái, cầm cái roi mây nhịp nhịp lên mông Chinh, gằn giọng hỏi:

– Hồi hôm mày làm gì?

Chinh hơi đoán được sự việc, điềm tĩnh trả lời:

– Con dự trận đánh đồn quân triều dưới đèo.

– Tao biết rồi. Nhưng mày làm gì nữa?

– Con có làm gì khác đâu.

– Nói dối. Tao hỏi lại, hồi hôm nay làm gì?

– Xong trận, tụi con về tới đây đã hừng sáng. Con đâu dám dối cha.

Giọng ông giáo đánh lại, rít giữa hai hàm răng

– Vậy cái râu tai người của mày đâu rồi?

Chinh nằm im không dám trả lời. Ông giáo dồn hết sức già, quật mạnh cái roi mây lên người Chinh. Hai roi đầu, Chinh oằn người lại như con rắn bị dẫm, nhưng từ roi thứ ba trở đi, anh nằm yên, chấp nhận sự trừng phạt giận dữ của cha. An và Lãng lặng người sợ hãi, không dám khóc, cũng quên cả năn nỉ hộ anh. Ông giáo như người điên, quất túi bụi lên mông, lên lưng Chinh. Sự ngoan ngoãn can đảm của Chinh càng làm cho ông giáo giận dữ hơn. Ông đánh đến rã rời cánh tay mới dừng lại thở. Ông cảm thấy ngộp, muốn hét lên cho bớt giận. Nghỉ một lúc lâu, ông mới lắp bắp nói được với con:

– Đâu? Cái xâu tai người của mày đâu? Tao nghe người ta bảo mày đeo tòng teng trên cổ như xâu chuỗi ngọc mà! Trời hỡi trời, biết thế này thà tao giết mày từ khi mới lọt lòng.

Ông quát thêm hai roi, đuổi sức phải ngồi ghé lên ghế. Ông thở dốc, cái mặt thẫm dần trên từng sợi gân, thớ thịt. Hai thái dương ông tê dại, mồ hôi đổ ra ướt cả lưng áo. Có lẽ vì vậy mà giọng nói của ông trầm xuống, gần như tử tế, tâm sự:

– Giết người! Đó là một việc đại ác. Một trò đê tiện! Một chuyện bất đắc dĩ. Không còn cách nào khác, ta phải giết kẻ thù để bảo toàn mạng sống, hay che chở cho thân nhân, bà con. Tao không trách chuyện dự trận đêm qua. Đó là bốn phận. nhưng hạ được kẻ thù thì thôi. Chết là hết. Mày thì không, mày xem cái trò bất đắc dĩ đó như một trò vui. Mày

thích thú, mày khoái lạc được giết người. Mày cắt tai người chết đem về khoe như một đứa du côn, một tên hiếu sát. Mày là thằng mất dạy. Tao hối hận đã sinh ra mày, nuôi nấng mày.

Gai ốc nổi dọc theo sống lưng An. Cô nhìn anh đang nằm dài trên nền đất ẩm như một xác chết, không tin Chinh dám làm một chuyện ghê tởm đến thế. Nhưng sự thật rành rành ra đó, nếu buổi sáng chịu khó chen lấn hoặc buổi chiều không mê mải cắt sửa mấy cái áo cũ thì thế nào An cũng nghe thiên hạ bàn tán sôi nổi. An nghĩ đến cái trò nuốt sâu của anh, nghĩ đến vẻ hăm hở, say dại của Chinh hôm dự cuộc hành quyết...

Không nghi ngờ gì nữa, chắc chắn những điều ông giáo vừa nói đều đúng sự thật. An bàng hoàng, sau đó lòng cứ thắc mắc: Tại sao anh Huệ trực tiếp xếp

đặt cuộc đột kích này mà không ngăn anh Chinh làm chuyện ác? Anh ấy có biết trước không? Có lẽ không biết đâu. Nhất định không thể biết trước được. Nếu biết trước thì đã... Hay anh ấy cũng thích làm chuyện dị thường như anh Chinh đã làm? Hoặc chính anh ấy ra lệnh để tiện ghi công? Cắt tai người, trời hỡi trời, có thể như vậy được không?

An không thể chịu đựng cảm giác hãi hùng, cộng thêm sự xao xuyến thắc mắc được nữa! Anh ấy có ra lệnh không? Nhất định không! Biết đâu đấy... Không được lệnh thì anh Chinh đâu dám làm? An chạy xuống bếp mà những câu hỏi mâu thuẫn cứ bao vây lấy cô, như bấy muối độc từ lớp lá mục hằng hà sa số bay tìm hơi người đêm đêm.

✱

Nhờ tên tù binh gốc người Xuân Huê, Lợi mới biết tất cả gia đình mình đã bị thảm sát. Cuộc khủng bố trắng đã lan qua bờ nam sông Côn. Phúc, anh ruột Lợi, chồng cô ba Lý, bị quân phủ xem là tay chân thân tín biện Nhạc gài lại Tuy Viễn để nắm tình hình. Người mẹ già yếu bị đem ra tra tấn, đánh đập trước mặt Phúc để buộc Phúc cung khai. Phúc không có gì để khai thêm, một mực thề thốt là đã nói hết sự thực. Đến lượt bọn lính hành hạ cô vợ. Phúc không đủ tài ứng biến và can đảm để khai dối cho đúng ý quan phủ. Phúc bị kết tội ngoan cố. Chỉ cần một cái phất tay: toàn gia đình bị đâm chết, nhà cửa bị vơ vét sạch sành sanh trước khi phóng hỏa.

Nghe được tin dữ, Lợi vội vã chạy đến nhà Hai Nhiều. Không chịu đựng

nổi những lời gào thét kể lể, Lợi lánh qua nhà ông giáo. Thấy An đã dưới, gương mặt thất thần, Lợi tưởng An đã biết tin, cố nén nỗi đau của mình, an ủi:

– Thôi An đừng buồn. Chết, là được an phận, là rũ hết nợ nần. Chỉ tội cho người ở lại. Bây giờ tôi hối hận là trước kia mãi mê đi đây đi đó, ít chịu ở nhà để phụng dưỡng, hầu hạ mẹ. Mẹ tôi chỉ thương anh Phúc, xem tôi là đứa con hư. Đáng lý phải hiếu mẹ, tôi lại oán. Lần cuối cùng, mẹ tôi dọn cơm lên, ăn nửa bữa, tôi cãi lại mẹ tôi, quăng đĩa bỏ đi. Mẹ tôi mếu máo chạy theo ra đến ngõ, dúi vào túi tôi mấy quan tiền. Tôi nhận tiền của bà cụ, nhìn nét mặt nhăn nheo cầu khẩn, thương mẹ tôi quá. Nhưng không hiểu sao tôi lại rút tay mẹ tôi ra, bỏ đi một mạch. Tôi đâu còn cơ hội nào, để trở về cúi lạy mẹ tôi, xin mẹ tha tội.

Chết là hết. Bà cụ chết mà vẫn đình ninh tôi là đứa con ngỗ ngược, bất hiếu...

Lợi nói một mạch, không chú ý sự kinh ngạc của An. Lợi càng nói, An càng thấy rối rắm, không hiểu gì. Cô chỉ hiểu Lợi vừa mất mẹ. An thắng thốt hỏi:

– Em chưa hiểu gì cả. Bà cụ mất hồi nào? Anh Phúc nhắn tin lên đây à?

Đến lượt Lợi ngạc nhiên, Lợi hỏi:

– Vậy An chưa biết tin sao?

– Tin gì?

– Chúng nó giết cả nhà tôi rồi.

– Anh nói sao! Chúng nó là ai?

– Tội quân phủ. Chúng nó nghi anh Phúc còn làm việc với ông biện, nên giết cả nhà tôi.

– Tin tức đã chắc chắn chưa? Ai cho anh hay?

– Tên tù binh ta bắt về hôm nọ. Nó khai hết, khai cả các đồn lũy đóng dọc theo quan lộ để phòng ta đánh xuống. Đêm qua tôi đem phát cho nó cái chiếu, nhân tiện hỏi quê quán. Nó khai người Xuân Huê. Tôi hỏi thăm chuyện nhà, mới biết tin dữ. Tôi sợ nó lảm, hỏi đi hỏi lại nhiều lần, nó nói không khác trước. Tuy ở khác xóm, nhưng nó biết rõ mẹ tôi, và vợ chồng anh Phúc. Nó còn biết cả đến chuyện mẹ chồng nàng dâu thường xích mích nhau nữa!

An buột miệng nói:

– Như vậy là chỉ còn một mình anh trên đời.

Lợi buồn rầu nói:

– Phải. Một mình trên đời. Tôi không còn chỗ nào để về nữa.

Hai người đều im lặng, và rùng mình nghĩ đến thân phận côی cút, cuộc sống trôi dạt... An thấy lòng ngùi ngùi. Cô thương hại Lợi, thương lây đến cả đám cỏ bị dẫm nát trên lối đi, đám lửa heo hút trong bếp, làn khói mỏng tan loãng giữa gió lạnh. Cô dăm dăm nhìn Lợi, bắt gặp một cúc áo bị sút chỉ tạm ghim lại qua loa bằng cái gai khô. Giọng An dịu dàng, trùu mến hỏi:

– Anh cần khâu lại cái cúc áo không?

Lợi vội đưa tay lên che chỗ cúc áo bị mất, bối rối đáp:

– Tôi vô ý quá. An có kim khâu, cho tôi mượn. Tôi quen tự ý làm mọi việc.

An cảm thấy không nên đi quá cái

mức vô hình cần thiết. Từ lâu, cô biết mình không còn có thể cười nói tự nhiên với Lợi như thời còn ở An Thái nữa. An phải giữ gìn ý tứ. Cô đã mười bảy tuổi đầu. Cho nên An vào nhà lấy kim chỉ đưa cho Lợi, rồi dặn:

– Anh cần gì, ý em nói cần kim chỉ hay những thứ vật vãnh ấy mà, có thiếu thứ gì thì cứ đến nhà em.

Trong một phút dào dạt lòng thương hại và cảm động bỗng bột, An quên mất rằng, đáng lý An phải nói ngược lại. Đáng lý Lợi ân cần căn dặn: “Cô có cần bất cứ thứ gì, dù là vật vãnh như cây kim sợi chỉ thì cứ đến tìm tôi”. Mà thực ra Lợi đã từng căn dặn An nhiều lần câu ấy.

Từ lâu việc quản lý thu chi, tính toán sổ sách, xuất nhập kho – nghĩa là trăm nghìn thứ công việc đòi hỏi sự chi li cẩn

trọng và kém hào hứng nhất – được ông biện giao khoán cho Lũ và Lợi. Dĩ nhiên Lợi chỉ đóng vai phụ tá. Nhưng quản lý tài chánh không phải chỉ là nhắm mắt cúi đầu vâng theo những nguyên tắc chết, nép mình loanh quanh trong cái khuôn hẹp. Nó còn đòi hỏi sự uyển chuyển, thích nghi, và lòng can đảm. Những điều kiện ngoài khuôn phép này, những du di bạo dạn mà có tính toán như vậy, Lũ quá thiếu còn Lợi thì quá thừa. Trong nhiều trường hợp khó khăn, phức tạp, nhu cầu có ngay lương thực, ứng trước cho người đắp thành, cần thưởng ngay cho một món tiền cho kẻ đạt kỷ lục vỡ hoang, cần biếu ngay vài bao muối cho một thợ săn người Ba Na để giữ mối thit rừng, Lũ còn dăm chiêu lúng túng thì Lợi đã có sẵn giải pháp. Dần dà Lũ chỉ còn cái chức hàm. Mọi việc quản lý đều ở trong tay Lợi, từ sợi chỉ cho đến con voi.

Nắm giữ quyền hành quyết định mọi sự, nhưng lại khéo léo giấu mình trong cái vẻ ngoan ngoãn của thuộc cấp, dành cho cấp cao niềm hân diện được quyết định tối hậu, bằng lòng ở hậu trường cho kẻ khác ra sân khấu, có lẽ bí quyết sự thành công của Lợi là ở nghệ thuật xảo diệu đó.

✱

Phải công nhận rằng Lợi múa dẻo là nhờ mặt đất bằng phẳng. Mục điều hòa kinh tế tài chánh là thước đo của tình trạng xã hội. Suốt hai năm Tân Mão (1771) và Nhâm Thìn (1772), tình hình sinh hoạt và an ninh của Tây Sơn thượng ngày một khả quan. Nhìn lại những chặng đường đã qua, đôi lúc chính biện Nhạc cũng không tin sức người có thể một mình vượt qua được bấy nhiêu gian

nguy, biến động. Cái ý niệm “lòng trời” ban đầu là câu cửa miệng của Chỉ (một tên thầy cúng bị truy lùng về tội lừa lọc, trốn lên nương nấu Tây sơn thượng) dùng để nịnh bợ, tán tụng biện Nhạc. Dần dà về sau, hơi ngợp trước tầm lớn rộng của quyền hành, trách nhiệm, phần nào thiếu tự tin trước các thành quả đạt được, biện Nhạc ưa dùng “lòng Trời” để giải thích điều tốt đẹp, khích lệ đám đông chịu đựng gian khổ khó khăn, hoặc che giấu các lỗi lầm lãnh đạo. Ông biện ưa nói: “Không có Trời thì thế này... không có Trời thì thế kia”.

Người nghe ôn lại những ngày nhọc nhằn, lo âu đầu tiên, rón tìm một lối giải thích, nhưng vì trí óc đơn giản không cho phép, ai cũng dễ dàng chấp thuận gợi ý của biện Nhạc. Họ thầm cảm ơn Trời đã không xô giạt họ, xua đuổi họ,

truy lùng họ từ chỗ này đến chỗ khác như bọn người dưới đồng bằng, dẫn dắt họ đến một thung lũng ấm, ban cho họ một niềm hy vọng. Không có Trời thì... không có Trời thì... họ an tâm khi nhắc đi nhắc lại những lời giả thiết đã nhuộm màu sắc tôn giáo, tuy riêng rẽ từng người chưa ai tưởng tượng được hình dạng ông Trời ra sao!

Trong hai năm, đám người xiêu giạt chạy lên Tây Sơn thượng quá đông đảo. Cuối năm Thìn, con số đã lên trên dưới ba nghìn. Thành phần của họ lại hết sức ô hợp, phức tạp. Đa số là những nông dân bần cùng, dù nhì nhục tối đa vẫn không chịu đựng được gánh nặng sưu thuế, sự hống hách của thổ hào, sự chèn ép của chức sắc. Những năm mưa thuận gió hòa, họ cần rằng chịu đựng để có miếng ăn. Trận đói năm Tí (1768) về hòa với lũ

chức sắc, thổ hào, đuổi họ khỏi làng. Họ lang thang khắp nơi. Nghe tin chỗ nào có cái ăn là ùa nhau tới. Họ họp thành nhóm, che chở giúp đỡ nhau chống cự lòng ích kỷ, đố kỵ của những kẻ còn no. Nhiều khi nhờ dựa hơi nhau họ liều lĩnh ăn trộm, ăn cướp thóc lúa, khoai bắp. Miếng ăn lôi cuốn họ dần về phía nam, rồi sự tàn ác bất nhân của đồng loại xua họ lên phía tây.

Số còn lại – theo ngôn ngữ của bọn đạo đức giả đầu óc vừa hẹp hòi, vừa lười lĩnh – là những thành phần bất hảo, bọn vô lại. Có kẻ mang tội giết người. Có kẻ ăn trộm, kẻ cướp đường vượt ngục. Có kẻ mang công mắc nợ trốn đi. Cũng có người mang một mối hận nào đó, tuyệt vọng đem cuộc đời mình hoang phí nên tìm đến chỗ nước độc rừng sâu để chết dần chết mòn cho xong kiếp. Có người

hết đường lừa lọc tìm đến chỗ hẻo lánh để lại thủ thời vận. Và cũng không thiếu người phần lớn là trai tráng khỏe mạnh, không chịu cuối đầu nhả nhục như lớp chú bác, anh chị, quyết đi tìm một nơi tự nghĩa để thực hiện giấc mộng công bằng, tự do còn hết sức mơ hồ của mình.

Bấy nhiêu con người khác nhau quá chừng về cá tính, hoàn cảnh cùng gặp nhau ở Tây Sơn thượng như một sự tình cờ, sống chen chúc bên nhau, nhà này kề với nhà kia, nép nhau nương nhau chống chỏi với khí núi, đói khát, bệnh tật; rồi lại đánh nhau, chém nhau vì những chuyện cỏn con! Cái tài buôn nguồn của biện Nhạc thật chưa đủ để đối phó với thực trạng rối bời này. Nhưng như người ta thường nói: “Có gió bão mới biết được cây cứng”, biện Nhạc có những khả năng thích nghi, nhạy bén và quyết đoán

nhANH chóng, nên lớn kịp với đòi hỏi. Các biến cố dồn dập tới vừa thử thách vừa kích thích ông. Ông vận dụng tất cả năng lực ra để đối phó, và sau mỗi biến cố, ông biện mừng rõ thấy mình dồi dào thêm sinh lực, tinh thần sáng suốt hơn, dư sức chờ đón một biến cố mới.

Ông chỉ chủ động ở cái thế phòng vệ, đối phó, còn dòng cuốn của các sự kiện thì ở ngoài tầm tay của ông. Dù có muốn, ông cũng không thể đi ngược với một thứ xu thế huyền bí, lạ lùng mà ông chưa hiểu thấu. Chẳng hạn cách thức tổ chức đời sống ở Tây Sơn thượng. Có những ràng buộc mà ông biện không thể thoát khỏi. Tuy là những ràng buộc vô hình, ngầm hiểu với nhau. Ông phải tổ chức đời sống theo cách nào đây? Mô phỏng lối xếp đặt phân công của một trạm buôn

nguồn chưa tới hai mươi người như ngày trước được không?

Đưa mấy nghìn con người sống du canh, an cư như người Thượng được không? Ông biện hiểu là trách vụ mới không đơn giản, quyết định của mình liên quan đến sự sống chết của nhiều người. Gánh nặng của trách nhiệm là thứ ràng buộc. Còn có một ràng buộc khác chặt chẽ hơn, là ước vọng thâm kín của mọi người, trong đó có cả ước vọng của ông. Cũng như họ, ông không thể chấp nhận lối tổ chức, lối cai trị của bọn quan lại tham lam, tàn ác bên kia đèo.

Ông và cả gia đình đều là những người tị nạn. Mô thức xã hội mà ông dựng lên ở thung lũng cô lập này, dù lớn dù nhỏ, đúng sai thế nào, nhất định không được bắt chước y guồng máy kềm

kẹp và bóc lột dưới kia. Phải làm khác đi. Không thể thì ta lên đây làm gì, thà nhả nhục đi thu thuế cho quan phủ!

Nhạy bén ý thức được những ràng buộc đó, biện Nhạc đã tránh được những sai lầm trầm trọng. Trong tiểu tiết, có cái lầm lẫn, có những biện pháp ngây thơ hay vội vã. Nhưng thời kỳ ổn định ở Tây Sơn thượng, ông đã đi đúng hướng. Một mặt ông đáp ứng được khao khát được sống đúng nghĩa của đám đông, sống trong công bằng và được bảo vệ trọn vẹn nhân phẩm. Một mặt ông khéo léo hóa giải được các sức đối kháng, biến nó thành lưng chừng vô hại. Mặt khác, nếu cần thiết ông cũng mạnh bạo tiêu diệt các mầm bạo loạn, các phần tử ngoan cố nguy hiểm.

Mối đe dọa thường trực bên kia đèo tiếp tay cho ông duy trì trật tự, vận động

sức người xây thành đắp lũy. Các phần tử bị xếp vào loại vô lại không dám tỏ dấu hiệu phóng túng, dám đông để mắt theo dõi họ, cảm hóa họ, nhân danh quyền lợi chung.

Huệ tổ chức trai tráng thành đoàn đội, ban ngày tham gia sản xuất, ban đêm luyện tập võ nghệ, chẳng bao lâu, lực lượng đó trở thành nòng cốt trong mọi công tác. Thận được giao việc mở rộng khu lò rèn để đúc thêm lưỡi cuốc lẫn giáo mác đao kiếm. “Cái uy” lộ liễu của Năm Ngạn cộng với kinh nghiệm canh tác của Hai Nhiều, khiến việc khẩn hoang, trồng tủa tốt đẹp. Mỗi giao thiệp cộng tác với người Thượng khả quan, do chân tình của biện Nhạc cũng có, mà do những mưu kế nặng mùi thầy cúng của Chỉ cũng có. Đằng nào thì vụ đột kích giả danh người Thượng do Huệ chủ

trương đã kéo hẳn các buôn Thượng về phe Nhạc, họ không thể đứng làm khách bàng quan như trước.

Tất cả các tiến triển thuận lợi ấy phản ánh qua tình hình thu chi ổn định, đến nỗi Lợi tưởng mình là người khéo múa, là kẻ đa năng. Lợi tưởng toàn thể năng lực của đời mình đã được sử dụng đúng chỗ, đúng lúc, không còn có thể mơ ước điều gì cao hơn nữa! Lợi không cần chờ lâu, để thấy sự lầm lẫn của mình.

✱

Những đêm nằm nghe tiếng bọn trai tráng reo hò luyện tập ở khu đất trống cách không xa nhà ông bao nhiêu, ông giáo thường hoang mang, với vô số câu hỏi. Quanh ông đang có những chuẩn bị

rộn rã đòi hỏi từng người phải dốc hết sức mình. Dường như cả vạn vật cũng thao thức, đêm đêm thoát khỏi cái vỏ vô tư, rì rầm khai hội. Nhịp sống nhanh hơn, nô nức vươn cao quá tầm cho phép của tự nhiên.

Ông giáo không thể đứng ngoài không khí nô nức chung, hơn nữa chính ông góp phần không nhỏ để đẩy nhanh nhịp sống ấy. Nhiều hôm ông làm việc quên cả thời gian. Lúc ông nghỉ ngơi, nằm một mình lắng nghe gió thổi bên kia mái lá, những câu hỏi lại quấy nhiễu ông. Rộn rã chuẩn bị mọi mặt để làm gì đây? Phải bước đi đâu nữa? Biện Nhạc trả lời ngay cho ông giáo, chấm dứt những ray rức không kịp thời.

Vào khoảng cuối tháng 11 năm Thìn (1772), một hôm ông biện lưu ông giáo lại ăn cơm tối, “nhân tiện muốn lạm

bàn với thầy một việc rất quan trọng”. Theo kinh nghiệm, ông giáo biết mỗi lần “nhân tiện” như thế, tất có những quyết định ảnh hưởng đến cuộc sống Tây Sơn thượng.

Bữa cơm rượu thịt ê hề, có đầy đủ những nhân vật nòng cốt của trại. Nhưng sau khi no say, biện Nhạc chỉ giữ ông giáo và Chỉ, tên thầy cúng, ở lại uống trà. Chờ cho Huệ đi đóng tất cả cửa lớn cửa sổ của nhà khách lại xong, biện Nhạc mới nói:

– Câu chuyện tối nay, tôi không muốn cho ai biết ngoài ba chúng ta. Hai vị về tuổi tác cũng như hiểu biết đều xứng đáng là bậc thầy của anh em tôi. Ý kiến hai thầy về chuyện tôi sắp nói như thế nào, xin cứ nói thẳng cho tôi biết. Đừng vị nể, sợ mất lòng mà nói nhẹ đi hoặc không nói gì hết.

Chỉ hất đầu ra phía sau, lấy điệu bộ trang trọng khách sáo nói:

– Được ông biện tin cần là một vinh hạnh lớn lao cho hai chúng tôi rồi. Xin ông biện đừng ngại. Chỉ sợ hiểu biết của chúng tôi nông cạn, phụ lòng mong đợi của ông biện mà thôi.

Nét mặt biện Nhạc đột nhiên sa sầm. Nhưng ngay sau đó, ông trở lại vốn vĩa, hòa nhã. Bằng lối nói nửa đùa nửa thật, biện Nhạc nói với ông thầy cúng:

– Vâng, thì tôi không ngại, tôi vâng theo ý thầy đấy nhé. Thầy lấy sự tin cần mà đãi tôi, thì tôi cũng lấy chân thật mà thưa với thầy rằng: từ lâu, lâu lắm rồi, tôi không vui khi người ta gọi tôi là “ông biện”. Quý giá gì cái chức biện quèn, chuyên đi bóp hầu bóp họng dân đen lấy thuế nộp cho quan trên! Ngay từ lúc này,

xin gọi tôi... gọi tôi khác đi. Tôi là con đầu, thôi, cứ gọi tôi là Ông Cả. Thầy thấy thế nào?

Chỉ hơi ngượng, cố cười giả lả, mau mắn đáp:

– Dạ, dạ đúng lắm. Ông biện... ấy chết, tôi quên... Ông Cả nghĩ thế là phải. Mình đầu còn là tên thu thuế của triều đình nữa. Quí gì cái chức biện lại Vân Đồn!

Nhạc quay về phía ông giáo, lễ phép hỏi:

– Thầy về khuya, có dặn các cô các chú ấy đừng đợi cửa không?

Ông giáo biết Nhạc muốn đổi lối nói trang trọng giả tạo ra chân tình đơn giản, nên đáp gọn:

– Tôi đã dặn rồi.

Nhạc gặt đầu nói:

– Thôi thì chúng ta có thể nói chuyện đến khuya. Chuyện như thế này. Tôi định sau cái Tết Tỵ (1773), chúng ta xuống núi. Chẳng lẽ cứ bó gối ở chỗ xó rừng này mãi. Phải về lại đồng bằng cho anh em thăm lại bà con, gần gũi với họ hàng. Ai ở đây không mong trở về đồng bằng. Tôi cũng vậy, mà chắc hai thầy cũng vậy. Nhưng về như thế nào? Gióng trống hô lên một tiếng, chắc chắn mấy nghìn người chúng ta ùn ùn đổ xuống đèo thì không có gì ngăn chống được. Tôi tin chắc điều đó. Nhưng đã giống trống thì phải giương cờ, nếu không, chúng ta chẳng khác nào một đám cướp núi ô hợp. Cờ gì đây? Xin hai thầy nghĩ hộ cho.

Ông giáo ngạc nhiên về sự đơn giản

của một quyết định quan trọng như vậy. Tất cả đều gầy gọn, không thể khác được. Có gì bấy lâu ông cứ hoang mang trần trở. Mọi người đều náo nức khi nhìn xuống chân đèo, chỉ trỏ cho nhau phương hướng quê nhà. Phải về thôi. Ra đi bất đắc dĩ, đến lúc bình thường, liền nghĩ đến tiếng “về” thân ái từng ấp ủ bao đêm.

Về, phải về. Ý nguyện thầm kín, khao khát nung nấu của mọi người không ai cưỡng lại được. Nhưng về thế nào? Trở lại quỳ gối làm kẻ nộp thuế, đóng sưu cho đầy túi tham của tên quốc phó? Không, không đời nào. Mỗi hận canh cánh bao năm đột nhiên vùng dậy, khiến mắt ông giáo hoa. Máu nóng rần rật trong người ông. Dứt khoát không. Ông nhớ đến cái chết của quan nội hữu Trương Văn Hạnh bạn ông, nhớ đến những âm mưu nhơ

nhuốc ở kinh thành. Thật đúng là một cuộc hoán vị bĩ ối. Ngọn cờ nào đây? Ông giáo muốn ngộp thở vì ý tưởng vừa đến trong đầu óc ông. Sợ ông thấy cứng tranh mấy cơ hội, ông giáo hấp tấp nói:

– Lòng dân đều hận tên quốc phó Trương Phúc Loan. Giương cờ diệt trừ tên loạn thần đó thì ai mà không mừng rỡ chào đón. Xưa nay không thiếu những bậc anh hùng dám đứng lên diệt loạn thần phò minh chúa, sử sách còn ghi tên cho đời sau.

Nhạc vội hỏi:

– Ta phò minh chúa nào?

Ông giáo đáp không cần suy nghĩ:

– Ta phò hoàng tôn. Đức Mụ yếu mệnh, không thể nối được ngôi của Đức Hiếu Võ, thì đứng ra phải tôn con trưởng

của Đức Mục lên ngôi. Chỉ tại tên loạn thần...

Nhạc không thể giữ bình tĩnh, cướp lời ông giáo:

– Thầy vừa nói hoàng tôn nào?

– Hoàng Tôn Dương, con trưởng của Đức Mục. Tôn phù như vậy mới đúng chính thống.

Nhạc hỏi lại:

– Hoàng Tôn Dương? Hoàng Tôn Dương? Có phải cái tên “chị Dương” thầy kể độ trước không?

Ông giáo vui mừng đáp:

– Chính phải. Hoàng tôn mới đúng là...

Tiếng cười ha hả của Nhạc khiến ông

giáo khựng lại, ngơ ngác. Nhạc cười đến gặp người lại, mất hẳn vẻ nghiêm trang. Ông giáo nghiêm nét mặt, cố ý tỏ sự bất bình. Nhạc cố nhin cười để nói, nhưng lại bật cười ha hả lần nữa. Ông thầy cũng chưa hiểu gì cũng cười góp. Một lúc sau, Nhạc vừa cười vừa giễu cợt:

– Xin lỗi thầy. Tôi vô phép quá nhưng không thể nín cười được. Thầy nghĩ mà coi, mình hết đường rồi hay sao mà lại đi thờ “chị Dương”. Thờ... chi cái thằng... không có... cu! Ha ha...

Ông giáo giận tím người, từ đó ngồi im không nói nữa. Nếu có thêm chút can đảm, ông đã đứng dậy bỏ về. Ông tự trách đã yếu đuối, hèn nhát, vô liêm sỉ nên mới ngồi lại.

Tên thầy cũng lấy được tự tin sau khi đối thủ bị loại, nên đề nghị:

– Ta nên dựa vào “lòng Trời”. Không có Trời thì ta không sống được đến ngày xuống núi đâu. Diệt tên loạn thần cũng là hợp ý trời. Đưa cao “ý Trời” lên, ai mà không theo!

Nhạc lắng nghe, suy nghĩ một lúc lâu chưa nói gì. Chỉ lễ phép và kiên nhẫn đợi. Nhạc chậm rãi nói:

– Trời. Lòng Trời. Được lắm. Nhưng Trời xa, cao quá. Dân đói khổ kêu Trời đâu có thấu. Nhiều người còn oán Trời không có mắt nữa. Cần cái gì gần gũi hơn, quen thân với mọi người hơn.

Chỉ e dè nói:

– Hay ta nhân danh “Trời và Đức Thầy Cả” [1]. Nói chữ, thì “Trời và Đức Thượng Sư”. Vâng ý trời và Đức Thượng Sư, ta hãy diệt tên loạn thần tàn bạo!

Giọng tên thầy cúng rất giống với lối hát tuồng khi nói đến câu cuối cùng. Nhạc cười ha hả:

– Ý thầy lạ lắm. Để tôi ngẫm lại xem. “Trời và Đức Thầy Cả!” “Trời và Đức Thượng Sư!” Thầy Cả, Thượng Sư. Tôi ưa “Thầy Cả” hơn, nôm na dễ hiểu. “Thượng Sư”, giống cái bọn đầu trọc trốn cày ruộng sưu dịch, núp vào chùa quá!

Chương 15

Suốt thượng tuần tháng chạp, sức khỏe ông giáo suy giảm. Khí hậu mùa đông ở thung lũng cay nghiệt với người có tuổi. Sương buổi sáng tan chậm, và quá trưa một chút gió lạnh buốt từ rừng búa về mang theo hơi ẩm của bao tầng lá chết mục. Giấc ngủ ông chập chờn, nên mỗi sáng, thay vì được sáng khoái chờ đón một ngày mới, đầu óc ông cứ ngầy ngật, bần thần. Hễ gió chiều bắt đầu lay động mái nhà thì hai bả vai ông mỗi rần, hơi thở khó khăn. Trạng thái choáng váng, bồi hồi thật giống như

một người đang mải mê leo núi, bất chợt quay lại thấy mình đang ở một nhóm đá chênh vênh ngay bên bờ vực sâu.

Tuy thông hiểu y lý, ông giáo không hiểu mình mắc chứng bệnh gì. Những dấu hiệu của tuổi già ư? Vâng, ở cái tuổi 53, ít người giữ được sự cường tráng và lạc quan. Nhưng mắt ông còn tinh tường, mỗi lần bóp nhẹ lên má, lên ngực và cánh tay, ông thấy bắp thịt chưa nhẽo. Ông chưa thuộc vào hạng lão nhược sớm đến thế. Vậy mà đột nhiên ông cảm thấy mệt mỏi, nỗi buồn chán vu vơ cứ lảng vảng bên trí. Ông không muốn đi đâu cả, suốt ngày hết nằm đã dụi lại đến ngồi bên bàn, chén nước để lạnh, vầng trà in một vết ngấn trong lòng chén.

Có lẽ ông cả (từ đêm hôm ấy, ông giáo chiều theo ý Nhạc, đã thôi không gọi “ông biện” như trước) thông cảm sự

đau ốm do thời tiết của ông giáo, nên dù trại rất nhiều công việc, ông cả để yên cho ông giáo nghỉ ngơi. Mọi việc, kể cả những vấn đề phức tạp trước đây cần có ý kiến của ông giáo, đều do ông cả tự lo lấy hết.

Thỉnh thoảng ông cả có xuống thăm ông giáo, lần nào cũng hỏi han ân cần, chú ý lo lắng đến từng thiếu thốn nhỏ nhặt, như cái khăn lau mặt đã sờn rách cần phải thay, cái gối quá thấp chưa đủ đỡ vai người yếu... Dường như không muốn quấy rầy người bệnh bằng các chuyện phức tạp, ông cả tuyệt nhiên không đả động gì đến chuyện trại nữa. Ông giáo vừa mừng vừa thắc mắc, và cũng như những lần không tìm ra được duyên do tâm trạng choáng váng, ông buông xuôi, không gắng sức tìm hiểu.

Một hôm Huệ vâng lệnh anh mang xuống biếu ông giáo một hộp nhân sâm. Nghe con gái báo là có Huệ đến, tự nhiên ông giáo cảm thấy tâm hồn nhẹ nhàng hơn. Ông ngồi bật dậy, gần như rộn rã vì kỷ niệm những đêm canh lúa dưới An Thái, những buổi thầy trò một già một trẻ cùng quên tuổi tác cách biệt, bàn luận sôi nổi về đủ vấn đề, xét lại tận cội rễ những giá trị tưởng như vững chắc hiển nhiên, để rồi cuối cùng vẫn quanh quẩn trong hoài nghi. Ông thích được nhìn đôi mắt tự tin nhờ vẻ giấu cợt, mảng tóc hơi quăn phủ ở góc trán, thích nghe giọng nói ấm và sang sảng rành rọt từng tiếng của Huệ. Sự sôi nổi của Huệ khiến ông giáo quên hết cảm giác bệnh hoạn bấy lâu, và từ lúc nào không biết, ông ngồi xếp bằng ngay ngắn đỉnh đạc trên phản giữa luồng gió rừng với một manh áo mỏng trên người, chăm chú nghe Huệ mới:

– ... Còn chuyện này nữa, con không biết phải nói thế nào cho anh con hiểu. Lão thầy cúng bẻm mép đó huyền thuyên đủ điều nhưng điều căn bản phải định rõ trước tiên là: ta muốn gì? Muốn làm một bọn cướp núi cỡ như bọn Lương sơn bạc bên Tàu à? Hay muốn làm một đám cướp lớn hơn, lâu la kẻ hàng vạn người, đi đến đâu chân dẫm không chừa một ngọn cỏ? Dùng phù phép để lôi cuốn người Thượng, tạm cho là được đi. Dùng sấm để dụ hoặc kẻ ngu, cũng được. Rồi sau đó ta làm gì nữa? Tất cả chúng ta phải học làm thầy cúng để tiếp tục lừa dối thiên hạ hay sao? Đấy, theo ý con thì khi nào chưa hiểu ta muốn gì, thì cứ lúng ta lúng túng, lúc làm cái này, lúc lại làm ngược lại.

Muốn làm một bọn cướp lớn à? Cướp của ai? Bao nhiêu năm thầy sống dưới

Tuy Viễn, thầy ước tính xem có được bao nhiêu nhà giàu để ta cất công khổ nhọc từ đây xuống dưới đó cướp của? Số của cướp được đủ nuôi ba nghìn người chúng ta được bao nhiêu ngày? Vét hết túi bọn nhà giàu rồi, thì làm gì đối với dân nhà nghèo? Lột những cái khố rách của họ à? Cướp mấy cái nồi đất không đánh một hột cơm của họ à? Rồi đâu phải mình rảnh tay để lột áo thiên hạ! Quân phủ còn đó. Bọn cai tổng, xã trưởng, bọn thu thuế còn đó. Giáo mác, voi ngựa của chúng chờ ta bên kia đèo. Biết bao người khổ sở, bỏ xứ kiếm ăn, xiêu tán lên tận đây, vì ai? Vì giáo mác, voi ngựa, quan quân chúng nó! Giả sử mình đủ sức dẹp được chúng nó, thu hết voi ngựa, giáo mác, chuyện này con nghĩ không phải khó nhưng cũng không phải dễ, giả sử mình đánh bại quân triều, đuổi hết được lũ chức sắc đi, lúc đó mình làm gì nữa?

Lại dùng giáo mác đó dí vào lưng vào cổ dân đen để bắt nộp thuế à? Lại dùng voi ngựa đó để xênh xang cho sang trọng à? Bây giờ, thiên hạ sẽ nghĩ: ờ, tưởng có gì lạ, hóa ra chỉ thay người đóng tuồng mà thôi. Cũng bấy nhiêu mặt mũi, râu ria, áo mũ ấy thôi. Đó, con nghĩ lung tung như vậy, nhưng làm sao nói được với anh con bao nhiêu chuyện đó như con nói với thầy. Nhiều bữa chỉ có hai anh em, con muốn nói lắm, nhưng cuối cùng không nói được. Có lẽ so với anh cả, con nhỏ tuổi hơn nhiều. Nhưng thầy còn lớn hơn anh con trên một giáp, tại sao con nói được!

Sự phẫn khích hiếm có của Huệ như một đợt sóng, cuốn đi tất cả những giả dối, e ngại, khách sáo thường bập bênh trên mặt cách xử thế, để dưới ánh sáng của trí tuệ, chỉ còn lại lòng chân thành

trong suốt, ai ai cũng có thể nhìn đến tận đáy lòng của nhau.

Ông giáo hết sức thú vị vì tìm lại được hình dáng đứa học trò cũ, tuy lần này, Huệ đặt ra cho ông một vấn nạn phức tạp nan giải hơn trước. Không dễ gì mà giải đáp ngay cho Huệ! Ông phải tìm kế hoãn binh vậy! Nước phèn mau chóng làm ôi màu trà, từ chất vàng tươi ngả sang đỏ úa. Lốp váng nổi lên mặt tách trà làm rỉ những tách sứ trắng, quà tặng của ông cả. Ông giáo định quay xuống bếp gọi An thay bình nước. Nhưng thấy vẻ bên lên của Huệ, nhìn theo mắt cậu học trò yêu, ông thấy từ thật lâu, An vẫn lấp ló ở cửa thông để nghe lén câu chuyện. Huệ bối rối, vì bấy giờ mới thấy hết nhiệt tình thái quá của mình, hơn thế nữa, anh nhận ra rằng không phải chỉ có một mình ông giáo lắng nghe anh nói. Huệ

mất cả tự nhiên, ngồi ngay lưng trên ghế trước cái phản con, loay hoay chưa biết phải làm gì nữa trong chờ đợi. Ông giáo vẫn trầm ngâm chưa nói gì. Một lúc sau ông bảo Huệ:

– Anh nói nhiều điều hợp lý. Phá hư một cái gì đó nho nhỏ dễ vỡ như cái chén mỏng này chẳng hạn, tuy không khó bao nhiêu nhưng cũng phải nhọc chú. Dễ nhất cũng phải đưa tay gạt nó xuống đất. Giận dữ nổi lên, có người dám dùng hết sức xáng mạnh nó vào tường. Người khác sợ những mảnh vỡ nguy hiểm, lại phải mất công quét dọn, đưa chổi xuống tận gầm giường để thu quén từng mảnh li ti. Bấy giờ người lỡ giận đập vỡ cái chén, nếu hẵn còn lương tâm, phải thấy mình lỗ bịch, và hối hận chú. Hẵn phải nghĩ thầm: Giá mình chỉ thả nhẹ cái chén cho nó vỡ từng mảnh

lớn, hoặc tốt hơn hết là đừng đập nó đi, thì khỏi phải làm buồn phiền vợ con, giá giữ được bình tĩnh có hay hơn không? Anh nói đúng, phá thì dễ, nhưng những việc cần làm sau khi phá xong đấy mới là cái khó. Đập vỡ xong cái chén, còn bao nhiêu chuyện phải làm nữa! Vợ chồng kình cãi nhau, phải tìm cách làm lành thế nào đây. Con cái thấy cha giận dữ, nem nép lo âu hoặc xa lánh đi chơi chỗ khác, làm thế nào cho chúng bớt sợ, trở lại quanh quẩn quyến luyến bên mình như trước. Giải thích thế nào với láng giềng về những tiếng quát tháo, đổ vỡ bất thường. Đấy, tôi lấy một ví dụ nhỏ thế, để anh hiểu tôi đồng ý với anh. Anh nói đúng. Phá dễ thôi, làm gì sau khi phá mới khó. Nhưng anh Huệ này, anh có thấy là việc trước và việc sau không phải chỉ là nguyên do và kết quả diễn tiến tuần tự rành rẽ, mà chúng còn có ảnh hưởng

qua lại với nhau không? Giống như trò ném thia lia. Mảnh sành ta ném chéo cho lướt nhiều lần trên mặt nước tạo ra vô số phản ba, và những phản ba ấy lại va đập vào nhau, đôi lúc gây những đợt sóng lớn đủ làm chùn sức lướt của mảnh sành kế tiếp. Anh và tôi không bàn đến trường hợp những kẻ cuồng sát, những tên cướp của hung bạo, cái nào bọn họ không lớn hơn hạt đậu. Ta bàn chuyện của những kẻ có hiểu biết, có trách nhiệm, cân nhắc lợi hại trước khi ném chết một con chuột hôi. Cho nên lòng vòng xa xôi rồi cũng phải đến điều mấu chốt này: Tuy dự định ta sẽ làm gì sau khi phá, mà ta chọn một cách phá thích hợp. Nếu chưa biết làm gì cả, thì đừng phá còn hơn. Nếu e làm rách lòng vợ con, thì rán chịu nhịn đừng gặt cái chén xuống đất.

Huệ nóng nảy nói:

– Nhịn nhục làm sao được hử thầy! Nếu chịu quì, thì con và thầy đâu gặp nhau ở đây. Mấy nghìn con người kéo nhau làm gì lên cái đất khỉ ho cò gáy này.

Ông giáo đoán trước được phản ứng của Huệ, nên cười nhỏ một tiếng, bảo:

– Đấy. Không nhịn được nên phải cưỡng chống lại, tìm cách phá đổ, loại bỏ mối đe dọa nguy hiểm đi. Phá đi xong, ta dựng lại cái mới. Và chính ở điểm nòng cốt này này, tùy cái mới ta định dựng lên thế nào mà cách ta phá biến đổi. Cái nhà ta đang ở dột nát ẩm thấp quá, ngột ngạt khó thở quá, không chịu được nữa. Kẻ thất phu ngu muội có thể trong một phút bốc đồng nào đó, cho nó một mối lửa. Còn chúng ta, chúng ta phải tính kỹ trước khi hành động. Nhà dột thật đấy,

nhưng nếu rui mè còn tốt thì ta chỉ việc thay tranh thôi. Cả rui mè cũng mục nát cả thì liệu có nên bứng luôn mấy cây cột gỗ lim đi không? Cột kèo cũng bị mối mọt đục ruỗng đi ư? Thì phải coi lại thử cái nền có cần đào lên không? Trong khi dỡ mái xuống, đào cột lên, xáo cái nền nện lại cho vững, mấy cụ già hay se mình như hạng tôi, với mấy đứa nhỏ hay ẩm đầu đi tướt nường tạm ở đâu? Cho đến bao giờ? Bếp che ở chỗ nào? Chiếu ngủ trải chỗ nào? Đấy, phải chú trọng đến nhu cầu liên tục của đời sống.

Huệ đảm chiêu nghĩ ngợi. Rõ ràng ông giáo đã đẩy anh vào một đám mù sương. Sau một lúc im lặng, Huệ hỏi:

– Theo ý thầy, cái nhà ta đang ở đã bị ruỗng nát đến đâu rồi. Chỉ dột sơ sơ, hay đã mục đến chân cột?

Nếu phải trả lời ông cả, thì nhất định ông giáo dè dặt. Với Huệ, ông giáo không dè dặt chút nào. Ông nói thẳng ý mình:

– Tôi cho rằng bọn bè đảng Trương Tấn Cối ở Phú Xuân chỉ mới đục khoét hư hại đến rui mè. Sự nghiệp gầy dựng qua tám đời chúa suốt mấy trăm năm như tám cây cột vững, dễ gì mục ruỗng được. Chúa Trịnh Đàng Ngoài lắm le bao nhiêu lần có xô ngã được đâu. Chẳng những thế, đất đai ngày một mở rộng, mênh mang liền một dải từ Thuận Hóa vào đến Gia Định. Đất rộng, người đã đông, từ đời Võ Vương đã xác lập vương hiệu, lập triều đình riêng, chế mũ áo phong tục riêng. Tạm thời bọn loạn thần xáo động triều đình, nhân dân ta thán, nhưng tám cây cột đã cắm chặt vào cái nền đất phì nhiêu giàu có trên hai trăm năm nay rồi. Biết bao nhiêu công lao đó, người người

đều mang ơn. Đạo Nho giúp cho trung hiếu được phổ biến đến hang cùng ngõ hẻm, thêm Chúa càng thêm vững.

Huệ nói:

– Anh con không nghĩ như thầy.

Ông giáo nói:

– Tôi biết. Còn ý anh thế nào?

Huệ hơi lúng túng, nhưng trấn tĩnh được ngay. Anh đáp:

– Con nghĩ khác. Anh con nghĩ đơn giản quá. Con thì có lẽ chưa thông hiểu kinh truyện, nên con... con nói điều này sợ thầy giận...

– Được, được. Anh cứ nói hết đi.

– Vâng, thầy thứ lỗi, nếu con chưa hiểu hết kinh truyện. Con nghĩ cả tám

cây cột sở dĩ vững cho đến nay là nhờ cái nền nho ở dưới. Nào là “thiên mệnh”, nào là “quân xử thần tử, thần bất tử bất trung”, nào là “dân chi phụ mẫu”. Người dân dốt nát không đọc được kinh truyện, lại là kinh truyện khó hiểu từ bên Tàu đem sang, nên suốt bao đời nay nem nếp lo sợ. Đến một lúc nào đó, tình thế đẩy họ vào đường cùng, họ không sợ hãi nữa mà hóa liều, thì tám cây cột kia sẽ thế nào? Người còn có một mái nhà để về, thì còn bản khoán, suy tính xem nên dời mái hay nên thay kèo. Nhưng đối với hạng cố cùng, xiêu giạt nay đầu đường, mai xó chợ, bữa no lo bữa đói, chết còn sướng hơn sống, thì những điều từ nãy đến giờ con với thầy nói với nhau phỏng có ích gì! Hỏi họ, họ sẽ đồng thanh đòi phá hết và làm lại hết.

Ông giáo lo lắng hỏi:

– Đã đến tình cảnh ấy rồi sao?

Huê đáp:

– Con mong là chưa đến nỗi như vậy. Xua đuổi tất cả mọi người ra khỏi nhà, nhập bọn vào đám dân xiêu giạt, đâu phải là chuyện dễ làm. Nhưng mãi nói chuyện, con quên mất lời dặn của anh cả. Thừa thầy, anh cả con kính nhờ thầy soạn cho một bài hịch.

Ông giáo giật nảy người:

– Bài hịch? Để làm gì?

– Các dự định của anh con, chắc thầy đã biết rồi. Thầy nhớ đêm hôm ấy, đêm anh cả sai con đi đóng tất cả cửa lớn cửa nhỏ để bàn chuyện với thầy...

– Nhưng hịch nói những gì, viết thế nào?

– Anh con dặn chỉ cần ngăn ngăn thôi. Con nghĩ... con nghĩ ta nên viết bằng chữ Nôm. Đa số dân chúng không được đi học chữ Hán, họ không hiểu!

✱

An bẽn lẽn đứng chờ Huệ ra về để khép cổng lại. Tấm cửa đan bằng cây rừng tua tủa những gai khép hẹp, chứa không đủ một người lách qua. An lại vô ý nắm chặt lấy cánh cổng, nên thay vì tiễn khách, cô lại vô tình lưu khách. Huệ không hiểu An muốn mình về hay ở, tần ngần chưa muốn hỏi. Mấy cái lá đại tội nghiệp ở hàng rào chắc ngỡ ngàng không hiểu vì đâu cô chủ nhà không nói năng gì, cũng không dám cười, mấy ngón tay ẩm mềm cứ bút hết lá này đến lá khác thả vung vãi xuống lối đi. An nói nhỏ:

– Trời hôm nay lạnh dữ.

Huệ nói:

– Ồ, lạnh. Gió lớn quá.

– Không khéo lại bão.

– An tưởng thế? Chưa đâu.

Huệ trở những đám núi vây quanh,
bảo An:

– Sắc núi còn thắm lắm. khi nào rừng
bắt đầu thay lá...

An không nghe Huệ nói, băng quơ
như tự nhủ mình:

– Em sợ bão.

Huệ cười nhỏ, nhìn mái tóc cuốn
gọn để lộ khuôn mặt trái xoan thanh tú,
hai cái tai nhỏ và chiếc cổ trắng của An,
cổ lấy can đảm nói:

– Khi nào gió mạnh đến nổi thổi tung được mái tóc An, may ra mới có dấu bão lớn. Lúc đó, lúc đó... đáng tiếc lắm...

An không hiểu, ngừng đầu lên hỏi:

– Sao vậy anh?

Đôi má cô ửng hồng, vài sợi tóc mai bay vương vãi. Huệ không dám nói hết ý mình, tìm cách tránh đi.

– Vì khối nhà chòi sẽ bị đổ.

An biết Huệ nói dối, nhưng không thể tìm hiểu ý thật. Cô chỉ lơ mờ đoán Huệ nói bóng gió điều gì liên quan đến khuôn mặt mình, vì nhiều lần Huệ chăm chăm nhìn vào mắt cô. Bất giác An đưa tay lên quệt má. Huệ cười nói:

– Không có đâu!

An sượng sùng nói:

– Em tưởng... Nhà bếp em thấp quá, rờ đâu cũng bồ hóng với nhọ nôi.

– Thì nâng cao mái lên.

– Gió thốc vào làm sao nhóm lửa. Chịu thôi! Đàn ông các anh... Lãng với anh Chinh cũng bảo thế... Quên mất chuyện gió.

– Ai bảo để trống. Tìn phen che kín lại chứ!

An phụng phịu:

– Anh Lợi hứa sẽ mang lại, nhưng cứ quên mãi. Hôm trước em nhắc...

Huệ hỏi nhanh:

– Anh ta thường đến đây không?

Không hiểu sao An nói dối:

– Ít khi lắm. chỉ có một lần đến báo

tin buồn. Tội nghiệp, anh ấy trở thành
mồ côi!

Huê bắt bẻ:

– An nói ít sao lúc nãy bảo Lợi nó
quên mất. Lại bảo An nhắc anh ta nhiều
lần.

An luống cuống, mặt đỏ hồng:

– Em nhờ Lãng nhắc anh ấy. Anh ưa
bắt bẻ người khác lắm. Cha em tính độc
đoán, không hiểu sao lúc nãy cha tranh
lộn với anh hăng hái thế. Chưa bao giờ
em thấy cha hăng say và linh hoạt như
sáng nay. Tại sao thế?

– Làm sao tôi trả lời được.

– Cả anh nữa.

– Tôi thế nào?

– Em tức cười. Cảnh tượng một già một trẻ tranh luận sôi nổi với nhau như hai người bạn tâm tình, em thấy lạ lắm. Với em, hoặc ngay cả với anh Chinh, thằng Lãng, không bao giờ cha nói những chuyện như vậy cả.

Huệ tò mò hỏi:

– An nghe từ đâu?

– Vâng. Anh và cha nói lớn tiếng, em...

– Biết thế tôi đã không nói.

– Em không đáng nghe ư?

– Không phải đâu. Nhưng những điều đó, mỗi người giữ riêng cho mình. Phải chờ một lúc nào đó, với ai đó, gần như gặp cái bóng của mình, ta mới nói một hơi cho thỏa.

An nhận xét:

– Em thấy chưa ai thỏa cả! Nhất là cha em. Còn anh thì...

Huệ hấp tấp hỏi:

– Tôi thì thế nào?

An cười che giấu sự lúng túng:

– Anh thì... anh thì... em biết nói thế nào bây giờ. Em cảm thấy, nhưng không biết nói sao cho đúng.

– Thì cứ nói điều cảm thấy đi!

– Vu vơ, mơ hồ lắm. Chịu thôi!

– An khéo giấu lắm.

– Em nói thật. Em không có tài ăn nói rành rọt, có đủ đầu đuôi như anh. Nhiều hôm cha em bực, gắt lên: “Ăn nói chẳng ra đầu vào đầu cả!” Nói chuyện với

em, chỉ rước cái bọc vào thân mà thôi!

✱

Nhạc hí hoáy mở nút dải buộc ống giấy không được, nên lấy con dao tằm trâu cắt đi. Ông đưa tờ giấy gần sát đèn, ngửa người ra phía sau, lẩm nhẩm đọc. Huệ hồi hộp theo dõi nét mặt anh, thâm tâm mong mỗi anh vừa ý với nội dung tờ hịch. Ông cả đọc chậm, vì phải suy nghĩ nhận cho ra mặt các chữ khó nên mày ông nhíu lại, ra dấu bảo Huệ lại gần. Ông nói:

– Cái gì thế này? Chú đọc tôi nghe đoạn này coi!

Huệ cầm tờ hịch đọc đoạn ông cả chỉ:

Giận quốc phó ra lòng bội thượng,
nên Tây Sơn xướng nghĩa cần vương.

Trước là ngăn cột đá giữa dòng, kéo
đảng nghịch đặt mưu ngấp nghé.

Sau là tưới mưa dầm khi hạn, kéo
cùng dân sa chốn lầy than.

Ví lòng trời còn nếp Phú Xuân, ắt
dấu cũ lại cơ đồ Hữu Hạ...(1)

Ông cả phát tay bảo em dừng lại, lấy
giọng nghiêm khắc hỏi:

– Chú nói thế nào mà ông ấy viết
vậy?

Huê lo ngại hỏi Nhạc:

– Có gì lạ đâu, anh?

Nhạc nổi bực, gắt với em:

– Viết thế mà chú bảo là không có gì à? Chú đọc kỹ lại đi. Chỗ “Giận quốc phó”.

Huệ đọc:

– Giận quốc phó ra lòng bội thượng, nên Tây Sơn xương nghĩa cần vương.

Nhạc bảo ngưng, rồi nói:

– “Giận quốc phó”. Được. Tên tham lam bất nghĩa đó ai mà không giận. Nhưng “ra lòng bội thượng” là thế nào? Phải cẩn thận cân nhắc từng chữ. Tờ hịch này truyền đi, nhất định tội đồ gàn, tội ký lục bẻm mép sẽ chẻ sợi tóc ra làm tư, bàn hươu tán vượn đủ điều. Không phải là chuyện đùa giỡn đâu. Chú coi, tại sao lại bảo tên quốc phó “ra lòng bội thượng”? Mình có dây dưa tình nghĩa gì với hắn? Sao lại giận hắn tráo trở không

vâng mệnh. Lại còn viết: Nền Tây Sơn xướng nghĩa cần vương. Chú học chữ nghĩa thầy mấy năm, hiểu rõ bụng dạ người ta. Chú giải nghĩa đi. “xướng nghĩa cần vương” là thế nào?

Huệ đáp:

– Ý thầy giáo bảo ta khởi nghĩa diệt tên quốc phó để tôn phù bảo vệ ngôi vua.

Nhạc xướng giọng hỏi:

– Vua nào nữa?

Huệ đã hiểu rõ mối bất hòa trong quan điểm giữa thầy và anh, nhưng đã từng mong mỗi: với thời gian, thế nào hai người thân kính sẽ tìm được những điểm chung. Không ngờ sự mâu thuẫn gay gắt phát lộ sớm như vậy. Huệ đành nói:

– Thầy giáo vẫn nghĩ ta phải phò hoàng tôn thì mới chính được danh. Cho nên mới dùng chữ “bội thượng, cần vương”, ở câu dưới lại dùng chữ “nếp Phú xuân, dấu cũ, cơ đồ Hữu Hạ”.

Giọng Nhạc trở nên giận dữ:

– Hóa ra cả đêm ấy, lão không nghe lọt tai ý ta. “Nếp Phú Xuân, dấu cũ”. Có đáng gì cái bọn vua chúa ươn hèn ngoài đó mà “nếp” với “dấu”. Lòng Trời nào dung bọn đàn bà không ra đàn bà, đàn ông không ra đàn ông đó. Chị Dương! Trời đất! Chú đem quăng trả lại cho lão!

Huệ thấy mình ở vào một thế khó xử. Vắn nhanh trí, anh tìm ngay được lối thoát:

– Em thấy chúng ta chưa cần đến bài hịch. Nếu theo dự định ban đầu, giống

trống gióng cờ rầm rộ xuống núi thì cần hịch thật đấy. Nhưng anh đã thay đổi ý kiến, không phát quân ào ạt nữa. Chưa cần bài hịch đâu. Anh cứ giữ đó, biết đâu sau này có lúc dùng đến.

Nhạc không vui, biết Huệ né tránh một công việc khó khăn. Tuy vậy, dần dà nguôi bớt giận, ông phải nhận những lời em vừa nói có cái lý của nó. Để giữ thể diện, ông cả bảo:

– Chú sợ thì trả lại tôi. Hôm nào gặp lão, tôi phải hỏi cho ra lẽ.

★

Hôm Nhạc sai em đến nhờ ông giáo thảo bài hịch, ông cả và tên thầy cúng hết sức tương đắc. Cả hai cùng nghĩ phải làm một cuộc xuất quân kinh thiên động địa.

Chiêng trống sẽ vang dội núi rừng. Chim chóc, muông thú sợ hãi trốn ra nghìn dặm. Quân đông như kiến, chảy xuống đèo như thác lũ. Cờ xí rợp trời. Lịch hịch truyền ra, quân dân hò reo tở mở... Trên mình ngựa bạch, chủ tướng mặc áo bào đỏ, mũ giáp trụ đội đầu, hông đeo gươm báu. Lính hộ vệ hai hàng chạy theo chân ngựa, giáo thai bài vác nghiêng đều trên vai...

Quá quen với nghi thức cúng tế, Chỉ vẽ hản lên giấy mẫu cờ, mẫu quần áo lính hầu, lính hộ vệ, lính khiêng trống, buổi lễ xuất quân chủ tướng đứng ở đầu, quân sĩ xếp làm mấy hàng, lúc nào tất cả đều phải quì xuống, lúc nào đồng rập tung hô... Các nghi thức, kiểu mẫu, sơ đồ ấy dĩ nhiên không giống chút nào với nghi thức, kiểu mẫu ở vương phủ. Tất cả đều do tên thầy cúng bịa ra cả, dựa vào kinh

nghiệm các cuộc tế lễ bùa chú cũng có, mà dựa vào y chang trong tuồng hát bộ cũng có. Nhạc chóa mắt trước bấy nhiêu điều phức tạp rõ ràng, thật tình khâm phục sự quảng bác kiến thức của tên thầy cúng, nên sai Huệ đi nhờ viết hịch ngay.

Đêm về nằm một mình ôn lại các dự kiến “kinh thiên động địa”, Nhạc mới dần dần vỡ lẽ. Vài ở đâu may bấy nhiêu cờ xí để che rợp cả trời? Ngoài một số chiêng trước đây bán ế vì các buôn Thượng mất mùa, một số mõ của trai tráng giữ việc canh phòng, một cái trống tịch thu được ở đồn dưới chân đèo, không còn thứ gì khác có thể gióng lên, gõ vào, để tiếng động đủ đuổi chim chóc bay xa vài trăm bước chứ đừng nói có thể lay động cả trăng sao, núi rừng. Lại còn quần áo của quân lính nữa, mỗi hạng mỗi kiểu khác nhau, thậm chí áo đội chiến đấu này

khác áo đội chiến đấu kia, cho dễ việc điều quân.

Ông cả nhận mình xốc nổi, hào khí hạ xuống, lịm theo giấc ngủ. Sáng hôm sau, ông gọi Lợi lên để hỏi tình hình kho gạo, lương thực, gọi Thận hỏi về khi vũ khí, gọi Năm Ngạn hỏi số đinh. Bao nhiêu con số thu lượm được như những gáo nước lạnh dội vào người ông. Huệ gặp anh trong tình trạng đó nên các tỷ lệ của Huệ được ông cả chấp nhận dễ dàng.

Thay vì kéo rốc cả ngàn người rầm rộ xuống đèo, quyết một trận sống mái với quân triều, được ăn cả ngã về không, như ông cả hào hứng dự kiến hôm qua. Huệ đề nghị nên chia từng toán nhỏ, ít thì khoảng 30 người, nhiều nhất là 100 người. Vũ khí nhẹ thôi, cung tên, giáo mác, kể cả dao cắt thịt, nếu các bà nội trợ chịu cho chồng mang đi. Quần áo “nghĩa

quân” (Huệ thấy hai chữ này thích hợp) không cần thống nhất. Ai có gì mặc nấy. Toán người Thượng cứ việc đóng khố. Người nào chịu được sương sớm, mặc độc cái quần đùi vải thâm cũng không sao. Số dân đình trên một nghìn người chia ra làm hai, một nửa ở lại tiếp tục làm rẫy, một nửa sung quân. Ít lâu sau, nửa này thay nhiệm vụ cho nửa kia, nên đời sống khỏi bị xáo trộn, nguồn lương thực không bị hao hụt. Thế là giải quyết được những khó khăn do Lợi, Thận, Năm Ngạn đưa ra!

Bây giờ đến vấn đề chính: đưa các toán nghĩa quân võ trang xuống núi để làm gì? Không phải để chiếm đất, vì có chiếm cũng không giữ được. Cũng không phải để cướp của. Còn ai đủ giàu để đáng cất công đâu! Nhiệm vụ chính của các toán nghĩa quân là đột nhập vào

các làng gần núi, phá nát bộ máy cai trị do bọn thổ hào, chức sắc nắm giữ, để các vùng cận sơn có dân mà không có quan, khu vực kiểm soát của triều đình thu hẹp dần; khu vực các chức sắc bỏ trốn sẽ loang dần ra như dầu loang trong mặt nước, loang dần xuống phía biển, đến một lúc sẽ đến sát bờ thành phủ Qui Nhơn.

Nhạc ngồi im nghe em nói, càng nghe càng thấy kế hoạch của Huệ sát thực tế, hợp lý và hợp tình hơn. Để khởi đầu, ông cả thử lập ba đội nghĩa quân để đánh dò đường. Một đội do chính ông điều khiển. Một đội giao cho Huệ. Đội thứ ba giao cho Tuyết. Mỗi đội gồm khoảng 100 người mạnh khỏe, ít bận bịu gia đình và đã tinh thông võ nghệ. Họ xuống núi vào một sáng tinh sương, và vì thiếu khua chiêng, gióng trống, hịch

truyền, súng lệnh nên chim chóc và trẻ con vẫn được ngủ yên.

✱

Nhạc đích thân tổ chức các đội nghĩa quân tiên phong, phân chia đồng đều các thành phần nòng cốt. Nhưng sự qui tụ, kết nhóm cứ tuân theo qui luật tự nhiên của nó, dựa vào quen biết trong quá khứ, giống nhau về tính tình, liên hệ lâu dài về quyền lợi. Do đó dù Nhạc không muốn, ba đội nghĩa quân cứ mang ba sắc thái khác hẳn nhau.

Bao giờ người cầm đầu cũng muốn chọn những phụ tá đáng tin cẩn, hoặc trong số những bạn đồng hương, hoặc bạn tâm tình có chung một sở thích. Những người phụ tá này lại chọn những

đội viên giống mình, nếu cùng lắm thì ít ra cũng hơi giống mình. Một nghĩa quân nào đó bị phân vào một đội xa lạ ư? Anh ta sẽ tìm mọi cách để trở về đúng chỗ của anh, giữa những người quen thân. Nhẹ thì năn nỉ, khó hơn thì biểu xén mua chuộc, khó nữa thì nhờ đến thế lực cao hơn, thế lực người chỉ huy trực tiếp.

Cuối cùng, mỗi đội có riêng một “cá tính”, một “bản sắc”, bản phóng đại cá tính bản sắc của người cầm đầu. Bản sắc này tự nhiên trở nên một sức mạnh thuyết phục hoặc cái cớ để tự cao tự đại bất thành văn, nhưng mọi người trong tập thể đều mặc nhiên chấp nhận thành qui ước. Thành phần dị biệt hoặc lẻ loi trong tập thể đó, nếu có tài xoay sở hay có thế lực, đã tự tìm cho mình một tập thể thích hợp. Số còn lại quen nhần nhục, thụ động, phải gắng biến đổi để thích nghi.

Tập thể nhờ thế dễ thành đồng nhất, hòa hợp thành một khối, cho nên người cầm đầu dễ bị ảo tưởng rằng mình có tài thu phục và đầy đủ quyền năng.

Đội nghĩa quân do Nhạc chỉ huy, thành phần cốt cán đều là những người buôn nguồn ở Tây Sơn thượng từ trước và những người liên hệ xa gần đến việc buôn bán. Đa số ở vào lứa tuổi chín chắn, có tài thích ứng với biến đổi của hoàn cảnh, nhanh chóng thấy điều lợi hại, xem thường sách vở và những hào quang nặng chất thuyết lý như là lòng nhân nghĩa, lương tâm, phận sự, chí làm trai, kinh bang tế thế... Họ cũng ghét cay ghét đắng những điều phù hoa như lòng thương yêu, sự mơ mộng, nỗi buồn vu vơ, nỗi chán nản trước nhân tình thế thái. Bọn hủ nho và thi sĩ không thể nào len lỏi vào được hàng ngũ họ. Sự nhạy

bén trước thực tế và hiểu biết tường tận đường đi, trạm dịch, bến đò, khí hậu, sản vật ở mọi nơi khắp phủ Qui Nhơn đã khiến cho đội nghĩa quân này mau chóng trở thành nòng cốt của lực lượng, đa số về sau trở thành những nhân vật quan trọng của phong trào khởi nghĩa, làm nên một giai đoạn lịch sử hào hứng tuy phức tạp.

Đội nghĩa quân do Huệ chỉ huy qui tụ những thanh niên trẻ tuổi, phần lớn chưa quá 25. Không phải Huệ có quyền chê các “ông già” trên hai mươi lăm tuổi. Ngược lại, họ chê Huệ chưa xứng đáng chỉ huy họ. Tài năng là kết quả tích lũy những kinh nghiệm của năm tháng. Một cậu thanh niên 21 tuổi đầu, râu măng mới nhú lúa thừa trên mép, dù cậu ta là em ruột ông cả thì đã biết gì! Học lực, kiến thức của cậu ta thế nào? Nghe đâu có đi

học vài năm ở An Thái. Thấy đồ nào thế? Cái lão mặt mày ủ dột vẫn thường leo đèo theo chân ông cả đó mà. Trời ơi, tưởng ai hóa ra cái lão nho hủ ấy! Lão làm được tích sự gì! Thế mà dám mở trường dạy học! Rồi những “ông già” xin chuyển qua đội của Nhạc, hoán chuyển với bọn trai tráng. Những người nòng cốt trong đội Huệ đa số là những thanh niên đêm đêm thường tụ họp nhau luyện võ gần nhà ông giáo, từ lâu giữ nhiệm vụ tuần phòng và trật tự ở Tây Sơn thượng. Họ chưa có nhiều kinh nghiệm đời, chưa phải một mình đối đầu với những thử thách biến trá của đời sống. Họ cũng chưa bị đời sống nhồi xóc đến độ mất hết cả ý chí, thở dài buông tay trước trở lực. Giống như Huệ, họ xem đời như một trò chơi, ở tư thế một đấu thủ giàu tự tin.

Đội của Tuyết vừa thu hút vừa hứng lấy những thành phần phức tạp còn lại. Các hảo hớn lục lâm tìm Tuyết như tìm bạn cũ. Những kẻ thù ghét mái nhà gia đình và những gì lặt lại. Những kẻ ưa cuộc sống náo nhiệt nơi đầu chợ, góc phố. Những kẻ hận đời chờ cơ hội trả oán. Những kẻ say mê bạo lực v.v... Bấy nhiêu kẻ ngang tàng tìm thấy ở Tuyết mẫu người lý tưởng của mình, góp tụ thành một sức mạnh công phá hữu hiệu. Các cuộc bao vây tiêu diệt những cứ điểm quan trọng án ngữ dọc theo Trường Sơn dưới chân đèo đều do đội của Tuyết đảm nhiệm. Và khi phá vỡ tuyến phòng ngự của quân triều, bắt đầu đột nhập vào các làng mạc gần núi, thì những việc làm của đội Tuyết đều mang dấu ấn cá tính của Tuyết.

✱

Chinh được Tuyết khen “xứng mặt anh hùng hảo hớn” từ bữa cùng Tuyết và hai người khác đột kích đồn quân triều dưới chân đèo. Ông cả phân Chinh vào đội của Tuyết. Dĩ nhiên anh không có gì cần khiếu nại!

Ông giáo bức bối hỏi:

– Sao không vào đội của Huệ?

Chinh đáp:

– Ông cả phân đều như vậy, con có xin đổi cũng không được!

Ông giáo đành im lặng, bụng nghĩ ở địa vị Nhạc, phải chia đều các thành phần khác biệt vào từng đội để kiểm chế các vọng động, kiểm soát hoặc nương tựa lẫn nhau. Không thể làm khác được.

Riêng phần ông giáo, ông còn có trách nhiệm tinh thần đối với hành vi con cái. Để mặc cho Chinh tự do tung hoành ở ngoài tầm mắt ông, ông không yên lòng chút nào. Ông hỏi:

- Lãng nó ở đội nào?
- Nó xin vào đội anh Huệ.
- Sao nó xin được mà mày không xin được?

Chinh biết mình nói hớ, vội đáp:

- Nó sức yếu chưa phải đi. Trong danh sách không có tên nó. Nhưng nó nằng nặc đòi đi cho được, nhờ anh Huệ nói giúp với ông cả.

Ông giáo đắn đo một lúc, rồi bảo con:

- Mày lên xin cho nó đi với mày.

Chinh đành trả lời gượng gạo:

– Vâng.

Anh định đứng dậy bước ra đường, không phải để lên gặp ông cả mà muốn đi cho khỏi cái nhà này. Nhưng ông giáo đã gọi giật lại:

– Ngồi đó đã.

Chinh ngồi xuống, không che giấu sự bức dọc của mình. Ông giáo suy nghĩ thật lâu, bần khoản chưa biết bắt đầu như thế nào cho con hiểu lòng ông. Càng nghĩ trí ông càng rối. Giọng ông run vì xúc động:

– Độ này sức khỏe của cha giảm sút. Đêm nào cũng trằn trở không tài nào nhắm mắt được. Trời se lạnh là trong người đã chuyển theo, mỗi nhúc ở bả vai và các khớp xương. Nhiều đêm

không ngủ, cha thắp đèn ngồi chờ sáng. Cha nhìn các con ngủ say, nghĩ đến lúc không còn được ở gần các con nữa. Cha lo, không biết cuộc đời các con rồi sẽ ra sao. Thằng Kiên đã chịu tù tội. Con An ở chỗ hóc núi này, liệu có tìm được tấm chồng cho xứng đáng không, hay lại gặp một thằng du thủ du thực, say rượu về đánh đập vợ con. Lãng nó yếu đuối như vậy, chống chọi làm sao với đời. Rốt lại chỉ có con là mạnh khỏe, xốc vác. Cha xem cách con ngủ, cha biết con vô tâm. Đặt lưng xuống là ngủ. Nhưng con biết không, đứa mà cha lo lắng hơn hết là con.

Ông giáo ngừng lại. Chinh bỡ ngỡ chưa hiểu vì sao từ giọng trách mắng nghiêm khắc, cha đổi qua cách nói tâm tình dịu dàng. Anh thấy lòng lâng lâng, cúi đầu ngoan ngoãn chờ nghe cha dạy.

Ông giáo nói tiếp:

– Chuyện... chuyện của con hôm trước cứ ám ảnh cha mãi. Thà con tỏ ra đau đớn, kêu khóc van xin cha đừng đánh nữa, con yếu đuối như mọi người. Như vậy cha yên lòng hơn. Riêng con thì không. Con nằm yên chịu đau, không van xin, năn nỉ, không khóc lóc. Đã từng này tuổi, cha biết. Con chịu hình phạt mà trong lòng vẫn khẳng khẳng nghĩ rằng mình đúng. Con nhẫn nhục chịu đựng.

Ông giáo lại dừng. Chinh không hiểu hết sự phức tạp trong lời cha, tuy nhiên, anh mơ hồ cảm thấy, một phần nào đó, ông giáo nói đúng tâm trạng mình. Anh không thể tìm ra lời nào để chống chế, hoặc tự biện hộ. Thấy con vẫn ngồi yên, ông giáo nghĩ Chinh đã bắt đầu xúc động, ông tiếp:

– Con đĩnh ninh như vậy! Không đúng đâu, Chinh ạ. Việc con làm không có một chút ý nghĩa nào. Ngược lại, con phải thấy nó vô ích, và ghê tởm. Thời thế này, cha biết các con sẽ phải cầm đến gươm giáo. Ngay sáng mai, có thể con buộc phải chém giết, hoặc vì tự vệ, hoặc vì bổn phận, hoặc vì mệnh lệnh. Dù ở trong trường hợp nào, con hãy ghi nhớ rằng giết người là chuyện bất đắc dĩ, không phải là một lạc thú. Cha muốn Lãng cùng vào một đội với con, để anh em có nhau. Hãy thường xuyên che chở, bảo bọc cho nó. Đừng ham vui mà quên nó. Cha ở trên này luôn luôn lo lắng cho các con. Mẹ cũng không rời mắt các con đâu! Thôi, khuya rồi. Đi ngủ để mai còn đi sớm! Nhớ đắp mền cho Lãng. Nó đã bớt suyễn, nhưng phổi còn yếu lắm!

✱

Từ lâu, để đề phòng cướp bóc, các làng gần núi dọc theo các phủ Quảng Ngãi, Qui Nhơn, Phú Yên phải tự lo tổ chức hệ thống phòng thủ. Làng nào cũng có nhiều lớp rào gai bao quanh, chỉ chứa trống lối đi cho trâu bò và lối cho người. Ở lối vào luôn luôn có người canh gác, nhất là về đêm. Cửa ngõ từng nhà cũng kín đáo, kiên cố. Trên các tàng cây ăn trái, ẩn kín dưới lớp lá dày, là những chòi quan sát từ đó có thể nhận ra bọn cướp tận đàng xa và dùng cung giết kẻ địch. Trai tráng không được phép ngủ nhà, mà phải chia nhau nằm ngay bờ rào phòng thủ. Ban ngày họ ra đồng, lên rẫy, đêm phải thức để canh gác. Muốn sống còn qua buổi nhiễu nhương loạn lạc đây bọn tham quan và kẻ cướp, họ đã phải mở to đôi mắt để nhận diện kẻ thù.

Vì vậy, nếu không có số đông ồ ạt kéo đến vây kín làng giữa ban ngày, chưa chắc đội nghĩa quân của Huệ đã vào lọt mấy hàng rào gai mà không tổn thất. Nhìn cách ăn mặc tùy tiện, gươm giáo chênh choạc, dân làng biết chắc không phải là quân phủ. Nhất định là bọn cướp. Nhưng sao chúng dám giở trò giữa thanh thiên bạch nhật kia? Chúng ỷ đông? Mà đông thật. Có chống lại cũng vô ích thôi, vì hầu hết trai tráng đã ra rẫy cả. Chống lại là rước lấy cái chết và cái cháy trọn vẹn chắc chắn. Đội nghĩa quân của Huệ vào làng bằng cổng chính, giữa những người đàn bà mặt mày nhớn nhác và những đứa trẻ áo quần rách rưới, da cháy nắng, mũi dãi thò lò lem luốc. Các bô lão và những chức sắc khép nép đón họ tận cổng, dẫn họ vào ngôi đình thấp bé cất dưới một gốc gạo già. Theo nghiêm lệnh của Huệ, không ai được chạm đến một cây kim

sợ chỉ của dân. Xin nước cũng phải lễ phép thưa gửi với chủ nhà, uống xong phải cảm ơn. Dân làng nơm nớp chờ đợi tai họa, cho nên khi thấy “quân cướp ngày” hòa nhã lễ phép với mọi người, họ càng sợ hãi hơn. Kinh nghiệm cho họ biết, những kẻ độc ác thường ưa chơi khăm, giấu mũi gươm sau những lời hoa mỹ thân ái và những nụ cười hiền lành, như con mèo đùa bỡn với chú chuột tội nghiệp. Họ chờ. Đã đến lúc đây rồi!

Có lệnh mời tất cả dân chúng tụ họp ở đình làng. Những bà nội trợ giấu vội hũ gạo hầm. Ông già bà cả nấn ná khẩn vái tổ tiên phù trợ. Trẻ con khóc rí rỉ, tay níu lấy gấu áo mẹ. Việc tập họp bị chậm trễ, nhưng những tên cướp ăn mặc ngạo nãn và mặt mày hiền lành không nổi nóng, cứ kiên nhẫn đợi. Cuối cùng rồi sân đình cũng chật những người, tuy không

ai dám ho một tiếng. Vài đứa bé chưa sợ hãi đủ, nổi lên khóc ré. Bọn trưởng tuần được dịp lấy lòng những kẻ có thể quyết định sống chết, mạnh bạo bỏ chỗ đứng, ra sân hạnh hộc. Một nghĩa quân quát:

– Đứng yên đấy. Không được đi đâu cả!

Dân làng giật mình nghĩ: “Bắt đầu rồi. Cầu Trời Phật phù hộ cho chúng con, cho chúng con được tai qua nạn khỏi”. Lũ chúc sắc, mặt không còn một giọt máu. lấm lét liếc về phía người cầm đầu trẻ tuổi, sợ hãi cái tuổi trẻ độc ác và nông nổi. Huệ lớn giọng hỏi:

– Bà con có biết chúng tôi là ai không?

Một bô lão, thấy mọi người đều hướng về phía mình trông chờ, biết không thể thoái thác nhiệm vụ được, đành lấy bạo hăng giọng nói:

– Xin quý ông thương cho chúng tôi. Quả tình chúng tôi không dám giấu diếm điều gì. Cả làng xác xơ, của cải không đáng cho các ông phải khó nhọc.

Huệ đưa tay ngăn cụ già đừng nói tiếp:

– Cụ lắm rồi. Chúng tôi không phải là bọn trộm cướp. Anh em chúng tôi thấy cảnh bất công cùng khổ, không thể chịu được, nên tụ họp ở Tây Sơn để khởi nghĩa, trừ kẻ gian diệt kẻ bạo, đem an vui cơm áo cho bà con. Lời nói vụng về không thể đủ ý. Anh em chúng tôi có thảo một tờ hịch, xin tuyên đọc để các cụ cùng bà con hiểu rõ chúng tôi.

Mắm lấy bài hịch ông giáo soạn (bài hịch đã bị ông cả bác bỏ vì bất đồng quan điểm nhưng Huệ cứ giữ lấy, hy vọng chữ nghĩa thâm thúy thế nào cũng

tác động mạnh mẽ hơn những lời nô nã), bắt đầu lớn tiếng đọc. Đám đông im phăng phắc, chú tâm lắng nghe. Họ nghe rõ lắm vì giọng của Mắm rất tốt, từng tiếng rành rọt và ấm. Các cô lão gật gù. Bọn chức sắc liếc nhìn các cô lão, liếc qua Huệ, cũng gật gà gật gù. Số người lớn lam lũ đứng nép bóng gạo chỉ nghe tiếng tim mình đập liên hồi, lời hịch lúc còn lúc mất. Có vài tiếng ho. Tiếp theo vài tiếng huýt nhỏ. Mắm thao thao đọc:

*Giận quốc phó ra lòng bội thượng,
nên Tây Sơn xướng nghĩa cần vương.*

*Trước là ngăn cột đá giữa dòng, kéo
đảng nghịch lăm le ngấp nghé.*

*Sau là tưới mưa dầm khi hạn, kéo
cùng dân sa chốn lăm than.*

*Vì lòng trời còn nể Phú Xuân, ắt dấu
cũ vẫn cơ đồ Hữu Hạ...*

Vài đứa trẻ bắt đầu khóc. Mẹ chúng sợ hãi thì thảo đồ dành. Tiếng lao xao nổi lên đây đó, rồi dần dà trở thành tiếng ồn ào. Mắm cố đọc to hơn cho át tiếng ồn, nhưng sức anh có hạn. Huệ hiểu ngay là không ai hiểu bài hịch nói gì, những kẻ gật gù chẳng qua chỉ vì hèn nhát sợ hãi mà cố biểu lộ sự đồng ý mà thôi. Huệ phất tay bảo Mắm thôi đọc. Văn chương chữ nghĩa uyên thâm, những câu biện ngẫu nghiêm chỉnh thật vô dụng vào lúc này, ở đây. Phải tìm cách khác thôi! Hết sức nhanh trí, Huệ quay lại đám chức sắc hỏi:

– Ai giữ sổ đình?

Một người đàn ông trạc 40, gầy ốm, mặc cái quần cụt màu nâu và cái áo cánh đen đã rách một bên vai, rụt rè tiến tới một bước thưa:

– Dạ, tôi.

Huệ lại hỏi:

– Ai giữ sổ thuế?

Vẫn người đàn ông đó đáp:

– Dạ tôi.

Huệ xằng giọng:

– Về lấy mang ngay ra đây.

Lệnh được thi hành mau chóng. Huệ vẫy Mắm và Lê lại, cùng xem xét mở sổ sách vừa lấy được. Sổ đinh ít ỏi nên quyển sổ đinh mỏng manh. Còn sổ thuế thì dày cộm, chương mục phân minh, nợ cũ nợ mới chồng chất nhưng người biện lại cẩn mẫn vẫn ghi chú đầy đủ, tỉ mỉ.

Huệ lật đến phần ghi thuế hạng đào, đọc lớn:

– Nguyễn Văn Năm, tuổi Sửu.

Không có ai trả lời, Mắm nhắc:

– Ai là Nguyễn Văn Năm.

Tên biện lại quay về phía gốc mít gọi to:

– Nguyễn Văn Năm kìa. Sao bà không thưa.

Một người đàn bà gầy ốm nách bông một đứa nhỏ lên 3 tuổi, cả hai mẹ con đều ăn mặc rách rưới, lên tiếng:

– Dạ ổng đâu còn ở đây!

Tên biện lại gắt:

– Còn ở đây ai dám biên vào hạng đào. Cái bà này. Dạ thưa quý ông, bà này là vợ tên Nguyễn Văn Năm.

Huệ hỏi người đàn bà:

– Ông nhà trốn đi đâu rồi?

Bà Năm sợ hãi, giọng van xin:

– Quí ông thương cho hai mẹ con tôi, bà con cô bác ở đây ai cũng biết nhà tôi không có gì, đến cái nổi cũng không còn. Quí ông tha cho người nghèo, tội nghiệp mẹ con tôi lắm.

Huệ hỏi:

– Sao trước khi bỏ làng trốn đi, chồng bà không nộp thuế. Đây, sổ sách còn ghi rõ đây này. Tiền sai dư 1 quan 5, tiền thượng tân 5 thùng, tiền tết 5 thùng, cộng thêm tiền chi phí nội tâm (lòng thuyền) và bốc gạo 20 đồng [2]

Người đàn bà thật thà nói:

– Dạ đã không có ăn thì làm sao có mấy quan nộp thuế. Chỉ còn nước bỏ làng mà đi thôi. Biết làm sao được.

Huệ không nói gì, lật qua phần ghi thuế hạng cùng, đọc:

– Lê Văn Ớt.

Một bà lão tiến ra thưa:

– Dạ thằng Ớt tôi nó đi lên rẫy chưa về kịp. Quý ông thương tình.

– Sao không chịu nộp thuế?

Người mẹ đáp:

– Nó chỉ có cái quần vá, làm không đủ ăn. Năm ngoái tui ráng nộp cho nó, năm nay mất mùa bắp, chưa biết làm cách nào cho đủ. Ông biện đây đã hiểu tình cảnh nhà tui, xếp hạng cùng còn quá cao.

Huệ không nói gì, lại lật qua phần hạng cố, đọc lớn:

– Nguyễn Văn Sửu.

Một người đàn ông mắt chột, da vàng nghệ, lách khỏi đám đông tiến lên thưa:

– Dạ tôi xin hẹn tháng sau nộp đủ. Tôi có thưa trước với ông biện lại. Chắc ông quên ghi.

Tên biện lại quên sợ, gắt:

– Đã nộp đâu mà ghi.

Tên Sửu cũng không vừa cãi lại:

– Tui chịu nộp tuy nộp trễ, chứ có lì mạng đâu mà ghi tên tui vô sổ.

Cụ già có uy tín được đám đông thăm cử lên nói lời đầu tiên với đội nghĩa quân, bấy giờ mới khoan thai tiến đến trước mặt Huệ, đứng đặc nói:

– Thưa quý ông. Từ nãy đến giờ, tôi

thấy quí ông không phải là hạng tầm thường. Quí ông không động đến một ngọn rau, không phá phách nhà cửa, chém giết bừa bãi như bọn trộm cướp. Quí ông truyền hịch khởi xướng việc lớn. Dân làng chúng tôi lâu nay chỉ lo chăm chút làm ăn, không dám nghĩ đến sự cao cả như quí ông, nên không dám có ý kiến gì. Quí ông người nhiều, của lắm chắc chưa cần đến tiền gạo ít ỏi của cái làng nay. Số tiền thiếu thuế, chúng tôi xin khất tháng sau, chờ mùa bẻ bắp. Ông biện lại đây sẽ lo thu đủ, chờ đến hạn kỳ là nộp ngay, không dám chậm trễ.

Huệ tỏ vẻ không bằng lòng, nhìn quanh hỏi:

– Sao lại nộp chậm? Hay các người khinh chúng tôi không bằng quân triều? Anh Mắm, đem tất cả sổ sách nợ nần ra đây.

Mắm ôm mớ tập giấy bản bề bộn đến đặt trên cái bàn gỗ trước mặt Huệ. Huệ rút cuốn sổ thuế đang cầm trên tay vào đóng giấy tờ ấy, lớn tiếng bảo Lê:

– Thắp cây đuốc đem lại đây.

Mắm e ngại đến bên Huệ, nhắc nhở:

– Không nên nóng nảy, anh Huệ. Cả làng nghèo xơ, có khảo của cũng không được gì đâu. Anh nghĩ lại đi, đốt làng thì có ích gì!

Huệ không trả lời Mắm, nghiêm mặt chờ Lê đem cây đuốc tới. Dân làng thầm nghĩ giờ thọ nạn đã đến, từ ồn ào lao nhao trở nên im bật sợ hãi, mắt dõi theo cây đuốc. Huệ cầm cây đuốc giơ lên cao, nói thật lớn:

– Bà con nghe đây. Bao nhiêu năm bà con đói khát, rách rưới vì phải công

lưng nộp thuế cho triều đình. Nộp không nổi nên phải khất, khất nhiều lần phải trốn làng bỏ đi. Ai nợ bao nhiêu, ai khất bao nhiêu, ghi cả vào trong này, bà con ăn ngủ không yên cũng vì mớ giấy lộn này. Chúng tôi khởi nghĩa trừ gian, dẹp loạn, bênh vực kẻ nghèo khó, bảo vệ kẻ cô thế, làm sao chịu để mặc cho bà con khổ vì mấy cuốn sổ thuế. Không còn nợ ai cả! Bọn quan tham ác sắp chạy về kinh cả rồi. Hãy đốt quách mớ giấy nợ này đi. Bà con bằng lòng không?

Tất cả mọi người không còn tin ở tai mình nữa, kể cả Mắm, người phụ tá thân tín của Huệ. Sau một lúc im lặng ngổ ngàng, đám đông chợt hiểu. Họ ồ lên reo mừng, khi lửa cháy bùng trên đồng sở. Họ cũng cười ồ thích thú khi thấy tên biện lại lính quỳnh muốn chạy đến cứu đồng giấy bản mà không dám,

gương mặt ngớ ngẩn vì sợ hãi.

Thấy đám đông nhìn về phía sau lưng mình chỉ trỏ cười nói, Huệ quay lại; tên biện lại đang thắc thỏm sợ hãi. Huệ nổi giận, quát lên:

– Sợ quân triều đình trở lại bắt tội à? Anh em, dẫn nó về núi cho nó hết sợ. Mau trói nó lại!

✱

Nhạc cho nghĩa quân ém sẵn ở đám rừng thấp từ khuya, nên tờ mờ sáng cả đội đã kéo vào làng. Rút kinh nghiệm các lần trước, ông không muốn số trai tráng có thì giờ trốn thoát, hoặc vắng mặt vì đã lên rẫy.

Đây là một làng giàu có, nhờ hoa lợi của dãy nương rẫy bạt ngàn quanh năm tươi xanh những bắp, đậu phộng, đậu xanh và thuốc lá. Nhưng của cải dồn vào dăm ba nóc nhà giàu, số dân ở chòi tranh quần quật quanh năm, mồ hôi và nước mắt chan cơm mà nợ nần chất chồng. Số dân bỏ làng ra đi lên cao, trong khi mấy tòa nhà lá mái cứ càng ngày càng khang trang, rộng rãi thêm. Chính nhờ gợi ý của một nghĩa quân tóc dài hoa râm người làng này mà Nhạc quyết định cuộc đột nhập hôm ấy.

Nhạc cho tập hợp dân chúng trên sân phơi thóc rộng, để đích thân giảng giải mục tiêu cuộc khởi nghĩa. Ông không nói nhiều. Bằng lối vấn đáp khôn khéo và linh động, ông chứng minh cho mọi người thấy họ làm nhiều mà sống không xứng đáng với công khó nhọc. Ông

đứng ngay giữa sân, và mời dân làng đến đứng quanh ông để nghe cho rõ.

Ban đầu chưa có ai mau mắn đáp lời mời của ông, sau đó là lũ trẻ rần mắt và những mục đàn bà ưa ngồi lê đôi mách mon men đến gần ông cả hơn, làm thành một hàng bán nguyệt xốc xếch, nhem nhuốc. Các nghĩa quân đến mời từng người: lại có thêm những người cả nể và những kẻ nhút nhát. Câu chuyện của ông cả tự nhiên, cụ thể, những điều ông nói đơn giản và như chuyện ở trong tầm tay của mọi người, nên số người bị lôi cuốn vào cuộc đông thêm. Lớp bô lão giữ thể diện đứng ở vòng ngoài cũng vừa tránh hơi đủ xa sự thông tục xô bồ vừa núp vào được bóng râm của hàng dừa. Nhạc trở một đứa con trai khoảng bảy, tám tuổi, mũi dãi thành hai dòng xuống mép, tóc hoe khét nắng, mặc bính cái quần rách

của cha nên lưng quần phải kéo lên quá ngực, và hỏi:

– Cháu tên gì?

Đứa bé sợ lão liên muốn tìm cách trốn. Lũ bạn giữ đứa bé lại. Nó gần muốn kêu “Mẹ ơi!”, nước mắt rơm rớm. Nhạc vỗ về:

– Cháu đừng sợ. Hãy ngoan nào. Làm trai, phải dạn dĩ chứ. Nào, nói cho bác nghe, cháu tên gì?

Đứa bé hơi hãnh diện là “kẻ làm trai”, nhưng lưỡi vẫn lúu chưa nói được. Lũ bạn chung quanh nhao nhao trả lời:

– Nó tên thằng Chó Con. Nó tên Chó Con.

Nhạc đến gần đứa bé hơn, cúi xuống gần tầm cao đứa bé hỏi:

– Cháu đã ăn gì chưa?

Chó Con cảm thấy đói cồn cào. Tối hôm qua, cả nhà nó không có gì để bỏ vào miệng. Mẹ nó hứa sáng nay sẽ đi vay lúa ở nhà chủ điền đến mùa sẽ trừ vào công bẻ bắp. Nó ngủ mà vẫn còn thấy trước mắt cả một nồi cơm đầy, dành riêng một mình nó. Sáng sớm cơn đói thức nó dậy. Nó cũng muốn thức mẹ dậy để mẹ sang vay lúa ở nhà chủ điền. Chưa kịp đưa tay ra lay mẹ, nó đã nghe nhiều tiếng chân người, tiếng nói tiếng hô lộn xộn. Làng bị vây rồi! Tai Chó Con no tiếng động, mắt nó no những cảnh tượng lạ, nó quên cái bao tử lép, cảm giác cồn cào ngầy ngật biến thành sự náo nức hớn hở. Bây giờ thì Chó Con lại thấy đói. Nó thành thực đáp:

– Con đói! Không có gì ăn cả!

Nhạc nhắc lớn câu trả lời của đứa bé, rồi hỏi:

– Thế chiều hôm qua cháu ăn những gì nào? Kể bác nghe đi!

Chó Con nhăn mặt vì đau thốn dưới bụng, đáp nhỏ:

– Cũng không có gì ăn cả.

Nhạc cố khuếch đại sự kinh ngạc, hô hoán:

– Hôm nào cũng đói. Thế cháu còn cha mẹ không?

– Dạ còn.

– Cha mẹ cháu làm gì?

– Dạ làm rẫy.

Nhạc ngừng lên hỏi quanh đám đông:

– Có bà nào là mẹ cháu Chó Con ở đây không?

Một người đàn bà mặt choắt như mặt chuột, tóc tai bù xù, rụt rè nói:

– Dạ, có tôi đây. Cháu nó đại mồm đại miệng, ông tha lỗi cho.

Nhạc vội bảo:

– Không, không có gì đáng trách cả. Tôi chỉ xin hỏi chị: chị được mấy cháu rồi?

– Dạ năm đứa. Nhưng chết hết ba, chỉ còn thằng Chó Con với con Cám thôi.

– Cha mấy cháu cũng làm rẫy chứ?

Người đàn bà nhìn quanh tìm chồng. Nhưng anh chồng nhút nhát giấu mặt ở đâu mất. Thất vọng, chị đành trả lời:

– Dạ.

– Hai vợ chồng đau yếu không đi làm được hay sao mà các cháu phải đói?

Người đàn bà bị chạm tự ái, phản ứng ngay:

– Chúng tôi bỏ đói chúng nó hồi nào! Chúng tôi vất vả quanh năm, được hột lúa hột bắp nào xới cả cho tụi con, chịu đói khát cho nó lớn. Không khi nào mấy đứa con tôi bị đói cả! Chó Con, lại đây!

Nhạc vội can:

– Thôi, chị đừng giận cháu. Tại tôi tò mò mà sinh chuyện đấy thôi. Không phải lỗi của cháu, mà cũng không phải lỗi những người làm cha làm mẹ chúng ta. Chúng ta quần quật nai lưng làm việc từ sáng sớm đến tối mịt, để được gì nào?

Được nhiều lắm chứ! Lúa rẫy, bắp, đậu xanh khắp mọi nơi là do ai? Do chúng ta. Thế mà sao chúng ta vẫn khổ? Lúa bắp đó đi đâu?

Một cụ già nói:

– Năm ngoái bị mất mùa, ông ạ!

Nhạc cười, cảm ơn câu trả lời, rồi nói:

– Nhưng năm nay được mùa. Tôi biết. Lúa bắp mùa vừa qua đi đâu?

Một người nào đó đứng thấp ở hàng sau nói:

– Về kho lắm chủ điền chứ đi đâu!

Một người khác cãi:

– Ô hay. Đất rẫy của người ta thì người ta thu chứ! Họ có ăn trộm của ai đâu?

Nhạc xen vào:

– Phải. Họ có đất. Mình có sức, làm rẫy cho chủ đất lấy công mà sống. Nhưng số lúa bắp chủ đất trả công cho bà con có đủ ăn không?

Nhiều tiếng trả lời:

– Không đủ. Chúng tôi sống đói!

Một người đàn ông nào đó, có giọng the thé như giọng đàn bà, la lớn:

– Nếu khỏi nộp đủ thứ thuế thì có thể đủ.

Nhạc vờ ngạc nhiên:

– Bà con làm việc như trâu mướm mùa cày mà không đủ ăn ư? Sao lại có chuyện vô lý vậy? Bao nhiêu lúa bắp về kho chủ đất cả ư? Về kho thuế cả ư? Bất công lắm. Không thể nhịn được nữa. Vâng mệnh

“Trời và Đức Thầy Cả”, chúng tôi cùng nhau khởi nghĩa để dẹp mọi bất công, đem no ấm cho dân nghèo. Chó Con đâu, cháu sẽ có cơm ăn ngay trưa nay! Các cháu khác cũng đang đói chứ gì? Được. Các chú các bác đến đây để giành cơm cho các cháu.

Rồi hướng về phía các nghĩa quân, Nhạc ra lệnh:

– Anh em, vây chặt các nhà giàu lại. Chủ nhà ở đâu thì đứng yên đó. Không được về. Mỏ hết các hầm lúa, kho bắp của nhà giàu ra, phát hết cho bà con. Nếu thiếu thì lấy luôn thóc thuế. Hãy nhanh lên. Các cháu ở đây đang đói lắm! Phải thế không, Chó Con?

✱

Tối đến, các đội tập trung về một khu rừng không xa chân đèo An Khê, nằm dọc theo con suối chảy xiết qua nhiều đám đá sỏi tròn nhẵn. Trừ một số nhỏ nghĩa quân có trách nhiệm lên trại chính lãnh gạo, mắt về lo bữa tối, đám còn lại kéo nhau ra suối tắm rửa. Tiếng nói chuyện râm ran cả khu rừng.

Bên bếp lửa nhóm gần một gốc cây lớn, hai nghĩa quân đã già ngồi bó gối canh nồi cơm đang sôi, vừa hút thuốc vừa chuyện vãn. Người đang cầm cái que cời bớt than hồng ra khỏi bếp nói với bạn:

– Cơm xong bác đi lấy nước ngay nhé. Nhớ ra chỗ nước chảy. Nước tù tanh lắm, át cả mùi trà.

– Ủa, có cả mùi trà nữa à? Mồi ở đâu ra thế?

– Chuyện! Tôi chứ phải ai đâu! Khéo nói một chút thì gì cũng có.

– Nhưng... nhưng cả buổi tôi đi với bác mà! Xoay sở lúc nào?

– Lúc có ông lão đầu bạc lân la bắt chuyện, chỗ gần cái ao cá đó!

– Ông lão hỏi gì thế?

– Tức cười! Đúng là thằng chột đi hỏi đứa mù. Tôi chẳng biết trả lời sao cho đúng, huyền thiên một hồi. Ông lão mặt đực ra, gật gù, nhưng nghe xong mắt cứ ngơ ngẩn như vừa mất thứ gì. Bác có biết ông lão mất thứ gì không?

– Mất bao trà à?

– Kìa, bác khinh tôi vừa thôi. Tôi đâu phải là thằng ăn cắp vặt. Có thể mà bác không hiểu. Lão mất gì ư? Hà, hà lão mất

thì giờ vô ích. Vì tôi có biết gì đâu mà trả lời.

– Nhưng ông lão hỏi gì?

– Ông ta kéo tôi ra xa, nhìn trước nhìn sau cho chắc rồi mới nói: “Này bác, Đức Thầy Cả là ai thế?” Tôi hỏi: ‘Đức Thầy Cả nào?’ Ông lão kinh ngạc hỏi lại: “Thế có nhiều đức thầy cả à? Ông nào là đức thầy cả cả!” Tôi tưởng ông lão xỏ xiên định sùng sộ, nhưng thấy nét mặt ông ta chờ đợi thành khẩn lắm, tôi kịp dừng lại. Tôi hỏi: “Bác nghe chuyện Đức Thầy Cả ở đâu vậy?” Ông lão bảo nghe cái anh tre trẻ ôm ồm nói : “Vâng mệnh Trời và Đức Thầy Cả”. Trời thì ông lão biết từ lâu rồi. Ai mà chẳng vâng mệnh Trời. Nhưng còn có mệnh lệnh của Đức Thầy Cả nữa. Thế mới rắc rối.

– Rồi bác trả lời thế nào?

– Tôi bảo chỉ biết ông cả, tức là ông biện Vân Đồn. Ông cả có đức lớn, không lớn sao có mấy nghìn người từ bỏ quê theo về với ông. Ông cả có chí lớn, nếu không, ông đã chẳng khó nhọc xuống đồng bằng phá cửa kho thuế chia lúa cho người đói, đem của cải nhà giàu chia cho người nghèo. Ông cả có đức, có chí, nhưng vẫn chưa phải là Đức Thầy Cả. Chưa phải là Đức Thầy Cả, nhưng chẳng khác nào Đức Thầy Cả.

– Chịu bác! Nếu gặp tôi, tôi cũng không thể quanh co khéo léo thế. Tôi chẳng hiểu gì ráo. Tại sao ông cả không chịu nhận quách mình chính là Đức Thầy Cả?

– Ờ nhỉ! Tại sao thế. Nhận là Đức Thầy Cả, có phải tiện hơn không. Ờ chết! Thôi rồi bác ơi! Mãi nói chuyện nôi cơm khô hết rồi. Giở nắp ra cho tôi. Bỏ vài cục

than vào. Cơm với nước! Tối nào chúng nó cũng bỏ mặc cái của nợ này cho hai thằng già chúng ta. Kìa, chúng nó đã về kìa kìa.

Một nhóm khoảng sáu, bảy trai tráng đến gần bếp lửa. Họ vừa đi tắm về, mình mẩy quần áo còn ướt đẫm. Một thanh niên quì xuống gần bếp bấy giờ chỉ còn leo lét vài cái than hồng, cúi sát nhìn cho rõ vật gì đang cầm ở tay. Bạn anh ta giục:

– Xem làm gì! Dem nấu canh với lá giang đi.

Người nghĩa quân già hỏi:

– Gì thế?

– Quí lắm bác. Đoán xem nào?

– Chịu thôi. Ăn được không?

– Dĩ nhiên được. Khởi nướng mắm

khô bác nhé. Ta ăn một bữa sang trọng.
Cá nục đây.

Cả đám xuýt xoa mừng. Lâu ngày
lắm, dễ thường đã hơn hai năm, họ chưa
được ăn cá biển. Một người nói:

– Cá nục ai lại nấu canh. Phải kho
mới ngon.

– Kho phải có đường, hành tỏi, mỡ.
Tìm đâu ra. Mình chỉ có muối.

– Nấu thế nào cũng được. Đói rồi.
Hình như cơm khô thì phải.

– Ờ khô. Nhưng khô còn hơn sống.
Giá mỗi tối về, có sẵn cái ăn khỏi phải
nấu nhỉ!

– Chỉ nói hão! Không nấu, ai hầu hạ
cho. Toán của mình còn có hai bác, đỡ
lắm. Cháu phải đền ơn hai bác cái này
mới được!

- Cái gì thế?
- Điều bình à? Tìm ở đâu thế?
- Suyt. Tôi nhặt được đấy?
- Thật không?
- Thật mà. Lúc dân làng hoảng chạy tán loạn, tôi nhặt được ở đầu làng.
- Cái bình sứ đẹp nhỉ. Không vỡ là may!
- Lại thêm cái ống giả trống này nữa. Của nhà giàu đấy!
- Khỏi tiền nhé!
- Đã hẳn! Không đắt giá, người ta mang theo làm gì.
- Người nghĩa quân già lo âu:
- Chúng ta giữ của này không tiện.

Đi đâu cũng khệ nệ mang theo coi sao được. Không cần thận lại võ. Người ta còn nghi mình đi hôi của nữa. Phải nộp lên trên thôi.

– Tiếc nhỉ. Mà cũng bất tiện nhỉ!

Cả toán bắn khoả quên đói. Người trẻ nhất đảm bảo:

– Thôi để mai hãy tính. Ta hút thử xem nào!

Câu chuyện lại trở nên rôm rả, và họ trải qua một bữa tối sang trọng có đầy đủ cơm nóng, cá biển, thuốc và trà ngon.

*

Toán nghỉ đêm dưới mấy tầng đá lớn bên suối thức khuya rì rầm nói chuyện mãi. Tiếng nói của họ đáng lẽ rõ mồn

một trong đêm tối, nhưng tiếng suối chảy và tiếng lá rừng mình theo gió át mất, mỗi người phải cố nói chậm và cao hơn, người nằm cạnh mới nghe. Giọng một người đàn ông khao khao:

– Ngày mai tôi lãnh phần canh gác nhé! Chia lúa khổ quá!

– Sao thế?

– Gớm. Ngứa quá. Không biết có sâu hoặc dòi bọ chỗ này không. Mai cho tôi giữ phần ngoài, nhớ nhé. Tôi chịu, không ở vòng trong nổi nữa.

– Tao thương mày mới phân việc nhẹ đấy. Đứa nào khác, đừng hòng.

– Tôi biết. Nhưng anh tính, họ không nhận thì làm thế nào?

– Ai không nhận?

– Còn ai vào đấy! Những người nghèo. Họ vội vàng xách thúng chạy đến kho. Nhưng sau đó, họ lảng xa ra, gọi mãi mới chia được vài người. Tức không chịu được.

– Vô lý. Họ nghèo xác. Chia được cái ăn còn làm bộ làm tịch. Hay mày lớn lối với họ?

– Không. Tại họ sợ!

– Sợ cái gì?

– Họ sợ khi mình rút đi rồi, quân phủ đến, bắt tội họ. Ăn cướp thóc thuế, không 100 roi cũng ở tù đến một gông. Có người đã nhận xong, không biết nghe ai dọa, trở lại năn nỉ xin trả vào kho. Tôi giận quá, quát tháo om sòm, họ mới đành bụng thóc ra về. Hồi chiều lúc đi tắm, tôi nghe nói đội khác cũng gặp chuyện oái ăm như vậy.

– Rầy rà nhỉ. Chắc có đứa dọa già dọa non gì đây. Hay lại chính bọn nhà giàu?

– Không rõ. Ai mà chẳng tiếc của. Mình đi rồi chúng nó lại huênh hoang, hống hách như cũ.

– Phải trị vài đứa dần mặt xem sao!

– Tôi cũng nghĩ thế. Nhưng lệnh cấm gây đổ máu. Chuyện ở đội ông Tuyết, anh biết chứ?

– Lại chuyện gì nữa?

– Thế anh chưa biết gì à?

– Đội đó từ khi xuống núi gây lắm chuyện quá, không biết chuyện cũ hay chuyện mới? Vụ đốt rụi cả nhà lão chánh tổng chứ gì?

– Không phải. Chuyện mới xảy ra

hồi sáng. Oán thù đến mức đó thì ghê thật!

– Mày kể quách cho tao nghe để còn ngủ lấy sức. Quanh co mãi. Oán thù thế nào?

– Thì tôi sắp kể đây. Thế này nhé. Một bác nông dân gặp lúc mấy mùa đến nhà chủ điền vay lúa. Lão nhà giàu đã không cho vay, còn thả chó ra cắn. Giận quá, bác...

– Tưởng chuyện gì. Chuyện ông Năm Ngãng chứ gì!

– Không phải. Để tôi nói hết đã. Bác giận quá, vạch quần đái ngay trước nhà chủ điền. Ông nhà giàu cho đẩy tở ra bắt, bác nông dân chạy thoát. Ông nhà giàu rêu rao khắp xóm là nếu chưa cắt được con cu của tên hỗn xược thì chưa

yên lòng nhắm mắt. Bác nông dân sợ, bỏ trốn. Tên chủ điền lén sai đầy tớ đến đốt nhà kẻ thù. Vợ con bác nông dân may thoát được, bỏ làng không biết đi đâu. Người chồng lên Tây Sơn thượng tá túc ở trại ông biện, lấm lì như người ngu độn nhưng thật ra vẫn chờ ngày trả thù. Sáng nay, bác theo về làng cũ. Ông Tuyết giao cho bác ta việc chia của cải tên chủ điền cho dân. Bác nhờ người khác thay, còn mình thì xách dao đi tìm kẻ thù. Tên chủ điền trốn trong một bụi tre, sợ chúng ta giết chớ không phải sợ gặp kẻ thù cũ. Cho nên gặp lại người tá điền lão không nhận ra. Bác ta len nhét giẻ vào miệng lão, trói dẫn vào một cái nhà hoang, xé quần áo lão...

– Chỉ bịa!

– Thật mà. Chính bác ta thú nhận đã nhét nguyên cái của nợ máu me bấy nhầy

đó vào mồm kẻ thù. Bao nhiêu năm bác ta chỉ nghĩ đến việc đó. Thế là bác thỏa nguyện rồi! Phạt, xử thế nào, bác cũng cam nhận tất!

– Rồi ông Tuyết xử thế nào?

– Không biết. Nghe đâu phải báo lên ông cả. Đội bên đó lạ lắm. Ngày nào cũng có một chuyện hấp dẫn để kháo với nhau. Không tin, mai anh qua hỏi họ xem. Họ đóng ngay bên kia suối. Chỗ có mấy bụi mù u.

Chương 16

Lợi và Lãng được phép về Tây Sơn thượng thăm nhà chùa được mấy ngày, thì toán ngựa thồ chở lúa lên Tây Sơn thượng mang theo lời nhắn của ông cả bảo Lợi xuống gấp. Họ cũng mang theo một lá thư ngắn lời lẽ khá trân trọng, mời ông giáo xuống gấp gặp ông cả để bàn một việc rất quan hệ.

Lợi phải bỏ ý định mua mặng le chở xuống đồng bằng đổi mắm và hàng hóa, để ngoài việc góp thêm vào quỹ chung còn kiếm riêng cho mình món tiền nhỏ.

Anh cần tiền hơn lúc nào hết, càng có nhiều tiền, càng tốt. Quà cáp cho các bà, đãi đãi những “nhân vật quan trọng”, và giờ đây lại thêm những món quà cho An. Lệnh của ông cả làm tiêu tan bao nhiêu tính toán, cho nên dù lời nhắc khẩn cấp, Lợi vẫn nấn ná ở thêm một ngày nữa. Cái cơ là ngựa mệ không đủ sức leo đèo.

Cả buổi chiều và buổi tối trước hôm khởi hành, Lợi cứ lân la quanh An. Nhà chật chội, vẻ lảng xảng của Lợi quấy động sự yên tĩnh và trật tự trong gian nhà nhỏ, va chạm thói quen của hai cha con ông giáo. Lợi không tinh ý, cứ tưởng những câu bông đùa hời hợt của mình thật cần thiết, có thể giúp An quên nỗi lo lắng cho cha già và giảm bớt những buồn rầu hoang mang thường có trước các cuộc giã biệt.

Khó chịu vì Lợi nhất, là Lãng. Cậu cứ đợi mãi cơ hội thuận tiện để thừa vớ cha ý định của mình, cái ý định cậu chỉ dè dặt nghĩ ra trước lúc về nhà, nhưng đến Tây Sơn thượng gặp chị và cha xong, cậu càng cương quyết thực hiện cho bằng được. Lãng chờ cả buổi chiều: không có lúc nào Lãng được ngồi nói chuyện riêng với cha! Lúc nào cái anh chàng băng nhắng cũng chen vào chuyện nhà ông giáo như một “người nhà”. Mãi buổi tối, sau khi ăn cơm xong, một nghĩa quân trong đoàn ngựa thồ tìm hỏi Lợi chút việc, anh chàng băng nhắng vội lên trại gặp thủ kho, Lãng mới thở phào nhẹ nhõm. Cậu lấy bạo đứng gần cha, rụt rè mở lời:

– Chắc mai cha đi sớm.

Ông giáo ngược lên nhìn con, bảo:

– Được. Con cứ đi ngủ trước, khỏi lo cho cha. Hơn một năm nay rồi, không tài nào cha nhắm mắt được trước giờ tỵ.

Lãng biết cha hiểu lắm câu nói của mình, lúng túng cái chính:

– Con chưa buồn ngủ. Con định thưa với cha...

Nói đến đây, bao nhiêu can đảm của Lãng bỗng tiêu tan hết, Lãng không dám nói tiếp ý định. Ông giáo chờ mãi chưa thấy con nói gì, ngạc nhiên hỏi:

– Có chuyện gì thế?

Lãng không có lối lùi nữa. Cậu hít một hơi dài, rồi nói thật mau, sợ chính mình đổi ý:

– Con không muốn xuống dưới đó nữa.

Ông giáo vội hỏi:

– Con nói gì vậy?

Lãng nhắc lại, từng tiếng rõ và chậm:

– Con xin cha cho ở lại nhà. Con không muốn xuống núi nữa.

Ông giáo nhìn chăm chăm vào mắt con, tìm ở đó dấu hiệu của yếu đuối, nhát sợ. Hơi thất vọng, ông hỏi:

– Tại sao thế! Chính con tự nguyện xin đi, rồi bây giờ lại xin không đi nữa? Bạn bè con sẽ nghĩ thế nào? Con không sợ bị xem là một đứa hèn nhát hay sao?

Lãng muốn thuật hết cho cha nghe những kinh nghiệm của mình trong hai tháng qua, những suy nghĩ của cậu về bạo lực. Cậu đã rút được một số điều mà cậu cho là chân lý, một số mặt trái

của đời sống mà cậu không thể nào thỏa hiệp được, chỉ còn một lối duy nhất là dứt khoát trở về với gia đình, tránh né những đổ vỡ sắp đến của nếp sống bất đắc dĩ. Nhưng làm sao Lãng có thể giải bày tất cả sự phức tạp mông lung đó cho cha. Lãng âm ừ mãi chưa nói được ra lời. Ông giáo càng cho định kiến của mình là đúng, khuyên lơn con:

– Con hãy nghĩ lại đi. Mấy ngày nay, con xem trên này có còn thanh niên nào không? Trừ đàn bà, con nít và người lớn tuổi, tất cả trai tráng đều tham gia việc quân. Ngay đến công việc nương rẫy vất vả bây giờ cũng giao lại cho các bà mẹ và lũ trẻ mới lớn. Chị con đứng ra điều khiển một toán làm rẫy, da đến cháy nắng như con thấy đấy. Cha đã già rồi cũng kiêm một lúc hai ba việc. Con đòi ở lại ư? Chỗ của con sẽ là chỗ nào? Đám

đàn bà con gái nhìn con ra sao? Cách đây hai tháng, cha không muốn con đi. Con yếu sức quá cha sợ con không kham nổi sương gió. Bây giờ mọi sự đã đổi khác. Con có thấy điều đó không?

Lãng lãng nghe lời cha. Cậu cảm thấy vô vọng và cô đơn. Cậu tự hỏi: Những điều ta nghĩ khác thường lắm sao? Thế nào mới là bình thường? Thế nào mới là lẽ phải? Cậu xúc động mãnh liệt, hai thái dương lại tê dại và máu căng dưới làn da cậu. Lãng thừa với cha những điều thoát hiện trong óc cậu, quên bớt sự dè dặt:

– Con không biết nói sao cho cha hiểu lòng con. Cả nhà từ anh Chinh cho đến chị An đều xem con là một đứa hèn yếu. Dưới đó họ gọi con là “thằng vô tích sự”. Chắc cha cũng nghĩ như thế. Làm sao cho cha hiểu lòng con đây! Con yếu sức hơn các anh chị. Con xin nhận điều

đó. Con lúc nào cũng nhờ các anh chị bảo bọc giúp đỡ mới làm nổi công việc, dù là việc nhỏ nhất, nhẹ nhất. Tuy vậy, con tự biết con không yếu đuối. Những cái mọi người cho là mạnh bạo can đảm, con chỉ thấy sự cộc cằn, tàn bạo, thô lỗ, nông nổi. Con thà làm một thằng con trai hèn nhát còn hơn được gan dạ theo kiểu đó. Và con cho như vậy mới là mạnh bạo, dám dứt khoát với những gì không hợp với bản tính.

Ông giáo khá ngỡ ngàng trước lời bộc bạch khác thường của đứa con út. Ông thấy con mình đã trưởng thành sau hai tháng vào đời. Có điều ông tiếc, là cái giọng chán chường hoài nghi đến sớm của Lãng. Con ông mới 18 tuổi, và ôn lại quá khứ, ông giáo nhớ rằng phải đến tuổi 40, các va vấp chồng chất mới đủ khiến ông bắt đầu hoài nghi. Ông có thể

khuyên Lãng được gì đây? Nó đã trải qua những kinh nghiệm nào? Ông không có thì giờ để hỏi cho cặn kẽ nữa. Ông giáo chỉ đưa ra nhận xét:

– Con già trước tuổi rồi, Lãng. Đó là dấu hiệu yếu đuối. Con chưa thấy hết mọi mặt của đời sống đâu. Có thì giờ cha sẽ nói chuyện với con nhiều hơn. Cha không ép con sống trái ý mình. Con muốn quyết định thế nào tùy ý. Con nghĩ cho kỹ trước khi trả lời: Mai con đi với cha hay ở lại?

Lãng cúi đầu suy nghĩ thật lâu, rồi đáp:

– Con xin ở lại.

Ông giáo thất vọng, nhưng đành nói:

– Được rồi. Cha sẽ tìm cách nói với ông cả. Trong lúc cha vắng nhà, con ráng

giúp đỡ cho chị, gánh bớt một phần việc nương rẫy. Cậu Hai Nhiều khó tính, con dùng cứng cổ, cứng đầu như thằng Chinh trước kia mà sinh chuyện. Nay cậu ấy được giao trông coi tất cả chuyện nương rẫy. Cha tiếc lắm. Con không đi với cha. Nhưng thôi, thế cũng ổn.

*

Trong cái lán khá rộng và cao dành làm nơi bàn luận của ban tham mưu, quây quần đầy đủ những nhân vật quan trọng: ông cả, Huệ, Chỉ, Năm Ngạn, Bùi Văn Nhật, Tuyết... Ông giáo và Lợi xuống trể, đến chỗ họp thấy cuộc bàn luận đang dở dang. Nhạc vội đứng dậy, ân cần mời ông giáo ngồi xuống chiếu ngay cạnh mình, rồi hất đầu ra dấu bảo Lợi tìm chỗ ngồi đầu đó để mau chóng

tiếp tục cuộc họp. Bên phải ông giáo là Chỉ tên thầy cúng. Nhạc chờ cho mọi người yên lặng, mới nói:

– Các ông đừng tưởng chúng nó mạnh. Hai tháng nay chúng ta tung hoành khắp vùng cận sơn hai phủ Qui Nhơn và Phú Yên, phá kho thóc, đốt sổ thuế, bắt hết bọn hào lý mà chúng dám làm gì đâu! Áo mao xe ngựa ghê gớm lắm, nhưng gặp bọn chân đất chúng ta, chúng chạy như vịt. Hôm qua ta gặp lại thằng Đốc trưng Đằng. Quân lính hộ vệ đâu có ít. Ta bảo nộp hết giấy tờ, tiền bạc thì được tha mạng. Nó dùng dằng. Ta cho một nhát vào vai thằng Đốc trưng. Các ông nghĩ coi, đáng lý bọn lính phải xông vào cứu chủ, vì bên ta có nhiều nhôi gì! Nhưng không, quan quân một lũ vắt hết giấy tờ tiền bạc, vắt giò lên cổ mà trốn. Các ông đừng quanh co chối tội, bảo vì

quân triều mạnh mà không làm được việc. Phải nói thực! Vì sao gần đây tình hình trở nên bất lợi? Tại sao các đội cứ thua hoài vậy?

Cả chiếu hội đều im phăng phắc, không ai dám nói gì. Giọng của Nhạc nghiêm khắc, đầy phần nộ. Chờ mãi không ai lên tiếng, Nhạc chỉ Tuyết hỏi:

– Thế nào, ông Tuyết? Hôm nay đội ông thiệt hết bao nhiêu? Mấy chết? Mấy bị thương?

Tuyết rụt rè đáp:

– Dạ có nhiều hơn hôm qua. Tại vì... tại vì...

– Vì sao?

– Không hiểu vì sao gần đây họ chống cự lại mạnh mẽ hơn.

– Các ông vỗ ngực xưng là hảo hớn, muốn vào là vào muốn ra là ra. Thế sao hôm nay thiệt hại bấy nhiêu người mà không vào được?

– Có lẽ chúng nó đưa quân phủ giúp đỡ.

– Lại quân phủ! Không có quân phủ nào hết, tôi nhắc lại cho ông rõ. Chỉ có dân làng thôi! Khi tôi dẫn quân vào, thấy hầm hào họ đào kiên cố lắm. Chòi canh nào cũng có hàng bó tên lớn, bắn cả ngày không hết. Các ông nghĩ mà xem, tại sao họ liều chết chống cự chúng ta?

Huệ nói:

– Vì một số nhỏ trong chúng ta quen thói cũ, phá phách nhà cửa, lấy cắp của dân làng. Đã có nhiều vụ đốt nhà bừa bãi. Dân người ta sợ, liều chết chống cự

may ra còn bảo vệ được làng xóm và con cái mình. Nếu ta cư xử với họ như một bọn cướp, thì họ chỉ còn một con đường sống là liều chết tự vệ mà thôi.

Bùi Văn Nhật vội nói:

– Không phải thế. Chính bọn nhà giàu xúi giục người ta chống cự. Ta đến, họ giả vờ sợ hãi vâng dạ. Ta đi, họ liền đe dọa các người nghèo làm thuê, cày mướn trên đất họ để sống. Nhiều khi ta chia của nhà giàu cho dân đói rách, họ sợ không dám nhận. Tôi có bắt được mấy tên chuyên xúi giục dân chống cự ta. Kêu chúng tra hỏi, sẽ rõ hết.

Nhạc gật đầu nói:

– Được. Dẫn chúng vào hỏi xem!

Nhật đứng dậy ra khỏi lán. Trong khi chờ đợi, Nhạc quay hỏi Lợi:

– Chú đã xem lại kho lương chưa?

Lợi thành thực đáp:

– Dạ thưa chưa!

Nhạc nghiêm giọng nói:

– Đáng lý chú phải xuống ngay. Báo động rồi đấy. Chỉ còn đủ ba ngày nữa thôi. Mấy ngày nay ta bị chống cự mạnh mẽ, các kho thóc thuế không tích thu được. Chú xem cách lo liệu gấp đi!

Nhật dẫn vào một người đàn ông nhỏ thó, ăn mặc rách rưới và ốm yếu. Ông ta run rẩy, sợ hãi như sắp phải bị xử chém, đôi mắt lơ lảo nhìn khắp mọi người trên chiếu hộp cầu khẩn van lơn. Nhật vừa đẩy vai cho người tù binh tiến gần về phía ông cả, thì hắn đã sụp xuống lạy như tế sao, vừa lạy vừa rên rử rử kể lể những gì không ai nghe rõ. Nhạc quát:

– Quì yên đó.

Người tù binh vâng lời, không đủ sức quì thẳng lưng nên chống hai tay đang run xuống đất, mặt cúi gằm để tránh cái nhìn giận dữ của Nhạc. Nhạc lại ra lệnh:

– Ngừng đầu lên coi! Như cái máy, người tù binh vội ngừng mặt lên, cố giữ cho lưng thật thẳng, trấn áp run rẩy bằng cách vòng tay thật chặt trước ngực. Nhạc hỏi:

– Mà đã biết tội chưa?

Người tù binh rên rỉ đáp:

– Dạ con biết tội rồi. Trăm lạy các ngài ngàn lạy các ngài, tha chết cho con về nuôi vợ con...

Nhạc cắt lời:

– Thôi. Nói cho gọn và rõ: tội của mày là gì, khai đi.

– Dạ con lỡ lầm đem giấu sổ thuế, con đại dột xin các ngài...

Nhạc hỏi Nhật:

– Nó cung khai đúng không?

Nhật đáp:

– Dạ đúng. Chúng tôi bắt quả tang bản đang đem tập sổ thuế giấu vào chái sau đình làng. Hắn không ngờ chúng tôi tấn công tập hậu. Lúc đầu hắn chối. Nhưng khi rạch áo, thấy hắn còn giấu một cuốn vào thắt lưng.

Tên tù binh lại phục xuống lạy:

– Trăm lạy các ngài con lỡ đại, xin tha chết cho con về nuôi vợ nuôi con.

Nhật quát:

– Đừng xoen xoét cái mồm nữa. Ai sai mày đi giấu sổ thuế?

– Dạ không có ai sai con cả.

– Mày nói dối. Có phải bọn nhà giàu sai mày không? Hay là bọn hào mục? Ai sai, phải khai ra.

– Dạ, con không dám nói dối với các ngài. Quả thật không ai sai con cả. Con chột nghĩ đại, nên làm bậy.

Huệ xen vào hỏi:

– Anh nghĩ cái gì mà đem giấu sổ thuế?

Người tù binh vừa rên vừa trả lời:

– Con nghĩ đại dột là lỡ các ngài đốt sổ thuế đi, một mai quan phủ lại đến đòi,

thì lấy giấy tờ đâu làm chứng là con đã nộp thuế rồi. Gia đình con đông miệng ăn, phải nhịn một bữa cơm mới đủ đóng thuế. Số thuế cháy rồi, lại đòi nữa thì con lấy gì để nộp.

Tất cả mọi người trên chiếu hợp đều lặng người vì lời khai của người tù binh. Họ hoàn toàn tin ở lời khai. Có điều từ Nhạc cho đến ông giáo lấy làm lạ là tại sao một sự thực đơn giản như thế mà từ lâu, không ai nghĩ ra cả. Đốt số thuế là hợp lòng người, nhưng sau giây phút hào hứng, phải có những lo âu vu vơ nhưng có thật: kẻ đóng thuế xong lo mất hết chứng từ thanh toán sẽ có hại về sau nếu quân triều trở lại. Kẻ nợ thuế sợ sẽ phải trả một số nợ lớn hơn nợ ghi bằng giấy trắng mực đen, do lòng tham của kẻ thu thuế và sự hách dịch của bọn chức sắc.

Người tù binh điếng người khi thấy cả phòng im lặng. Đột nhiên, anh ta nức lên khóc. Nhạc ra lệnh:

– Được rồi. Dẫn hẳn về trại giam.

Nhật dẫn người tù binh đi. Anh ta yên trí sắp đến chỗ xử chém, co rúm người lại, mếu máo không chịu bước tới. Nhạc phải nói thêm:

– Không sao đâu. Anh khai thành thật như vậy, khá lắm. Ta tha tội chết cho.

Chưa kịp biểu lộ sự mừng rỡ, người tù binh đã bị Nhật đẩy ra khỏi cửa. Nhạc suy nghĩ một lúc, rồi nói:

– Họ chưa tin chúng ta bảo vệ được họ, lo cái ngày quân triều trở lại.

Lại có tiếng chân người đến gần chiếu hóp. Nhật dẫn thêm một tù binh

khác, dáng người cao lớn nhưng cách ăn mặc thì quá rách rưới. Thân thể khá đầy đà, mập mạp không phù hợp với cách ăn mặc chút nào, khiến mọi người nhận ra ngay điều gì giả tạo, man trá nơi người tù binh.

Nhật bắt anh quì, rồi nói với Nhạc:

– Tên này bị bắt quả tang đang giấu của cải. Quần áo này không phải của hắn. Bộ quần áo lành hắn cởi ra, đem giấu ra vườn rau với cái nồi đồng và cái cối trấu bằng thau.

Nhạc hỏi:

– Mày có mấy mẫu ruộng, mấy cặp trâu?

Người tù binh ít nói và có vẻ gan dạ đáp chậm:

– Dạ tôi không có đất, cũng không có trâu.

– Vậy có cái gì?

– Dạ chỉ có cái rựa với cái cuốc.

Nhạc cười gằn:

– Đến phút này mà còn bông đùa được, khá lắm!

Người tù binh nói:

– Tôi nói thật. Gia đình tôi nghèo, không có đất. Nhưng anh em tôi đều khỏe mạnh. Chúng tôi phá rừng làm rẫy, được gì thì hưởng trọn khỏi trả cho chủ đất nên không đến nỗi đói.

Nhật giận quá, nói:

– Mày gian dối. Nếu nghèo, mày sợ gì mà phải cố mặc áo rách, cố đem giấu quần áo, đồ đạc đi?

Người tù binh đáp:

– Tôi nghe các ông thường lấy của nhà giàu chia cho dân nghèo. Tôi là dân nghèo, tôi vui mừng lắm. Nhưng làm sao phân biệt được giàu với nghèo? Ai sẽ bị tịch thu của cải, và ai sẽ được phân chia của cải? Nhờ mùa trước bắp và đậu rẫy tôi tốt, tôi mới may được cho anh em tôi mỗi người một bộ quần áo lành vải chàm. Tôi mua cho mẹ tôi cái nồi đồng, cái cối trầu và sắm vài thứ khác. Thế là tôi có vẻ giàu rồi. Tôi sợ bị xem là nhà giàu. Cho nên thấy các ông đến, nhiều người vội vã giấu của cải, mặc quần áo rách vào, không phải để được chia của nhà giàu, mà để khỏi bị xem là giàu.

Chỉ mĩa mai:

– Mày lý sự khá lắm, không sợ chết hả!

Nhạc hậm hực:

– Tụi tao còn bắt được nhiều đứa khác. Mày nói dối không êm đâu. Sẽ có nhiều người khai thực mày là ai, giàu hay nghèo.

Nhạc không muốn nghe chuyện đòi co, ra lệnh:

– Thôi được rồi. Dẫn hắn đi.

Nhật lại dẫn người tù binh ra cửa.

Nhạc nhìn quanh rồi hỏi:

– Ý các ông thế nào?

Đa số chưa hiểu ý Nhạc nên không biết trả lời ra sao, người này liếc người kia thầm giục nói trước. Huệ nói:

– Rõ ràng dân chúng chưa tin chúng ta. Không phải lỗi của họ. Ta đốt quách sổ thuế xí xóa nợ nần cho họ, họ không

mừng. Chia của cải họ không dám nhận, hoặc nhận xong hôm sau lại đem trả cho nhà giàu. Vì sao vậy? Vì họ nghĩ ta không khác bao nhiêu với bọn cướp đêm lẫn bọn cướp ngày. Ta cũng dùng giáo mác cung tên lừa họ ra sân đình, ngọn đuốc hờm sẵn để châm vào nhà họ. Nhiều người xấu trong chúng ta cũng giở thói cướp bóc, sàm sỡ với phụ nữ y như bọn ôn dịch dưới phủ. Chắc hẳn dân chúng nghĩ thế này: “Tuởng gì! Cá mè một lứa mà thôi. Bọn cướp ngày trước kia uy thế vững bền mấy trăm năm, còn bọn cướp này sức được bao nả. Phải dè dặt thận trọng, không thì về sau lại khổ”. Cho nên, khi nào chúng ta còn cư xử như những tên du thủ du thực, khi nào trong đội ngũ còn những tên cướp bóc, hiếp sát, lúc đó dân chúng còn thận trọng, xa lánh với ta. Họ chưa tin, vì quả thực chính chúng ta có gì cho họ tin.

Chỉ liếc về phía ông giáo, cười mỉm, rồi nói:

– Có phải chú Tám (Huệ) muốn quăng hết gươm giáo, đem sách nho ra giảng cho chúng nó mở cổng làng ra không? Chú muốn lập những toán quân thuộc lầu Thi Thư, đội khăn sửa áo tề chỉnh trước khi ra trận phải không? Nói nhân nghĩa cho chúng nó qui thuận mình chứ gì? Sẵn có ông giáo ở đây, ta còn đợi gì nữa! Phải thế không thầy giáo?

Mọi người nhìn cả về phía ông giáo. Không thể tránh được, ông giáo nói:

– Bác dạy quá lời, bác Chỉ ạ! Tôi già yếu lắm lắm, không giúp gì cho đại cuộc đâu. Thi Thư Nhân Nghĩa có vẻ phù phiếm thật đấy, nhưng thiếu nó thì không biết bước vào đâu, vì nó là cái nền của mọi sự. Xưa nay ai phất cờ mà không vin

vào điều nhân nghĩa. Chính bác cũng đã đề xướng lên “ý trời” kia mà! Ý trời là cái gì, nếu không phải là mong ước cho người người thương yêu nhau, vua cho ra vua, tôi cho ra tôi, con cái có hiếu với cha mẹ, vợ chồng lấy nghĩa mà sống với nhau, trên thuận dưới hòa.

Nhạc thấy không khí căng thẳng, vội bảo:

– Bàn chuyện lâu dài thì không biết bao giờ mới hết. Hôm nay ta nên chú ý đến chuyện trước mắt. Tình hình như vậy, ta phải làm gì. Ông Năm Ngạn, ý ông thế nào?

Năm Ngạn nói:

– Ý tôi ấy à? Tính con người ta lạ lắm, không chịu nhẹ đâu. Đừng hòng dùng lời dịu ngọt mà nói lọt tai họ. Chỉ

khi nào gươm kề cổ họ mới chịu khuất phục vâng lời. Coi chừng gươm của ta chưa đủ bén đây.

Tuyết vui mừng nói:

– Tôi cũng nghĩ thế. Dân họ còn do dự, vì ta còn nhẹ tay quá. Còn nếu chúng nó chống lại, thì không còn cách nào khác hơn. Chỉ còn cách này.

Tuyết đưa bàn tay lên, chém nghiêng vào khoảng không.

Nhạc cười lớn, bảo mọi người:

– Tuyết nói hợp ý tôi. Chỉ còn cách này thôi!

✱

Khi mọi người bắt đầu đứng dậy ra

khỏi phòng họp, Nhạc giữ ông giáo lại. Ông cả thấy nét mặt ông giáo dàu dàu, muốn giải thích rõ hơn tình thế bắt buộc phải dùng các biện pháp mạnh. Ông giáo chỉ gật gù cho qua chuyện mà không nói gì. Nét mặt ông cũng không thay đổi.

Thấy thế, ông cả bông đùa:

– Nghe nói thầy có chuyện vui, phải không?

Ông giáo ngạc nhiên hỏi lại:

– Chuyện vui gì thế?

Nhạc nhận ra bông đùa lúc này không đúng lúc, nên nói lảng đi:

– Ôi! Chúng nó buồn không biết làm gì, đặt ra đủ thứ chuyện để kháo với nhau. Thầy về nghỉ nhé. Chắc đi đường vất vả lắm!

Ông giáo nói:

– Vâng, khá vất vả. Tôi có đi xa mới biết sức đã yếu.

Trong lúc đó một đám trai tráng đang vây quanh Lợi ở trước lán. Ngạnh, người lâu nay vẫn phụ việc cho Lợi trách:

– Anh không xuống, báo hại tôi quỳnh không biết xoay sở ra sao. Nhưng nghe được chuyện anh, tôi hiểu. Ở trên đó như vậy là còn ít. Trường hợp tôi, tôi ở lại luôn. Trời gầm cũng không xuống đâu!

Một người khác nói:

– Ông đồ tinh mắt thật, kén rể như vậy mới là người sành đời.

Lợi giả vờ nổi giận:

– Ô hay! Tụi bây nói quàng xiên gì

vậy! Đứa nào đặt điều? Nói ngay!

Cả bọn cười ồ. Một người nói:

– Trông anh Lợi hôm nay linh lợi hết sức!

Một người khác bảo:

– Khéo nói chưa! Không linh lợi mà được chọn! Chẳng lẽ thầy giáo chọn một đứa đàn độn dớ dẩn như mày!

Lại cười đùa vang cả đêm đen. Lợi cãi chính:

– Đừng nói bậy, thầy giáo nghe được, giận chết! Chưa có chuyện gì đâu. Chỉ là chuyện hão của mấy thằng mách lẻo thôi. Mà nếu có chuyện gì thì cũng còn lâu lắm.

Có người hỏi:

– Lâu đến đâu? Phải cho chúng tôi biết để chuẩn bị rượu chứ?

Lợi nói:

– Có gì đâu mà sắp sửa rượu chè!

– Lại chối! Chuyện rành rành ra đó.

– Cái gì mà rành rành?

– Chứ không phải anh mua sắm đủ thứ để xin gửi rể à? Nào vàng hương, nào kim châm, mộc nhĩ, nào kim chỉ... Toàn là hàng Tàu cả. Anh tưởng chúng tôi mù cả chắc!

– Chuyện! Giỡn mẹ người ta kia mà!

– Giỡn mẹ! Sao lại giỡn ngay tại nhà đàn gái?

– Nhà gái! Nhà gái nào?

– Thôi ông ơi! Nói quanh co mãi. Làm như ngu ngơ không biết gì ráo! Nhìn cái mặt hớn hở của ông, chúng tôi hiểu liền. Suyt, có anh Huệ tới kia kìa!

Huệ đi ngang đám trai tráng, nhìn thấy Lợi, hơi dừng dằng muốn hỏi điều gì, nhưng sau đó lại tiếp tục bước về phía dốc.

✱

Ông giáo băn khoăn không hiểu ông cả mời ông xuống đây để làm gì? Suốt một tuần lễ nay, Nhạc có vẻ bận bịu không có thì giờ nói chuyện với ông. Riêng ông giáo vì tự trọng, không bao giờ tìm cách gặp Nhạc. Trong thời gian ấy, ông cứ thắc mắc hoài về ý định của ông cả.

Nhạc mời ông xuống đây làm gì?

Để làm trò cười cho bọn thầy cúng và bọn vô lại lao nhao thường xuyên bao quanh Nhạc, bọn xem ông như rác rến dấp dềnh của một thứ đạo đức khô cứng, lỗi thời đến đáng ghét? Để chứng minh cho ông giáo thấy sự lảm cẩm của ông, vì ông cứ nằng nặc đòi phải phò hoàng tôn Dương thì mới giữ được sự tiếp nối và chuyển tiếp cần thiết của lịch sử?

Hoặc để trên Tây Sơn thượng người ta có cơ hội tước hết quyền hành của ông, dồn trách nhiệm coi sóc Tây Sơn thượng cho một tay chân ngoan ngoãn? Dù nghĩ thế nào, ông giáo vẫn thấy vị đắng cay nơi đầu lưỡi. Ông lăm lì trong gian nhà khách người ta dành cho ông, ở hờ hưởng thụ những tiện nghi và ân cần. Chinh có đến thăm cha, nhưng vẻ râu rí của ông giáo khiến Chinh e ngại, tưởng

cha đã nghe hết những trò chơi mới mà Chinh bị lôi cuốn tham dự. Cho nên sau hai lần cha con nói chuyện với nhau một cách gượng gạo, rời rạc, ông giáo không thấy Chinh đến thăm đều mỗi tối như trước. Một lần vào đêm mưa giông, Huệ có đến thăm thầy. Nhạc lại gửi em đem biếu ông giáo một gói trà. Ông giáo vui mừng vì còn được người hiểu mình, sửa mình chuẩn bị cho một cuộc đối thoại thú vị. Nhưng đêm hôm ấy, Huệ có vẻ lơ đãng, như đang nghĩ một chuyện quan trọng lắm mà không tiện chia sẻ nỗi lo âu với thầy. Ông giáo hỏi Huệ:

– Anh bị bệnh à?

Huệ đáp:

– Thưa không.

– Tại sao anh mất cả thần sắc. Tình hình thế nào?

– Dạ, không được tốt. Hôm nay phải chôn những người bị chết dưới đồng. Không thể mang hết về tận trên này được!

– Thiệt hại nặng đến thế ư?

– Dạ.

– Vì sao vậy?

– Nhất định không phải vì mình còn nhẹ tay như “người ta” nói đêm ấy. Ông Tuyết chọn toàn dân bậm trợn được quen thân từ trước. Thế mà mãi đến gần tối mới vào được. Chỉ còn thì giờ châm lửa đốt hết rồi rút lui. Nhờ ánh lửa nhà cháy mới vùi được mấy cái xác gần mé rừng.

– Tất cả những trò bạo tàn đó đưa đến đâu? Để làm cái gì? Nếu cố tấn công vào chỉ để đốt sạch phá sạch, thì cần gì

phải nhọc công thế! Chỉ việc bắn lửa vào là xong. Có ai đặt những câu hỏi ấy không?

Huệ buồn rầu đáp:

– Dạ không.

– Anh có hỏi ông cả không?

– Dạ chưa.

– Tại sao vậy? Còn đội của anh thế nào?

– Không đến nỗi thế, nhưng không được như trước. Hiếu sát là một thứ ôn dịch, nó lan nhanh truyền nhanh đến nỗi không ai có thể được an toàn. Dù con cố giữ kỷ luật, vẫn có nhiều vụ phá phách giết chóc bừa bãi.

– Anh có tìm hiểu xem tại sao như vậy không?

– Các đội khác thì con không rõ. Riêng đội của con, phần lớn anh em đều trẻ cả. Những chuyện đáng tiếc đều do các mất mát đau xót ảnh hưởng. Khi một người bạn thân bị bên trong giết chết, thì người ta xem tất cả phía trước đều là kẻ thù. Máu đòi máu. Người ta say lên, không hiểu mình đang làm gì. Đó là chưa kể các oán thù có từ thời trước giữa làng xóm với nhau. Ai cũng thích về quê cũ để đòi các món nợ. Ngay chính con cũng vậy. Anh con cũng vậy. Con ước được trở về ngay Kiên Thành, đóng bản doanh trên nền nhà cháy và truy nã cho ra bọn đốt nhà trước kia.

– Chính vì vậy mà bên trong dân làng liều chết để chống cự. Cái vòng lẩn quẩn “giết – trả thù – giết” biết đến bao giờ mới hết. Cố phá rào để vào đốt sạch thì dân làng cũng cố giữ làng để bảo vệ nhà

cửa, mạng sống. Ta liệu được bao nhiêu sức để chống cự với tất cả dân chúng hai phủ Qui Nhơn, Phú Yên?

Huệ giữ im lặng một lúc lâu, rồi hỏi:

– Sao hôm trước thầy không nói gì cả?

Ông giáo giận dữ đáp:

– Tôi nói thì đã đến đâu! Các ông ấy tin ở cái này (ông giáo giơ bàn tay lên giả làm lưỡi gươm chém xuống) hơn tin nhân nghĩa. Có phải ông cả gọi tôi xuống để làm trò cười cho bọn vô lại không? Tên thầy cúng còn bày ra những thứ phù phép gì nữa?

Thấy thầy giận, Huệ không nói gì thêm. Hai thầy trò lặng lẽ nhìn nhau, không khí trong phòng nặng nề. Huệ muốn nói một điều gì đó cho không khí

bớt căng thẳng. Anh chợt nghĩ đến một điều, nhưng lòng hồi hộp không dám hỏi. Không hỏi lúc này thì đến bao giờ mới biết sự thật? Mà hỏi làm sao đây? Mình có quyền gì xen vào chuyện gia đình người khác? Huệ lại liếc nhìn thầy, thấy ông giáo thối mãi chén trà đã nguội. Anh dè dặt nói:

– Con nghe người ta bảo...

Nhưng không thể thốt hết lời. Ông giáo hỏi:

– Anh nói gì?

Huệ ngập ngừng, hỏi:

– Trên nhà vẫn được bình yên, thưa thầy?

– Vẫn thường. Lãng nó không chịu xuống nữa. Đành vậy. Mỗi người mỗi tính.

– Con thấy như vậy cũng được. Không thì chỉ còn một mình An ở nhà. Độ này chắc An vẫn như xưa.

– Nó đảm lắm. Một mình lo chuyện công lẫn chuyện bếp núc. Da đen đi, nhưng sức khỏe khá hơn trước.

– Vừa rồi, con...

– Anh định về trên ấy ít bữa à? Hay quá bận việc quân?

– Con không rồi. Vả lại bây giờ về ngại lắm!

Huệ tuyệt vọng vì sự nhút nhát của mình, xấu hổ đến đỏ mặt. Anh không thể biết rõ những điều muốn biết, lòng hoang mang, mặt bần thần. Anh chào ông giáo và trở lại chỗ đóng quân. Gió lạnh và sương phủ trắng xóa trên lối đi.

Lần đầu tiên Huệ run trước cái giá rét của rừng và đêm mênh mông.

✱

Cuộc họp vẫn diễn ra ở lán chính của trạm như lần trước, nhưng hôm đó không có Chỉ và Tuyết. Chỉ cáo bệnh, còn Tuyết thì bị một mũi tên cắm vào bắp vế, vết thương sưng tấy lên không đi được. Có lẽ nhờ thế mà không khí chung trên chiếu họp bớt căng, mọi người đều dùng những lời lẽ đơn giản, chân tình để hòa nhã thảo luận với nhau. Hơn nữa đây không phải là lúc tranh luận để chọn một giữa hai con đường. Cuộc họp trước đưa đến quyết định tạm dừng bạo lực đàn áp để vượt khó khăn, mở rộng tầm ảnh hưởng sâu xuống đồng bằng. Qua hai tuần lễ dài dằng dặc vì đầy tang

tóc và thất bại, đã đến lúc thành khẩn xét lại các lầm lạc để tự cứu. Môi miếng hoa hòe với nhau làm gì trong hoàn cảnh đó! Vì vậy, ngay từ đầu Nhạc đã nêu gương tốt về sự thành thực. Nhạc nói:

– Tôi đã lầm khi nghĩ phải mạnh tay để thu phục lòng người. Chúng ta gặp thất bại còn nhiều hơn trước, dân chúng sợ ta mà không phục ta, lánh xa vì không tin lời ta nói. Những việc họ vui mừng như được khỏi nộp thuế, được chia của cải, được tận mắt chứng kiến bọn hào lý thất thế tiu nghỉu v.v... càng ngày càng bớt tác dụng đi. Ngược lại, họ giấu sổ thuế, chôn của cải, liều chết bảo vệ làng còn mạnh mẽ hơn trước. Rõ ràng chúng ta, trước hết là tôi, đã lầm lẫn. Đã đến lúc phải nghĩ lại, tìm giải pháp đúng. Chúng ta phải làm gì đây?

Ông giáo xúc động vì sự thành thực hiếm có ấy, mạnh dạn nói ngay với Nhạc:

– Phải làm gì ư? Đừng biến dân chúng thành kẻ thù của ta. Như có một lần tôi hỏi anh Huệ: Sức ta bao nhiêu mà đòi chống với tất cả dân chúng hai phủ? Phải làm gì ư? Theo ý tôi, phải làm thế nào để giảm bớt đến mức tối thiểu số kẻ thù của ta. Có càng ít kẻ thù bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu! Như thế cũng có nghĩa là càng liên kết được nhiều bạn bè bao nhiêu, ta càng mạnh bấy nhiêu. Bạn bè ta nhiều, kẻ thù sẽ bị cô lập.

Nhạc vui vẻ nói:

– Thầy nghĩ rất đúng. Lực lượng ta còn nhỏ, phải liên lạc và cùng tấn công quân triều với các lực lượng khác. Họ không giống ta ở nhiều mặt. Bọn cướp biển Tập Đình, Lý Tài khác với ta quá

nhiều, từ binh khí cho đến điều nhỏ nhặt như cách để tóc, cách mặc quần áo. Tuy vậy, chúng là bạn đường của ta. Nguyễn Thung và Huyền Khê chỉ là những thương gia, thổ hào, chỉ có chữ lợi thật to trước mắt. Nhưng không có họ ta còn gặp khó khăn lương thực nhiều hơn nữa. Châu Văn Tiếp ở Phú Yên muốn cạnh tranh nguồn hàng với ta. Giờ đây, hắn vẫn là bạn ta vì cũng không chịu cúi đầu qui phục bọn “ái nam ái nữ” ở tận Phú Xuân. Bạn bè của ta đông đúc, sức mạnh lớn. Tôi đã thấy điều đáng mừng ấy.

Ông giáo thấy Nhạc chưa nắm hết ý mình, giải thích thêm:

– Những người đó là kẻ khuấy rối chuyên nghiệp. Xã tắc có thể hơi lung lay vì chúng, nhưng an nguy là do số đông dân chúng hằng ngày cần cù làm ruộng làm nương, lúc biến cầm gươm giáo,

gậy gộc giữ nước giữ làng. Chính cái số đông đảo này là cái đích ta phải nhắm thu phục. Bạn bè sống chết có nhau, phải tìm trong số đông đó, chứ không thể có bạn tốt trong đám vô lại chuyên nghiệp.

Nhật nhận thấy vắng Chỉ và Tuyết, cái thế tranh luận của mình quá yếu. Do đó, ông chỉ dè dặt hỏi:

– Không dựa vào bọn có võ nghệ, tính khí ngang tàng, bạt mạng, dám xông pha vào nơi nguy hiểm, thì dựa vào đâu?

– Dĩ nhiên ta không xa lánh họ. Ta hợp tác với họ trong một số công việc, nhưng ta không đồng nhất với họ. Ta “hòa nhi bất đồng”. Hễ họ còn là bạn thì ta quý họ. Tuy vậy tôi mạnh dạn nói với các ông là sự hợp tác kiểu đó không lâu bền đâu. Gặp nhau bằng điều lợi thì cũng thù ghét xa lánh nhau vì lợi. Thích

chơi dao tất có ngày đứt tay. Vận động thu phục được lòng dân thì không còn gì khó khăn nữa.

Nhạc hỏi:

– Thu phục lòng dân? Bụng dạ họ nằm sâu bên trong, ta biết lòng họ ra sao mà thu phục? Còn nếu theo thói thường đem lúa ra chia cho dân nghèo đói, vãi tiền kềm khắp chợ, thì ta lấy đâu ra bấy nhiêu thứ để mua bụng dạ mấy vạn người?

– Bụng dạ người dân không khó xét lắm đâu. Họ ước muốn gì? Họ chỉ ước được no đủ, lành lặn lâu dài. Muốn như vậy, đời sống phải được ổn định và an toàn. Sách xưa nói hễ an cư thì lạc nghiệp. Mà muốn ở yên thì cái nền ta bước lên trên mà đi phải yên. Các ông hãy nghĩ mà xem. Dân họ khổ sở, đói rách. Thâm

tâm họ cũng muốn đổi quách cái đời này đi, ra sao thì ra miễn không phải những điều đang xảy ra trước mắt. Nhưng khi các biến động lớn dồn dập đến, làm lung lay đảo lộn mọi thứ, thì chính những người bất hạnh nhất cũng đâm sợ. Mấy trăm năm họ thờ chúa Nguyễn. Họ chịu sưu cao thuế nặng do nhà chúa đặt ra, họ oán ghét tay chân đắc lực của chúa là quốc phó Trương Phúc Loan. Đôi lúc quá quẩn bách, phần chí, họ muốn trời sập đè chết tất cả cho khỏi lo toan trăm đường. Chúa cũng chết mà vua cũng xong. Nhưng khi mình giương ngọn cờ “Trời và Đức Thượng Sư” lên, dân chúng nhất định đã ngỡ ngàng. Thế này thì không cho là chuyện nhỏ nữa rồi. Đức Thượng Sư nào đây? Họ gì? Ở đâu? Ông ấy có mạnh bằng tất cả dòng họ tay chân chúa Nguyễn hay không? Lỡ tin theo ông ấy mà lực lượng ông ấy yếu quá về

sau sẽ ăn nói làm sao với quan phủ quan huyện? Cho nên phải tìm cách tôn phù một người nào đó trong nhà chúa, dựa vào đấy mà hô hào diệt trừ tên loạn thần tham lam, phản phúc, quỷ quyết, bủn xỉn...

Huệ không nhin được, vội hỏi:

– Có phải thầy muốn nói đến hoàng tôn Dương không?

Nhạc kinh ngạc:

– Hoàng tôn nào? Có phải cái thằng không...

Nhạc nhanh trí kịp dừng lại đúng lúc, liếc nhanh dò xem nét mặt ông giáo. Vẫn tươi cười như không có gì xúc phạm đến mình, ông giáo nói:

– Ông không phải dè dặt! Từ đầu ông đã muốn nói thẳng nói hết, thì ta cứ gọi hoàng tôn là “cái thằng không có cu” cũng được. Có cu hay không có cu ta chưa biết, nhưng hiện nay ta đang cần đến hoàng tôn. Trong thời gian quan quân ở kinh và các phủ, nhiều người khâm phục đức độ của hoàng tôn, họ còn đi xa hơn, dám nghĩ đứng ra ngôi vương phải thuộc về hoàng tôn. Tôn phù hoàng tôn, dân chúng sẽ bớt lo ngại, giới có học sẽ bớt lần khân, lưng chừng, bọn quan lại thêm hoang mang, nghi hoặc, bọn quân lính phải chùng tay. Lúc đó, ta có thêm nhiều bạn, nhiều người trước kia là kẻ thù không đội trời chung, bây giờ hóa ra vô hại lưng chừng. Ta thêm bạn bớt thù bằng lối đó, chứ không phải chỉ nhằm liên kết những kẻ quấy rối chuyên nghiệp.

Ông giáo dừng lại, chính ông ngạc nhiên chưa hiểu nhờ đâu ông có thể nói một mạch dễ dàng những điều phức tạp dễ gây hiểu lầm và tranh chấp như thế. Có lẽ nhờ cuộc họp thiếu mặt tên thầy cúng, ông giáo khỏi e ngại dấn sâu vào cuộc thị phi tầm thường. Nhạc suy nghĩ lung lắm, gương mặt trở nên khắc khổ hơn. Mọi người dồn mắt về phía Nhạc để chờ xem phản ứng của ông. Nhạc ngừng lên hỏi:

– Ý ông Nhật thế nào?

Nhật thành thực đáp:

– Tôi chưa kịp nghĩ đến.

Nhạc lại hỏi:

– Còn ý ông Năm?

Năm Ngạn hoang mang chưa biết Nhạc theo ý bên nào để vượt đuôi, nên bối rối đáp:

– Theo tôi thì đưa ai ra cũng được. Miễn thực sự vẫn do ở mình!

Nhạc hất đầu hỏi em:

– Còn chú Huệ, ý chú thế nào? Chắc thầy trò phải tương đắc rồi!

Huệ không trả lời anh, mà quay sang hỏi ông giáo:

– Thưa thầy, lâu nay con nghe thầy nhắc nhiều đến hoàng tôn. Trong những người ngồi đây, chưa ai được biết hoàng tôn là ai cả, chỉ nghe đồn hoàng tôn có đức độ. Thầy đã ở kinh, đã dự vào việc lớn. Xin thầy cho biết hoàng tôn có thực xứng đáng để chúng ta tôn thờ hay không. Ý thầy muốn tôn phù hoàng tôn thực,

hay chỉ xem như chiếc bè để qua sông thôi?

Ông giáo giật mình, không ngờ Huệ thấy tận tâm can của ông. Chính ông cũng chưa trả lời được câu hỏi ấy, từ bao đêm tự làm khổ mình vì cái chữ trung muôn hình vạn trạng, lúc thì như sợi dây buộc khe khắt không chút thương xót, lúc thì phóng khoáng mênh mông như gió ở đồng nội, sóng trên bể khơi. Trả lời rõ phía nào cũng không đúng với lòng ông, mà không trả lời rõ thì không thể được.

May mắn cho ông giáo, là những phân vân phức tạp tế nhị đó quá tầm của nhiều người trên chiếu họp. Nhiều người, kể cả Nhạc, đều cho Huệ cố tỏ ra có “suy nghĩ” độc đáo để bày hàng với thầy. Nhạc gạt đi:

– Thôi đừng lý luận dông dài nữa.
Ta cứ thử làm theo ý thầy giáo xem sao.
Ngọn cờ này không xong, ta lại giương
cái khác. Khó quái gì! Quan hệ là ở chỗ
ta thắng hay bại. Phải thế không anh em?

Chương 17

Vâng lệnh anh, Huệ về gấp Tây Sơn thượng để xem xét việc chuẩn bị vũ khí. Đợt tấn công mới qui mô lớn hơn trước nhiều, đòi hỏi vũ khí cải tiến thêm. Số lượng cũng phải tăng lên gấp bội. Giáo mác cung tên nghĩa quân đang dùng không đủ sức để chống lại quân triều nếu gặp địch trong các trận chiến tuyến dài và thời gian lâu. Nhạc dặn em:

– Chú phải bàn bạc kỹ với thằng Thận. Lò rèn trên đó nhỏ quá, thép lại thiếu. Chú hỏi thằng Thận thử trong

vòng một tháng, có thể rèn đủ chừng ấy vũ khí không. Cần thêm bao nhiêu sắt thép, bao nhiêu thợ. Việc vận chuyển khó khăn, ta lại thiếu ngựa thồ. Tốt hơn hết, là dời ngay lò rèn xuống dưới này. Việc gấp lắm, anh mới sai chú đích thân lo liệu. Chừng nào chú lại xuống?

Huệ lẩm nhẩm tính một lúc, đáp:

– Khoảng rằm em xuống.

Nhạc lắc đầu:

– Không được. Chú bỏ đội mà đi, anh phải lo thêm việc. Mong mười được không?

– Em sợ gấp quá. Thôi, em xuống ngày 12.

– Cũng được. Bảy ngày đủ rồi. Trừ đi mấy ngày đường, chú còn bốn ngày lo hết mọi thứ, nhưng anh tin ở chú.

Vì thời gian quá eo hẹp, nên về đến Tây Sơn thượng lúc chạng vạng, chưa kịp cơm nước và nghỉ ngơi Huệ đã tìm gặp Thận.

Thợ rèn đã về hết, nhưng Thận vẫn còn ở tại lò. Thận vừa và cơm vừa hí hoáy vẽ lên đất một mẫu đao mới. Thấy Huệ đến, Thận vội vàng bỏ đũa xuống cái mâm gỗ, định đứng dậy chào. Huệ vội can:

– Anh cứ ăn tiếp đi. Còn nhiều cơm không, cho tôi ăn với. Đói quá, lên đến đây tìm lại anh ngay.

Thận vốn vã đáp:

– Còn nhiều lắm. Tôi nấu dư để sáng mai ăn luôn thể. Chỉ sợ... chỉ sợ anh nuốt không vô. Đồ ăn dở quá. Chỉ có mắm ruột nai thôi.

Huệ ngồi xuống trước mặt Thận, cười nói:

– Không sao. Có mắm nai là nhất rồi. Có cái chén nào không?

Thận lúng túng vì sự lơ đãng của mình, vội chạy đến chỗ cái ống bể lục tìm cái chén và đôi đũa. Anh bới cho Huệ một chén cơm đầy, đổ thêm một ít mắm ra đĩa. Bị bất chợt phải tiếp khách “có uy thế” trong chỗ đơn sơ và thân tình, dù lớn tuổi hơn Huệ, Thận cũng không tránh khỏi bối rối. Anh cảm động mời Huệ:

– Mời anh ăn cơm. Không sợ thiếu đâu.

Huệ tự nhiên cầm đũa và chén. Thấy Thận không và cơm tiếp, quay mặt ra phía sau nhổ miếng cơm đang nhai xuống đất, Huệ hỏi:

– Bị sạn ạ?

Thận quay lại nói:

– Tôi lú lẫn quá đi mất. Và cơm bằng đầu đũa dùng để vẽ mẫu đao.

Hai người cùng cười lớn. Không khí dè dặt khách sáo biến mất, hai người vừa ăn vừa quay đầu đũa vẽ xuống nền đất mềm cạnh cái mâm gỗ những mẫu vũ khí, tranh luận sôi nổi về các lợi hại của từng thứ. Thận trở hình mẫu đao vẽ cạnh nồi cơm giải thích với Huệ:

– Cái đao kiểu này khá nặng, phải cầm hai tay lấy hết đà mà chém thì mới ngọt. Như vậy có nhiều điều bất lợi: một là sức vóc người mình nhỏ, dùng hết sức chém nhát đầu thì còn công hiệu, nhưng đến các nhát sau thì hết chính xác. Đã thế đầu đao nặng nên đà chém tăng thêm,

làm mất thế quân bình. Tôi đang nghĩ xem có cách nào chế biến lại, cho con dao vừa nhẹ vừa dễ đâm và chém. Mình ít sắt nên phải làm thế nào mỗi người chỉ cần một thứ vũ khí mà dùng được nhiều việc.

Huệ và một miếng cơm, nhai vài lần, nuốt vội để nói:

– Phải đấy. Ta cần một thứ vũ khí đa dụng. Gần thì chém được, xa thì đâm được. Nếu cần cột lại làm thang để leo thành, hoặc làm cán để khiêng lương thực, tải thương.

Thận e dè nói:

– Khó được như vậy lắm. Vì còn tùy thuộc vào cái cán. Để đâm gần phải dùng gươm. Đâm từ xa đã có giáo. Cán dài thì tất nhiên khó xoay trở lúc xáp sát địch.

Huệ nói:

– Theo kinh nghiệm mấy lần xáp trận, tôi thấy khó nhất là đánh từ xa. Đánh gần thì dao găm, dao quắm cán ngắn, lưỡi thật sắc nhọn cũng đủ. Lúc đó điều quan trọng là lòng can đảm, là ý chí quyết thắng. Còn đánh từ xa thì có nhiều điều phải tính toán hơn. Phải tìm đồ chắn tên, nhất là tên mang môi lửa. Phải có cách vượt hào, leo thành. Vũ khí vì vậy cần phải dài. Tôi có ý này anh Thận nghĩ thử xem: ta thử tìm cách chế một loại vũ khí vừa đâm được, vừa móc địch mà kéo ngã được, vừa đốt cháy địch được, vừa làm thang leo thành được, cán nó dài như thế này, còn ở đầu kia... còn ở đầu kia...

Huệ trở đầu dừa vẽ xuống đất một thứ liềm rồi dăm dăm suy nghĩ, vì thấy phác đồ chưa đáp ứng được đòi hỏi, Thận

cũng lặng lẽ theo dõi. Lâu lắm, trong lò rền chỉ có tiếng cây đèn chai cháy nổ lép bép. Khói từ lò rền tỏa nhẹ, mang theo mùi thơm nồng của một loại gỗ đại nào đó. Thấy Huệ suy nghĩ lâu quá, Thận nhắc:

– Anh ăn cơm đã.

Huệ vẫn không rời mắt khỏi phác đồ, đưa chén cơm lên và một tiếng. Anh nhả mặt, vội vã quay sang bên phải nhổ miếng cơm trong miệng ra. Thận ngỡ ngác nhưng hiểu ngay lý do, cười ha hả nói:

– Anh lại và cơm bằng đầu đĩa dơ chứ gì. Khỏi cười nhạo tôi nữa nhé!

Huệ cười nhỏ chữa then, trở đầu đĩa và thêm một miếng cơm nữa, vừa nhai vừa hỏi Thận:

– Đòi cho được một thứ vũ khí mà làm được nhiều việc khó lắm nhỉ? Hay ta gom lại hai ba thứ vũ khí làm một, gắn lại với nhau thế nào cho thật gọn, thật chắc, khi cần tháo ra dễ dàng? Như ta chế một loại gồm cái giáo để đâm, cái liềm móc để kéo, và cái đuốc để đốt.

Thận cười, nhận xét:

– Anh tham lam quá. Tôi chịu thua rồi!

Huệ chế nhạo:

– Chịu thua sớm thế! Nghĩ chút nữa, phải tìm ra mà!

Thận muốn làm vừa lòng khách, đáp bừa:

– Vâng. Thế nào cũng nghĩ ra thôi. Nhưng anh ăn đi chứ!

Huệ lại tiếp tục ăn, không liếc nhìn cái phác đồ dưới nền đất nữa. Thận hỏi:

– Chuyến này anh lên đây được lâu không?

– Gấp lắm. Tôi bàn với anh một chuyện quan trọng ngay bây giờ đây. Anh làm ơn xối cho tôi chén nữa. Cơm cháy cũng được không sao. Chuyện như thế này. Anh biết đấy, hơn hai tháng nay ta tấn công nhiều nơi, kiểm soát được một dải dài dọc theo núi, vắt ngang qua hai phủ Qui Nhơn và Phú Yên. Nhưng cái khó là dân chưa tin chúng ta, chỉ mới qui thuận cầm chừng. Họ còn sợ quân phủ trở lại. Cho nên tình thế cứ dằng dằng, nếu theo lối cũ mà nống lẩn như tằm ăn dâu thì không biết đến chừng nào mới đến sát được chân thành Qui Nhơn. Lương thực ta ít, quân số ít, thời gian càng kéo dài lòng quân càng sa sút. Ta phải đổi lối

đánh thôi. Dồn hết sức lực, chuẩn bị đầy đủ lương thực và vũ khí, ta làm một mũi nhọn đánh thẳng xuống Kiên Thành lập căn cứ tại đó, rồi theo đường sông ta tiến thẳng xuống phủ. Phủ Qui Nhơn mất, tất nhiên bọn hào lý các nơi sợ hãi bỏ trốn, ta khỏi mất công cử từng đội đến bao vây tấn công hết làng này đến làng khác như lâu nay. Việc của anh là vũ khí. Anh liệu xem, lò rèn này có đủ sức rèn đủ vũ khí trong vòng một tháng không?

Thận e dè đáp:

– Tôi sợ không đủ. Thợ ít quá. Còn chuyên chở sắt từ dưới đó lên đây nữa. hôm qua tôi chờ chuyển ngựa thồ...

Huệ cắt lời Thận:

– Tôi hiểu. Tôi hiểu. Hay là thế này. Ta dời trại rèn xuống dưới trạm, để tiện việc thêm thợ và sắt.

– Còn trại trên này thế nào?

– Tùy tình hình. Về được Kiên Thành, tất nhiên chúng ta phải về cả dưới xuôi, chỉ để một số nhỏ lại đóng giữ trại, phòng khi lại cần đến. Trước mắt, ta dời trại rên xuống đó. Vâng, tôi biết anh đang lo cho gia đình. Bác Hai với chị Nhõ, hãy tạm ở trên này cho an toàn. Chỉ một mình anh xuống trước. Lúc nào ta lấy được An Thái anh hãy đem chị về luôn. Không lâu đâu! Anh cứ tin tôi đi.

★

Cả buổi sáng, Huệ bận bịu nhiều việc ở lò rèn, việc nào cũng quan trọng và cấp thiết như nhau, tuy mới nhìn có vẻ như những chuyện lật vặt. Cái tin lò rèn sẽ dời xuống dưới đèo, đối với toàn

trại không có gì đáng chú ý, vô nghĩa như một chiếc lá rụng về cội mà thôi. Nhưng đối với thân nhân các thợ rèn tin đó đặt ra cho họ nhiều vấn đề.

Huệ phải tiếp một người đàn bà già yếu, tóc bạc rụng nhiều và lưng đã còng, bước đi yếu ớt phải vịn vai một đứa cháu gái khoảng 10 tuổi. Bà lão tự giới thiệu:

– Tôi là mẹ thằng Bảy Búa. Nghe nói các ông dẫn nó xuống đồng không cho ở đây nữa. Vợ nó chết lâu rồi. Hai bà cháu tôi đây thoi thóp cho đến ngày nay là nhờ nó. Bây giờ các ông dẫn nó đi, ai nuôi hai bà cháu tôi đây?

Sau đó đến lượt hai người vợ, và một ông cha. Rồi Hai Nhiều cũng đến than phiền số cuộc và rửa lò rèn cung cấp chưa đủ, việc vỡ hoang bị trễ nại sợ không kịp gieo lúa rẫy và tủa bắp. Huệ

hứa hẹn với người này, trấn an người kia, giải thích thêm nhu cầu ưu tiên của việc quân. Không có người nào hoàn toàn thỏa mãn, nhưng nét mặt của họ bớt vẻ hốt hoảng lo lắng hơn lúc đến.

Đã thế, Thận lại không dồn hết tâm trí vào việc xếp dọn lò rèn. Về mặt anh có vẻ lơ đãng, hình như mãi lo cho gia đình trước lúc chia xa. Huệ thông cảm tâm trạng của Thận, càng đáng giúp Thận một số việc. Cho đến giờ ngo, Huệ thấy Thận hấp tấp tìm anh, gương mặt rạng rỡ hẳn lên. Huệ nói đùa:

– Được chị Nhõi cho phép xuất hành rồi phải không?

Thận ngó người một lúc, sau khi hiểu ý Huệ, liền nói:

– Không phải đâu. Tôi có chuyện cần

nói với anh. Lại đây, không, lại chỗ kia, chỗ gần gốc cây có mặt đất phẳng. Thế này nhé! Hôm qua anh nói cần một thứ khí giới làm được nhiều việc, có phải không? Cả đêm hồi hôm tôi không ngủ được. Đừng cười nhạo tôi, không phải chuyện ấy đâu. Tôi nói thật mà. Tôi cứ nghĩ mãi: làm sao chấp nhiều thứ khí giới vào làm một, chẳng hạn như anh gợi ý là gom cái giáo, cái liềm móc với cây đuốc vào nhau. Tôi thấy anh nói cũng có lý. Tại sao không chế biến được? Chỉ tại ta lười suy nghĩ mà thôi. Quá khuya, lũ nhỏ đi ngủ nhà hoàn toàn yên tĩnh, tôi ngồi một mình ráng tìm. Gần sáng vẫn chưa được gì. Sáng nay tôi lại nghĩ, chấp thế nào cũng không tiện. Lúc nãy vừa nghe anh nói chuyện với ông già tôi, tôi vừa nghĩ ngợi. Dần dần tôi thấy mẫu khí giới mới dùng được nhiều việc đó hiện ra rõ ràng hơn. Tôi vẽ cho anh xem nhé.

Huệ giục:

– Thì anh cứ vẽ đi. Chuyện đông dài quá rồi.

Thận vừa lấy một nhánh cây nhỏ vẽ lên đất vừa nói:

– Vũ khí này ta dùng để đánh kẻ địch từ xa, nên cần loại cán dài [3] . Tôi nghĩ phải dài như cỡ cái dao, hay một cái sào. Trên đầu sào có trét dày một thứ nhựa để bắt lửa, như là nhựa dầu chai chẳng hạn. Bên ngoài lớp nhựa có quấn một lớp lá. Như vậy là ta có một cây đuốc rồi nhé. Bây giờ ở đầu sào này ta buộc thêm một cái gậy ngắn. Buộc bằng gì ư? Bằng dây dừa chắc chắn, hoặc bằng xích sắt, miễn là phải quấn thế nào để khi ta vung mạnh một cái, khúc gậy ngắn có buộc nhiều lưỡi câu sẽ bắn ra xa hơn. Như vậy là ta thêm được một cái đoạn còn và cái liềm

móc đẩy nhé! Khi ra trận, ta đốt nhựa cho cháy rồi lao sào ra phía trước, những giọt mưa vung bắn vào quần áo, thân thể kẻ địch. Chúng sẽ bị cháy, hoặc nhẹ hơn nữa cũng phải lúng túng nên bị bắt sống. Một bộ phận điều khiển ở cán sào có thể giúp ta khóa mở nút buộc cuộn dây cột cái còn gắn vào đầu sào. Nhờ đó, khi cần đánh địch ở tầm xa hơn, ta múa sào, lao mạnh đầu gậy vào địch. Đầu gậy có nhiều móc câu này đủ sức đập chết kẻ địch, đánh gãy gươm giáo của chúng, hoặc móc đúng vào quần áo và kéo ngã chúng xuống. Tôi mới nghĩ đến đó chưa kịp nghĩ bộ phận điều khiển sẽ như thế nào.

Huệ chú ý theo dõi hình vẽ loại vũ khí mới do Thận sáng chế, càng nghe càng khâm phục tài chế tạo của người thợ rèn. Thận giải thích xong, ngừng lên

dò xem phản ứng của Huệ. Huệ rạng rỡ nét mặt, nắm lấy hai cánh tay Thận giật giật, tỏ dấu vui mừng, nói với Thận:

– Anh nghĩ được một kiểu khí giới lạ lắm. Chưa biết khi đem ra dùng sẽ gặp các khó khăn nào, nhưng tôi tin là phải thành công. Xuống trạm đặt xong ống bễ, ta bắt tay làm thử cái mẫu khí giới này, cái... cái gì nào? Lao, côn, đuốc, câu đều không đúng cả. Anh tìm cho nó cái tên đi!

Thận đỏ mặt vì mừng rỡ và ngượng, lúng túng nói:

– Đặt tên ư? Tôi chịu! Đến tên đứa con trai đầu lòng tôi còn chưa biết đặt như thế nào, đến nay vẫn gọi là thằng Cu.

Huệ suy nghĩ một lúc, đề nghị với Thận:

– Nhất định dùng vũ khí này thì quân địch phải chết khiếp, sợ ta như sợ cọp. Không chết cháy thì cũng vỡ đầu bươm trán vì đoản côn lao tới. À, tôi nghĩ ra rồi. Ta đặt nó là cọp lửa. Hoặc nói cho văn hoa thì là “hỏa hổ”. Hỏa hổ, hay lắm. Hỏa hổ. Cọp lửa. Anh xem tên nào được hơn?

Cứ thế, hai người bàn cãi liên miên về công dụng loại vũ khí mới, quá bữa cơm trưa lúc nào không biết. Đến xế chiều, các thợ rèn bu đến hỏi Thận đủ việc, Huệ mới có cơ hội ghé qua trại chính để gặp Lữ.

✱

Huệ ghé thăm nhà ông giáo vào sáng hôm sau, theo lời gửi gắm của thầy. Anh

muốn đến sớm hơn, nhưng có một sức mạnh nào đó cứ làm vướng chân anh. Hai lần trên đường đến lò rèn đi qua nhà ông giáo, Huệ đều dùng dằng, lo âu vu vơ, khổ sở, xấu hổ vì cảm giác e ngại xao xuyến khác thường của mình. Cả hai lần ấy cửa nhà ông giáo đóng, nhờ thế Huệ yên tâm hơn, tự cho rằng mình đã cố làm đủ bốn phận.

Buổi sáng Huệ đến nhà thầy, anh cũng lo lắng, chần chừ, hồi hộp y như hai lần trước. Khác một điều là cửa nhà ông giáo mở. Anh không có cách tự dối mình nữa, phải bỏ đường lớn rẽ vào nhà thầy.

Anh vừa thất vọng vừa vui mừng khi chỉ gặp Láng ở nhà. Lãng trách:

– Nghe anh lên từ hôm kia. Báo hại hai chị em cứ lóng ngóng chờ anh mãi!

Huệ cảm thấy nhịp chảy của máu nóng trong thân thể dồn dập rộn rã hẳn lên. Mí mắt anh giật. Hơi nóng râm ran ở đầu mũi. Lòng anh bồn chồn, như sắp ôm trọn được tất cả những gì đáng mơ ước nhất của một đời người trước đôi mắt ghen tị, thèm thuồng của thiên hạ. Lãng nói tiếp hai ba câu gì đó Huệ không nghe rõ, anh chỉ nghe tim mình đập quá mức thường. Đến lúc tai Huệ tỏ hơn, anh nghe Lãng nói:

– ... Chị ấy cứ nhất quyết bảo tại em. Em cũng nhất quyết bảo không phải thế. Người khác có thể không hiểu em, cho em là đứa hèn. Chứ anh thì không. Em nói: để anh ấy đến đây em sẽ hỏi. Chị đừng đoán già đoán non nữa. Chị ấy nói hỏi làm gì, có hỏi người ta cũng không nữ nói thật. Em tức quá, hai chị em cãi nhau cả buổi tối.

Huệ chỉ hiểu lơ mờ, nên hỏi Lãng:

– Nhưng hỏi cái gì? Hỏi ai?

Lãng ngớ người, hỏi Huệ:

– Hỏi ai ư? Hỏi anh chứ còn ai nữa!

– Mà hỏi chuyện gì chứ?

– Em vừa nói đấy. Chị An cứ đổ thừa tại em hèn nhát bỏ trốn về đây mà anh giận, không thèm đến đây nữa. Có thực đúng như vậy không?

– Sao lại giận Lãng? Lãng về hay ở lại, có ảnh hưởng gì đến tôi đâu!

– Thế mới nói! Em bảo em ở đội của ông Tuyết, sau đó chuyển qua làm với anh Lợi...

Huệ vội hỏi:

– Rồi An bảo thế nào?

– Chị ấy nói em loanh quanh cãi nhăng. Em bảo chỉ có chị là lằng nhằng. Không thể tại sao bỏ công nấu nướng giúp người ta, lại ngăn không cho em đẹp quách cái bàn thờ kia đi.

Huệ quay lại, thấy cái bàn thờ Lợi bày hôm giỗ mẹ vẫn còn đó. Trong lư hương, một nén nhang tàn đã lâu, cọng tàn màu trắng cong mình gục xuống mặt gạo vương vãi những đám tro khác. Huệ cảm thấy đau nhói ở lồng ngực, lòng hân hoan tiêu tán hết. Sự thực chua chát đáng sợ đã xảy ra ở đây rồi. Điều ta lo âu, không thể tránh khỏi được. Những lời đồn đãi không phải hoàn toàn vô căn cứ. Tại sao điều mọi người đều thấy, đều đoán trước mà ta không thấy? Cái gì che mắt ta? Cái gì lừa dối ta? Cái gì? Niềm hy vọng vu vơ lằng đằng, bám víu vào một ánh mắt, một câu nói, một cái cúi đầu

thẹn thùng, một vẻ bối rối, một cách nói lúng lơ? Tất cả chỉ là những lăm lăm hay giả trá, đáng thương hay đáng ghét vì dù ở trong trường hợp nào, Huệ vẫn tự thấy mình ngu ngơ quá chừng. Huệ liếc nhìn cái bàn thờ một lần nữa, trước khi quay hỏi Lãng:

– Sao không có nhang khói gì cả?

– Em thì không ưa ngay từ đầu. chị An nói tội nghiệp, bà cụ chết thảm, chỉ còn một mình anh Lợi lo nhang khói thôi nên xin phép cha em cho đặt bàn thờ. Chị ấy thấp được vài hôm, sau cũng quên luôn. Nhưng khi em định dọn bàn thờ đi, chị ấy không chịu.

Huệ cố giấu sự vui mừng, hỏi tiếp:

– Làm sao hai chị em biết tôi đã về?

– Máy bác thợ rèn đi làm về kháo

nhau, làm ồn cả xóm chỉ vì mấy bà vợ không muốn xa chồng. Với lại sáng hôm qua, tụi em có thấy anh đi lên trại. Em định gọi, nhưng chị An ngăn lại.

– Sao vậy?

– Chị ấy bảo người ta đã khinh không thèm đến, thì gọi làm gì.

Huệ cười, lòng hoàn toàn hờn hờ. Lãng hờ:

– Anh nói thật nhé. Anh có khinh em hèn nhất không?

– Sao lại hèn nhất?

– Ấy là người ta nói thế. Người ta xem em là đồ vô tích sự. Bảo em sợ chết nên trốn về đây. Em nghe chỉ cười, không thèm cãi chính. Em tin là anh hiểu em.

– Có lẽ tôi hiểu Lãng thuộc một cuộc đời khác, cảm nhận mọi sự ở đời theo một lối không giống nhiều người. Chẳng hạn tôi đoán xem có đúng không nhé, chẳng hạn Lãng cho tất cả những gì mọi người đang làm, nào rèn vũ khí, nào đánh giết nhau, nào thua nào thắng, tất cả những cái đó đều không có ý nghĩa, đều vô ích. Đều chỉ là trò lãng xảng, chẳng những không đi tới đâu, mà còn lầm lẫn nữa.

Lãng ghen ghét lời, không nói được gì thêm, nhìn Huệ như nhìn một người thấu thị, một thầy phù thủy đọc được huyền vi của đời sống như đọc chữ trên trang sách mở.

Lãng nuốt nước bọt cố dẫn xúc động, hỏi Huệ:

– Nếu em nghĩ như vậy, thì đúng hay sai?

Huệ cười:

– Vừa đúng vừa sai. Nhưng chúng mình không nên tranh luận nhau làm gì. Chờ lúc khác vậy. Bây giờ Lãng cho tôi biết vài điều để xuống dưới trạm, thầy có hỏi tôi còn biết cách đáp. Sao, lâu nay ở nhà có gì lạ không?

– Không có gì lạ. Vẫn thường.

– Lãng làm gì?

– Em vào đội làm rẫy. Buổi chiều em có giúp anh Lữ vài chuyện vặt, như xem lại sổ sách, viết bản kết toán. Chừng nào cha em về, anh?

– Chắc còn lâu đấy. Thầy bận túi bụi.

– Thế mà hôm đi cha em bảo chỉ khoảng vài ngày.

– Vài ngày sao được! Nhiều nghĩa

quân, kể cả các đội trưởng, đến nay vẫn chưa biết hoàng tôn Dương là ai, tôn phù hoàng tôn Dương thì được lợi cái gì. Chính mình khởi xướng mà còn ú ớ thế thì làm sao nói cho dân chúng họ tin được. Cho nên thầy phải đi hết đội này đến đội nọ giải thích. Tức cười, có nhiều người hỏi những câu bất ngờ lắm.

Lãng tò mò hỏi:

– Bất ngờ thế nào anh?

– Họ nói hoàng tôn cũng là hạng con vua cháu chúa, lấy gì bảo đảm khi hoàng tôn lên ngôi, đời sống của họ sẽ khá hơn trước? Họ hỏi thế Đức Thầy Cả đi đâu rồi? Giữa Đức Thầy Cả và hoàng tôn, sau này ngôi thứ phân làm sao, ai cao ai thấp? Họ còn đùa nghịch bảo hoàng tôn được gọi là chị Dương. Thế sau này khi đã thành công, hoàng tôn có buộc mọi

người đàn ông phải gọi nhau bằng mẹ, mẹ, chị, mẹ thằng cu hay không? Vất vả lắm! Công việc của thầy không dễ dàng đâu!

✱

An ở ngoài rẫy về bắt gặp Huệ và Lãng đang cười đùa ồn ào về những câu pha trò của nghĩa quân. An về, cuộc nói chuyện khựng lại, mất hết tự nhiên. Huệ e ngại những câu nói tục giữa đàn ông con trai với nhau đã lọt vào tai An, còn Lãng đã bắt đầu nhận ra rằng Huệ đến đây không phải vì mình, và nếu biết điều, nên tìm một cơ nào đó để ra khỏi nhà. Nhưng Lãng vẫn còn thích nói chuyện với Huệ, nên cậu cứ lóng ngóng, nửa muốn đứng dậy, nửa muốn ngồi nán lại. An bảo em:

– Sao không rót nước mời khách. Thằng này chẳng được việc gì cả.

Huệ vội can:

– Thôi, khách khứa gì. Khỏi phải đi nấu nước, Lãng ạ. Nếu siêng, đi nấu cơm giúp cho chị thì hơn.

An hấp tấp nói:

– Nó nấu không được đâu. Không khê thì lại sống.

Lãng ngo ngác chẳng hiểu chị muốn mình đi xuống bếp hay muốn mình ngồi lại tiếp chuyện. Kể cả Huệ cũng không hiểu. Không khí trong phòng đầy e dè, ngượng ngập, không ai biết hai người kia định làm cái gì, định nói chuyện nào. Cuối cùng, Lãng phải đứng dậy nói với chị:

– Để em ra phía sau nhà ôm củi vào.

An định ngăn em lại, nhưng nghĩ sao, lại để mặc cho Lãng bước ra khỏi phòng. Hai người im lặng nhìn nhau, chưa ai tìm ra được câu nào cho tự nhiên để xóa tan sự lúng túng. An che giấu bối rối bằng cách cầm cái bình trà rót nước đã nguội lạnh ra chén. Tay cô hơi run, nước trà theo chiếc vòi cong chảy leo xuống đáy bình, nhỏ cả ra khay. An đẩy chén nước về phía Huệ, lấy hơi để thêm bạo dạn, cố hỏi Huệ bằng giọng vui vẻ, tự nhiên nhất:

– Anh về lúc nào?

Huệ trả lời mà quên cả suy nghĩ:

– Tôi mới về!

An cười nhỏ, nhìn thẳng vào mắt Huệ trách:

– Em hỏi thế thôi, chứ đã biết anh về ba hôm nay rồi.

Huệ lúng túng biện hộ:

– Nhiều chuyện gấp quá, tôi không có thì giờ đến thăm cô với Lãng.

– Vâng, em biết lúc nào anh cũng có nhiều việc quan trọng phải làm. Thăm em với Lãng, thì lúc nào chả được.

– Không phải thế đâu.

Chờ một lúc chưa nghe An nói gì, Huệ tiếp:

– Trước khi đi, thầy căn dặn mãi là phải tạt qua đây xem nhà có bình thường không. Thầy dặn nếu cái mái sau bị gió xốc lên, trời mưa dột thì khỏi cần phải thay tranh. Lãng nên tìm vài thanh nứa cột chặt lại là đủ. Thầy còn nhắc An lục

trong cái hộp giấy để ở trên đầu tủ, gần chỗ bó sách đó, An tìm cho thấy chai rượu ngâm mật gấu gửi người mang xuống.

Những chi tiết vụn vặt của đời sống riêng tư trong gia đình có sức mạnh xua tan những e dè khách sáo giữa hai người, nhất là những lời dặn dò của ông giáo chuyển lại qua lời Huệ. An cảm động, nhìn Huệ thấy được hình ảnh một người anh ân cần lo lắng cho đời sống mình. Cô dịu dàng hỏi:

– Cha em có đau yếu gì không, anh?

– Thầy vẫn khỏe. Gần như thầy khỏe và trẻ hẳn lên. Đi đứng nhanh nhẹn, nói cả ngày không biết mệt. Nhiều lúc thầy vừa giảng giải vừa pha trò, còn chen cả chuyện tiểu lâm nữa. Anh em thích lắm.

An ngạc nhiên hỏi:

– Cha em giảng giải cái gì? Giảng giải cho ai?

Huệ kể sơ lược công việc ông giáo như vừa kể cho Lãng. Dĩ nhiên Huệ không nhắc đến các chi tiết có thể làm đỏ mặt An. Nghe xong, An lo ngại nói:

– Thế là lại bắt đầu vào trận mới!

Huệ hăng hái đáp:

– Vâng, chuyến này ta sẽ xuống sâu hơn... Ta nhất quyết phải về cho được quê nhà. An sửa soạn về An Thái đi!

An buồn rầu nói:

– An Thái đâu phải quê em.

– Không phải An Thái thì quê An ở đâu nữa!

– Em cũng chẳng biết.

Huệ an ủi:

– An đừng buồn. Người ta thường nói “về quê”. Nhưng đâu mới là quê hương ta? Như gia đình tôi chẳng hạn. Nếu căn cứ vào nguồn gốc tổ tiên, thì quê hương chúng tôi ở tận Hưng Nguyên ngoài Nghệ. Gần hơn, nếu kể đến đời ông nội thì quê hương là đây, nơi ông tôi bị đày lên phá rừng lập nghiệp. Đến đời cha tôi, dời nhà xuống Kiên Thành thì quê hương là Kiên Thành. Cho nên quê hương là chỗ để về, nơi có một mái nhà, có những người thân yêu, có những kỷ niệm đẹp nhất của một đời. Nơi một hòn sỏi, một gốc cây cũng đủ khiến ta bồi hồi xúc động. Đó, tôi nghĩ quê hương phải như vậy. An xem thử mái nhà quay về hướng tây đó, chái nhà học, cái chợ gần bến sông, cây gạo “thơm tho” từng làm

chúng ta nghi ngờ nhau, cái miếu giữa đồng trống, những mùa gặt, rồi nào chuyện vui buồn... tất cả những thứ đó ở An Thái có làm cho An bồi hồi hay không. Nếu có, thì An Thái nhất định là quê An rồi.

An cảm động quá, bao nhiêu kỷ niệm cũ dồn dập hiện về, cô rơm rớm nước mắt khi nhớ lại những vui buồn đã qua, muốn trả lời Huệ mà không nói được. Huệ bảo:

– An có nhớ cái thời đó không?

An đáp nhỏ, hơi nghẹn:

– Suốt đời không bao giờ em quên được!

Giọng Huệ mừng rỡ:

– Thế thì An Thái là quê hương của An đó!

An thì thảo:

– Em mong thế!

– Sao lại mong.

– Em sợ lúc trở về, chỉ còn cảnh điêu tàn mà thôi!

– Điều đó không thể tránh khỏi. Rồi ta lại xây nhà mới. Không thể nào tìm lại mọi thứ y như lúc trước đâu. Chính chúng ta đây cũng đổi khác rồi. Chúng ta lớn khôn hơn, dày dặn hơn. Thời đó An chỉ mới là một cô bé. Bây giờ... Huệ nhìn chăm chăm vào mặt An, chỉ thấy một mái tóc lò xo, một cái trán da trắng, và một cái mũi thanh tú. Huệ không dám nói hết ý mình, sợ có điều gì quá lộ liễu, ba hoa, xúc phạm đến lòng tự ái và khiêm nhường của cô gái. An hơi ngửng mặt lên. Huệ thấy thêm một cặp mắt

buồn, và đôi môi mím lại, như cố nén một tiếng khóc.

Bên ngoài, đột nhiên gió rừng thổi mạnh, chỗ mái nhà đột ông giáo cản dạn Lãng sữa, tranh bị xốc lên, những mụn tranh mục rơi lả tả xuống chỗ Huệ ngồi. Huệ ngồi im không dám đưa tay lên phủi bụi trên áo và mái tóc, sợ làm xao động sự suy nghĩ của An. An nói thật nhỏ:

– Lại sắp có bão rừng. Em sợ lắm! Chùng nào anh lại đi?

Huệ cảm thấy lòng chùng xuống, nói dối:

– Công việc ở đây còn nhiều. Chắc phải ba bốn hôm nữa!

